

Những Tấm Gương Xưa

Tác giả: Quách Tấn
Thể loại: Nghệ Thuật Sống
Created by: <http://isach.info>
Date: 08-September-2016



Những Tấm Gương Xưa

Tác giả: Quách Tấn

Thể loại: Nghệ Thuật Sống

Created by: <http://isach.info>

Date: 08-September-2016



Kho ebook online

<http://isach.info>

MIẾNG ĂN



Con Người có ăn mới sống. Cho nên miếng ăn quý nhất đời. Thầy Mạnh Kha nói " Quốc dĩ dân vi bản, dân dĩ thực vi thiên". Nghĩa là " Nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm trời". Lấy ăn làm trời tức là quý lắm vậy.

Miếng ăn rất quý vì nuôi sống người, nhưng cũng rất tồi vì thường con người vì nó mà chém giết lẫn nhau, vì nói mà xem thường nhân phẩm của mình. Như mang tiếng là " ham ăn", là "háu ăn ", là " chực ăn ", là " đồ ăn vụng ", là " phờng ăn tạp ". .vân vân..., nghe thật không sướng tai tí nào cả.

Nhiều khi chỉ vì một miếng ăn, mà người đời quên cả đại nghĩa. Như Cự Đà nước ta, chẳng hạn.

Cự Đà làm quan triều vua Trần Thái Tông (1225-1258).

Một hôm nhà vua ban xoài đầu mùa cho các quan trong triều. Cự Đà không được phần, đem lòng oán giận.

Năm Đinh Tị (1257), giặc Mông Cổ sang đánh nước ta. Quân ta chống không nổi. Vua và triều thần phải bỏ kinh đô, chạy về đóng ở bên sông Thiên Mục tỉnh Hưng Yên. Cự Đà xuôi dòng chạy trốn, xảy gặp Thái Tử Trần Khoán đi thuyền ngược lên. Thái Tử gọi Cự Đà, nói:

- Quân giặc hiện ở đâu?

Cự Đà lạnh lùng đáp:

- Hãy tìm bọn được ăn xoài mà hỏi.

Vừa đáp vừa bơi thuyền đi thẳng.

Được ít lâu quân ta đánh đuổi được quân Mông Cổ ra khỏi nước. Trở về kinh đô, Thái Tử tâu vua cha theo phép nước

trị tội Cự Đà. Thái Tông đáp:

- Lỗi tại ta.

Rồi bỏ qua không hỏi đến.

Chao ôi! Chỉ vì một miếng xoài không đáng giá bao lăm, mà đến nỗi bỏ nghĩa tôi chúa! Nếu gặp phải ông vua hẹp lượng, ít ra cũng rụng một chiếc đầu!

Ca dao có câu:

Miếng ăn là miếng tòi tàn

Mất ăn một miếng lộn gan lên đầu

Đó là trường hợp Cự Đà vậy.

Nghe câu chuyện Cự Đà chắc có bạn tưởng là một chuyện độc nhất xưa nay. Thưa không. Xưa nay hiếm gì chuyện tương tự. Tôi xin kể thêm một chuyện nữa làm tin: chuyện người đánh xe của Hoa Nguyên, đời Xuân Thu ở Trung Quốc:

Hoa Nguyên là tướng nước Tống.

Quân Sở sang đánh Tống. Vua Tống sai Hoa Nguyên đem quân chống cự. Trước khi xuất chinh, Hoa Nguyên làm thịt dê đãi sĩ tốt. Người đánh xe cho Hoa Nguyên là Dương Châm không được dự tiệc. Khi ra trận Dương Châm bảo:

Tiệc dê hôm qua đặt dưới quyền ngài. Công việc hôm nay ở trong tay tôi.

Nói xong đánh xe chạy thẳng vào giữa địch. Hoa Nguyên bị giặc bắt, quân Tống thua to. Binh Sở lấy được hơn bốn trăm chiến xa với chiến mã bọc thiết giáp, bắt sống được trên 250 tù binh, và cắt tai hơn trăm quân tử trận. Còn Dương Châm thoát được nạn.

Vua Tống định dâng vua Sở một trăm chiến xa và một trăm cỗ xe tứ mã để chuộc Hoa Nguyên. Nhưng lễ vật chưa đưa sang thì Hoa Nguyên đã trốn khỏi tay địch. Về Tống gặp Dương Châm trước thành, sợ Châm lo ngại, Hoa Nguyên ngỏ lời an ủi:

- Tại con ngựa của nhà ngươi nên mới xảy ra cố sự.

Dương Châm đáp:

- Đâu phải tại ngựa, chính tại người.

Rồi bỏ trốn sang nước Lỗ.

Sách xưa bàn rằng:

- Dương Châm không đáng làm người. Vì hờn riêng mà làm cho nước bị thua, dân bị hại. Trước pháp luật, không tội nào nặng hơn. Kinh Thi có câu " Nhân chi vô lượng " dùng để chỉ Dương Châm thật xứng đáng.

Đó là vì một miếng ăn mà sanh thù.

Miếng ăn đã sanh được thù, thì lẽ rất nhiên cũng sanh được ân vậy.

Như bát cơm Phiến Mẫu của Hàn Tín.

Hàn Tín là một trong tam kiệt đời Hán.

Lúc còn hàn vi, Tín thường mang gươm đi lang thang hết nơi này đến nơi nọ. Một hôm bị đói cắt ruột, xảy gặp một bà lão giặt vải bên sông, Biết Tín đói, bà lão nhân có mang theo bát cơm, bèn lấy cho ăn. Hàn Tín ghi ơn. Sau mang ấn soái giàu có muôn xe, tìm đến bên sông, thì bà lão đã mất. Để tỏ tấc lòng thành cùng người đã khuất, Hàn Tín lấy ngàn thoi vàng bỏ xuống sông. Không ai biết tên bà lão là gì, nên gọi là bà Phiếu Mẫu, nghĩa là bà mẹ phiếu vải. Và để nói đến ơn người có hảo tâm nhin miệng cứu người, khách văn thơ thường dùng thành ngữ " bát cơm Phiếu Mẫu: .

Xin kể thêm một chuyện nữa:

Chuyện này cũng như chuyện Hàn Tín, đã xảy ra bên Tàu, bởi vì nước Tàu đất rộng người đông nên mới lắm chuyện để cho những người hay ngứa mồm ngứa mép như tôi có chuyện mà nói cho đỡ buồn. Chuyện xảy ra thời nào và nước nào tôi quên mất, chỉ nhớ lại mà rằng:

Một hôm nhà vua mở tiệc đãi quần thần. Trong bữa tiệc có món chả cá mùi thơm ngon không thể tả. Một người lính hầu thềm nhiều nước dãi. Một quan hàm lâm trông thấy thương tình. Khi món chả đưa đến, quan hàm lâm lấy phần mình trao cho người lính hầu và nói:

- Ta no quá không ăn được nữa, nhà ngươi ăn hộ ta.

Người lính hầu rất lấy làm ơn.

Sau một thời gian, trong nước có loạn. Giặc đánh vào kinh đô, vua quan mạnh ai nấy chạy. Giặc đuổi theo giết hại rất nhiều. Quan hàm lâm sắp bị khốn thì một tên lính liều thân cứu nạn. Không biết là người nào mà lại hết lòng với mình đến thế, quan mới ân cần hỏi thăm. Người lính cung kính đáp:

- Ngài không nhớ tên lính hầu đã được ngài nhin món chả ngon cho ăn đó ư?

Miếng ăn có tác dụng thế ấy, thì người có được miếng ăn ngon tưởng không nên quên những người ở quanh mình, nhất là những người chia sẻ công lao khổ, hoặc nhiều hoặc ít, nghĩa là chớ nên dành hưởng trọn miếng ngon một mình. Và người quý món ăn hơn nhân nghĩa, cũng nên dẹp bớt lòng oán giận, những khi miếng ăn không vào miệng được, vì mỗi thù do miếng ăn sanh ra thường kéo theo những hậu quả không được tốt, như trong chuyện Cự Đà, Dương Châu.

Mà nghĩ cũng nực cười: Người phàm chúng ta thì bám vào miếng ăn, khiến miếng ăn gây được ân được oán. Còn các bậc thánh lại bỏ ăn để cho thiên hạ sợ. Như thánh Cam Địa (Gandhi) Ấn Độ.

Thánh Cam Địa cứ mỗi khi phản đối một chính sách gì của người Anh, mà người Anh không chịu sửa đổi, thì thánh nhịn ăn cho đến khi có kết quả mới thôi, có khi nhịn đói hàng tháng.

Một trường hợp khác là câu chuyện về hai hoàng tử nước Cô Trúc là Bá Di và Thúc Tề.

Bá Di, Thúc Tề là hai anh em ruột. Bá Di là anh, Thúc Tề là em.

Vua Cô Trúc băng hà di chiếu truyền ngôi cho Thúc Tề. Thúc Tề bảo ngôi ấy của anh nên nhường lại cho Bá Di. Bá Di nhất định không nhận vì không dám trái lệnh vua cha. Hai anh em người thì lấy phụ mệnh làm tôn, người thì lấy thiên luân làm trọng, cứ nhường qua nhường lại cho nhau mãi. Rốt cuộc không ai nhường cho ai được, cả hai bèn bỏ ngôi, đi tìm nơi ẩn dật.

Cuối đời nhà Thương, vua Trụ dâm dật tàn bạo, nhân dân đồ thán. Vũ Vương đương còn trong tang chế, vì dân phải cử binh đi đánh Trụ. Bá Di, Thúc Tề nghe biết, ra nắm dây cương ngựa, cản lại và nói rằng:

- Cha chết chưa chôn, mà đã lo việc chinh chiến, thế có gọi là hiếu được không? Bầy tôi đánh vua để cướp nước, thế có gọi là nhân được không?

Những người thân cận Vũ Vương, tức giận toan giết. Thái Công (tức Lã Vọng) can:

- Không nên, hai ông là người Nghĩa, phải kính trọng.

Rồi bảo quân lính ôm hai ông lại để ngựa vua Vũ đi.

Khi vua Vũ diệt được Trụ, dựng nên nhà Chu, thiên hạ ai cũng tôn phò. Bá Di, Thúc Tề chê là bất nghĩa, không thèm ăn thóc nhà Chu, đem nhau lên núi Thú Dương, hái rau Vi mà độ nhật, và có bài Thái Vi (Hái rau Vi) rằng:

Đặng bỉ Tây Sơn hề, thái kỳ Vi hĩ.

Dĩ bạo dịch bạo hề, bất tri kỳ phi hĩ!

Thần Nông, Ngu, Hạ hốt yên một hề,

Ngã an thích quy hĩ?

Vu ta tồ hề, mệnh chi suy hĩ!

Nghĩa là:

Lên núi Tây hề, hái năm rau Vi

Lấy bạo thay bạo hề, còn phải trái gì?

Thần Nông, Ngu, Hạ đã mai một hề,

Ta biết đâu mà qui y

Nghĩ thâm thương hề, thời mạng đã suy!

Sau có người đến bảo rằng:

- Nhà Chu nổi ngôi trời trị thiên hạ, thì nơi nào lại chẳng phải của nhà Chu, mà lại ăn rau núi này thì chẳng phải ăn rau nhà Chu thì là rau ai?

- Hai ông nghe nói, bèn nhịn đói cho đến chết.

Cổ nhân gọi hai ông là Thánh Chi Thanh, nghĩa là hai vị thánh trong sạch.

Và cụ Nguyễn Công Trứ có bài thơ vịnh hai ông rằng:

Danh chẳng màng mà lợi chẳng mê,

Ấy gan hay sắt hỡi Di, Tề?

Gặp xe vua Vũ tay dừng lại,

Thấy thóc nhà Chu mặt ngoảnh đi.

Cô Trúc hồn về mây ngụt ngụt,

Thú Dương danh để đá tri tri.

Câu NHÂN đã được NHÂN thời chớ,

Cũng chẳng hờn chi chẳng trách chi.

Nếu người đời ai cũng như Bá Di, Thúc Tề thì câu " dĩ thực vi thiên " của thầy Mạnh không đứng vững. Nhưng rất tiếc từ xưa đến nay, từ Đông chí Tây chỉ có một Bá Di, một Thúc Tề. Cho nên trong thế gian thường sanh gió mưa sấm sét vì mềng ăn. Để tránh những cảnh tượng không nên thơ vì miếng ăn gây ra, chúng ta nên nhớ câu cách ngôn " Manger pour vivre et non vivre pour manger", nghĩa là " Ăn để sống chớ không phải sống để ăn.

LỜI NÓI



rời sanh hai lỗ tai để nghe, hai con mắt để nhìn, hai lỗ mũi để thở, thế mà chỉ sanh có một lỗ miệng, lại bắt kiêm nhiệm đến hai chức vụ là ăn và nói.

Do đó, Xưa kia có một anh chàng thường chê hoá công không công, mà cũng không tuyệt xảo. Một hôm anh chàng mua được một xâu nem chua đem về nhà, rồi xách chai đi mua rượu, định sẽ rủ vài ba ông bạn để đánh chén mua vui. Nhưng khi mua rượu về thì không thấy xâu nem bèn hỏi chị vợ. Vợ Đáp:

- Nem mới chua, ngon quá, nên vui miệng em ăn hết rồi.

Nói đoạn kéo chồng ra chỉ đồng lá. Anh chàng tức mình nện vợ một tát. Chị vợ liền nổi tam bành lên... . Mà người đàn bà khi nổi tam bành lên thì, chao ôi, tất cả những giông tố ở trong lòng đều tuôn ra nơi cửa miệng. Anh chàng hãi hùng trốn mất, Sau đó anh ta giác ngộ rằng:

- Đấng tạo hoá thật là chí công chí minh. Chỉ có một lỗ miệng mà ăn đến thế ấy, nói như thế ấy, hưởng hồ cơ quan ăn, cơ quan nói mà cũng sanh cả cặp như cơ quan thấy, nghe, nghĩ thì ai chịu nổi, ai sống nổi với chúng.

Lời nói của anh chàng kia thật chí lý thay!

Cho nên từ xưa đến nay ai cũng sợ lỗ miệng. Nói sợ lỗ miệng thì không đúng lắm. Phải nói là ai cũng sợ "khả năng chuyên môn" của cơ quan ấy, nghĩa là sợ việc ăn và việc nói, tức là sự đưa vô, đưa ra của lỗ miệng.

Hai việc đều đáng sợ, nhưng sự đưa vô, tức là ăn không dễ sợ bằng sự đưa ra, tức là nói. Bởi vì có đói mới ăn được và có thức ăn mới có thể ăn. Không đói, không thức

ăn, thì dù có tham ăn cho mấy cũng không ăn được. Đến việc nói, thì không nói có, có nói không, muốn hại ai thì đặt đủ điều để vu cáo, muốn bưng bọ ai thì hòn chì cũng chuốt ngót cho thành bạc trắng đồng đen. Cụ Nguyễn Công Trứ có câu:

Lúc ghét dẹt thù ngay hoá vẹo,

Khi thương tô điểm méo nên tròn.

Thật là dễ sợ!

Vì sợ lời nói làm hại cho bản thân, làm hại cho kẻ khác, nên cố nhân rất thận trọng lời nói. Để giới ngôn, người nước Lỗ đúc một pho tượng bằng đồng cao gần một trượng, lỗ miệng khoá ba ống khóa. Người nước Tề sang thấy, không hiểu ý nghĩa ra sao mới tìm người mà hỏi, nhưng không ai chịu nói rõ. Sau cùng gặp một ông lão bảo cho biết rằng:

- Bức tượng ấy cụ thể hóa câu cách ngôn " tam giam kỳ khẩu " nghĩa là " lỗ miệng khoá ba khóa ".

Người nước Tề lại hỏi:

- Tại sao lại khoá đến ba khóa?

Ông lão đáp:

- Nếu chỉ khoá một thì khóa ở nơi nào? Khóa ở nơi mép bên hữu ư? Thì giữa miệng và mép bên tả hở. Khóa ở mép bên tả ư? Thì giữa miệng và mép bên hữu hở. Khóa ở giữa miệng ư? Thì hai bên mép hở. Khóa một thì hở hai nơi. Khóa hai thì còn hở một. Mà miệng đã hở ít hay hở nhiều gì cũng đều có hại. Muốn thật kín thì phải khóa ba khóa vậy.

Giữ mồm giữ mép đến thế thật là triệt để.

Xem những sự tích xưa còn để lại thì chúng ta thấy rằng người đời xưa cũng như đời nay đều thích nói, và thích nói

nhiều.

Nói, mục đích để truyền sang người ý muốn của mình. Như vậy cần chi phải nói nhiều cho hao hơi, mà chỉ tìm cách nói làm sao cho lời nói của mình lọt vào tai người nghe là đạt được mục đích. Như cách nói của Trần Tử Ngang sau đây là một

Trần Tử Ngang là một thi nhân đời Đường. Thơ của Trần làm rất nhiều và rất hay, nhưng ít người biết đến.

Năm Vĩnh Thuần (682) đời Vua Đường Cao Tông, Trần đem thi phẩm của mình ra Kinh Đô, nhưng tìm mãi không được người giới thiệu. Một hôm ra chợ thấy một người bán một cây Hồ Cầm mà giá đòi đến một vạn quan tiền. Ai nấy đều ngơ ngác hỏi nhau; "Đàn này quý ở chỗ nào mà giá đắt đến thế?". Một người giàu nhất kinh đô nghe đồn đến xem, nhưng không dám mua. Trần không mặc cả, dốc túi bỏ ngay vạn quan, mua cây đàn. Thiên hạ xúm lại hỏi duyên cớ. Trần đáp:

- Đó là một vật quý nhất đời. Nhưng nay tôi có việc gấp phải đi. Nếu ai muốn biết thì ngày mai đến nơi tôi trú ngụ ở xóm Tuyên Dương, tôi sẽ giải thích rõ.

Sáng hôm sau, thiên hạ kéo đến nhà trọ của Trần đông như hội. Rượu thịt đãi khách đã bày sẵn. Khi chén đã cạn, Trần nâng cây đàn lên nói rằng:

- Tôi là Trần Tử Ngang, quê ở Tứ Xuyên, có hơn một trăm bài thơ đưa đến Kinh đô mà chẳng ai biết cho. Còn cây đàn Hồ Cầm này là một vật nhỏ mọn thì xúm nhau lại xem! Than ôi! Chốn văn vật này, ngờ đâu không một ai biết người biết của!

Nói xong đập cây đàn vỡ tan, rồi lấy thơ mình ra phân phát cho mọi người. Chỉ trong một ngày, những bài thơ của Trần Tử Ngang phát ra đã truyền tụng khắp đây đó.

Quan Tư Không Vương Thích nức nở khen rằng văn chương đáng đứng đầu thiên hạ.

Năm ấy, Trần đi thi đỗ tiến sĩ, làm chức Tả Thập di.

Được ít lâu, vua Cao Tôn băng hà, Vũ Hậu chấp chính. Trần được thăng Lâm Đài Chính sự. Vũ Hậu giết hại Tôn thất, làm nhiều điều dâm loạn, không ai dám hé môi, chỉ có Trần dâng sớ can gián, lời lẽ chính đáng, được Vũ Hậu nghe theo.

Nói cho nghe theo, chẳng những lời nói phải khéo léo, cách nói phải hoà nhã, mà còn phải nhắm đối tượng. Đức Khổng Tử dạy rằng:

- Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng dã. Trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã.

Nghĩa là: từ bậc trung trở lên thì có thể dùng lời cao mà nói. Từ bậc trung trở xuống thì không thể dùng lời nói cao mà nói được.

Các nhà du thuyết mà thành công là nhờ biết rõ đối tượng. Lôi cuốn được nhiều người theo, từ xưa đến nay cũng phải chịu Trương Nghi và Tô Tần thời Chiến Quốc. Nhưng đó là hai nhà du thuyết chuyên nghiệp, nói giỏi là lẽ tất nhiên. Có nhiều người, thỉnh thoảng mới nói, mà nói rất ít, mà lời nói có hiệu quả hơn trăm nghìn lời đại hải tràng giang. Như Dĩnh Khảo Thúc.

Dĩnh Khảo Thúc là người nước Trịnh thời Chiến Quốc.

Vua nước Trịnh là Trang Công vì mẹ làm chuyện phạm pháp quá đáng, bắt đày đi xa và ông thề rằng:

- Bất cập hoàng tuyền vô tương kiến dã.

Nghĩa là " Không xuống suối vàng thì không cùng thấy mặt ".

Đình thần nhiều người khuyên can, nhưng nhà vua nhất định không đổi ý, lại ra lệnh rằng hễ ai còn đề cập đến việc ấy nữa thì sẽ bị tử hình. Ai nấy đều sợ.

Dĩnh Khảo Thúc nghe tin, bắt một con chim vào dâng cho Trang Công. Nhà vua hỏi chim gì. Tâu rằng:

- Đó là giống chim bất hiếu. Lúc nhỏ mẹ tha mồi nuôi cho đến lớn. Lớn lên bắt mẹ ăn thịt. Vì vậy người đời rất ghét, hễ bắt được nhất thiết không tha.

Kịp người đầu bếp dâng thịt dê. Nhà vua lấy một miếng ban cho Dĩnh Thúc. Dĩnh Thúc bái lĩnh, nhưng không ăn, lấy lá gói kỹ cất vào tay áo. Nhà vua lấy làm lạ hỏi. Tâu rằng:

- Tôi còn mẹ già, từ bé chưa bao giờ được ăn món ngon, nên tôi nhịn để về dâng cho mẹ.

Nhà vua cảm động nói:

- Người thật có phước còn mẹ để nuôi. Ta đây không có mẹ!

Dĩnh Thúc giả bộ thất kinh:

- Đại Vương nói gì lạ thế? Thái hậu vẫn còn sức khoẻ kia mà?

Trang Công ứa nước mắt, thuật lại chuyện mẹ con bất hòa và lời thề đã lỡ thốt. Dĩnh Thúc tâu:

- Nếu Đại Vương còn thương tưởng đến Thái Hậu thì phá lời thề ấy có khó gì. Đại Vương cho đào một hầm thật sâu ở dưới đất, rước Thái hậu xuống trước, rồi Đại Vương sẽ xuống hội kiến và rước Thái Hậu về.

Nhà vua cả mừng, làm theo lời Dĩnh Thúc. Mẹ con gặp gỡ ôm nhau mà khóc, bao nhiêu buồn giận đều theo nước mắt mà tan.

Rước Thái Hậu về cung, Trang Công nói cùng Dĩnh Khảo Thúc:

- Nếu không có nhà người chỉ bảo thì ta có khác gì giống chim.

Liền phong tước lộc cho Dĩnh Thúc và cho làm quan tại triều.

Dĩnh Thúc thành công là nhờ biết rõ tâm lý của Trang Công: Giận mẹ nhưng vẫn thương mẹ. Cho nên trước lấy sự bất hiểu của loài chim làm cho nhà vua nhột ý, sau mới đem lòng hiếu thảo của chính mình ra để làm cho nhà vua động lòng, rồi mới đi vào sự việc một cách êm nhẹ. Đó là cách dùng mây để tả trắng vậy.

Chắc có bạn hỏi:

- Ở nước ta xưa nay có người biết nói, nghĩa là nói ít mà gây ảnh hưởng nhiều, như Trần Tử Ngang, Dĩnh Khảo Thúc, chẳng?

Thưa không hiếm.

Tôi xin chứng minh bằng một câu chuyện xảy ra thời Pháp thuộc, mà nhân vật trong câu chuyện là cụ Phan Sào Nam.

Cụ Phan bị thực dân Pháp bắt về an trí tại Huế. Cụ có một chiếc thuyền thường neo dưới gốc cây sung nơi bến Ngự.

Một hôm người đi đường thấy thuyền của cụ treo ở trên cây, ai nấy đều lấy làm lạ. Có người làm dạn vào hỏi nguyên nhân. Cụ đáp:

- Nước mất thì thuyền phải treo.

Câu chuyện không mấy chốc mà truyền khắp Thần kinh và rồi lan dần vào Nam ra Bắc. Hai tiếng " nước mất " lập đi lập lại trên đầu môi người này sang người khác và gây

ảnh hưởng không ít trong lòng người dân còn biết đến cái nhục bị mất nước, phải chịu làm nô lệ cho ngoại bang.

Thật là lời ít mà ý nhiều, có hiệu quả gấp trăm nghìn lời tuyên truyền dài từng râu chữ.

Nói nhiều, không phải lúc nào cũng đều không tốt. Nói mà lợi dân lợi nước như cụ Sào Nam, nói mà nên nghĩa nên nhân như Đinh Khảo Thúc..., thì nói mấy lại không được. Ngặt lời nói " té vàng té bạc " thì ít, còn những lời nói " sạt xương mông " thì lại nhiều. Cho nên Thánh Hiền luôn luôn khuyên người đời phải cẩn ngôn, tức là thận trọng lời nói. Cổ nhân ít nói là vì hổ rằng mình không kịp người, hoặc sợ nói ra rủi làm không được thì xấu hổ.

Tây phương có câu: "*Lời nói là bạc, sự im lặng là vàng*". Lại có câu: "*Nếu xét lời nói có ích lợi hơn sự im lặng thì hãy nói*". Thật là những lời quý hơn vàng.

Nhưng im lặng là im lặng nhằm lúc, chớ đừng im lặng như kiểu cậu bé trong Rừng Cười của ta:

Cậu bé thường nghe cha mẹ dạy:

- Không ai hỏi thì không nên nói.

Cậu vâng lời.

Một hôm đưa em bé té xuống giếng, cậu trông thấy nhưng cứ im lặng. Bà mẹ không thấy con chạy kiếm. Kiếm không ra mới hỏi cậu bé. Cậu bé đáp:

- Em rút xuống giếng rồi.

Bà mẹ giận quá đánh cho mấy tát tai. Cậu bé vừa khóc vừa nói:

- Đã dặn người ta hễ không ai hỏi thì không nên nói. Người ta nghe lời, không nói, lại đánh người ta!

Đó, trong những trường hợp như thế đó, sự im lặng đâu có phải là vàng?

Cho nên sự im lặng cũng như lời nói, có giá trị hay không là do sự biết nói, biết im lặng. Nên nói hay nên im lặng là tùy theo chuyện, tùy theo lúc, tùy theo nơi. Nhưng dù phải nơi, đúng lúc, nhằm chuyện đi nữa, nói ít vẫn hơn. Mà ít đây là lời nói, chớ ý thì không nên ít vậy.

LƯỠI KHÔNG XƯƠNG



tục ngữ có câu:

- Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.

Vì nhiều đường lắt léo, nên rất lợi hại.

Để diễn tả sự lợi hại của vật không xương kia, người Tây Phương thường nói:

- Lưỡi của Esope (Langues d Esope)

- Esope là ai mà có lưỡi lợi hại đến nỗi thành tục ngữ?

- Là một danh nhân Hy Lạp sống vào khoảng cuối thế kỷ thứ VII đầu thế kỷ thứ VI trước kỷ nguyên Thiên Chúa.

Esope là một nô lệ được giải phóng.

Chủ là Xanthos sai Esope đi chợ và dặn:

- Hãy mua món gì ngon nhất.

Esope mua toàn lưỡi. Hỏi vì sao. Đáp:

- Ở trên đời không có gì tốt hơn lưỡi. Đó là mối dây đoàn kết của xã hội, chìa khoá của khoa học, cơ quan của lý luận, của luân lý, của thành tín. .

Để bắt bí Esope, hôm sau Xanthos sai đi chợ nữa và dặn:

- Hãy mua món gì dở nhất.

Esope cũng mua toàn lưỡi. Hỏi vì sao. Đáp:

- Ở đời không còn có gì xấu hơn lưỡi. Đó là mẹ đẻ của kiện cáo, nguồn gốc của chia rẽ, của giặc giã, quê hương của ngụy biện, của vu cáo, của hành vi bất tín bất thành...

Do câu chuyện đó mà có thành ngữ " Lưỡi của Esope" kia.

Esope đã chia ra hai thứ lưỡi là lưỡi tốt và lưỡi xấu.

Lưỡi tốt mọc nơi miệng người quân tử, vị tha.

Lưỡi xấu mọc nơi miệng kẻ tiểu nhân, ích kỷ.

Gươm Trạm Lư, gươm Bàn Dĩnh, gươm Ngư Trường có tiếng là chặt sắt như chặt bùn, nhưng vẫn chưa bén bằng lưỡi bọn tiểu nhân ích kỷ, bình sanh chỉ biết có lợi và danh. Và gươm dù bén đến đâu cũng không nguy hiểm, không tai hại bằng lưỡi những phường danh lợi, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến mình. Bởi vì gươm chỉ chém thẳng một đường, còn lưỡi kẻ tiểu nhân uốn bên này cũng được, uốn bên kia cũng được.

Trong sách Hàn Phi Tử có câu chuyện rằng:

Có một người ở nước Sở vừa bán thuần vừa bán mâu.

Ai hỏi mua thuần thì anh ta khoe:

- Thuần này rất chắc, không gì đâm thủng.

Ai hỏi mua mâu thì anh lại khoe:

- Mâu này thật sắc đâm gì cũng thủng.

Một người nghe khoe, bèn hỏi:

- Thế bây giờ lấy mâu của bác đâm vào thuần của bác thì sao?

Đố bà con biết anh ấy trả lời thế nào?

Sách không thấy nói. Nhưng tôi đoán chắc rằng anh ấy xoa tay cười hì hì và đáp:

- Thì bác phải mua thử cả hai thứ, đem về nhà thí nghiệm tất thấy rõ.

Lưỡi của anh chàng nước Sở đó kể cũng đã lắt léo. Song kể cũng không có hại bao nhiêu và cũng không có gì là ác. Tấc lưỡi Đặng Tích sau đây mới thật là thâm độc không lường.

Đặng Tích là một nhà luật pháp có tiếng thời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Trịnh.

Một năm nước sông Vỹ lên to. Một người nhà giàu ở gần sông không may bị chết đuối. Có kẻ vớt được xác. Thân nhân nhà giàu đến xin chuộc. Kẻ kia đòi quá nhiều tiền. Thân nhân người giàu không chịu, đem chuyện thưa cùng Đặng Tích, Đặng Tích bảo:

- Cứ để yên. Hẳn còn bán xác ấy cho ai được mà sợ.

Thân nhân người bị nạn theo lời.

Kẻ vớt được xác không thấy thân nhân người bị nạn đến nữa, lấy làm lo cũng đem chuyện thưa cùng Đặng Tích, Đặng Tích cũng đáp:

- Cứ để yên. Hẳn còn mua xác được của ai mà sợ.

Kẻ vớt xác cũng theo lời.

Thành ra xác chết bị thúi!

Lưỡi của Đặng Tích làm hại đến cả người chết!

Lưỡi xấu mà mọc vào miệng những kẻ ít tài ít trí, thì cái hại cho đời có ít. Nếu rui mọc vào miệng những người có nhiều khả năng thì đời sẽ sanh nhiều tai nạn, khả năng của người có lưỡi xấu nhiều bao nhiêu, tai nạn lưỡi gây cho đời cũng nhiều bấy nhiêu. Như lưỡi của Trương Nghi là một.

Trương Nghi là một tay du thuyết đại tài thời Chiến Quốc.

Thời Chiến Quốc là một thời tao loạn. Chánh lệnh của nhà Châu không còn được tuân phụng. Các nước chư hầu luôn luôn gây sự. để thôn tính lẫn nhau. Lần lần bị diệt hết chỉ còn bảy nước là Tần, Sở, Tề, Yên, Triệu, Ngụy, Hàn gọi là Thất Hùng. Mỗi nước hùng thị một phương. Nhưng địa thế nước Tần thẳng lợi hơn cả cho nên các nước thường bị Tần uy hiếp.

Để chống lại nước Tần, Tướng quốc Triệu là Tô Tần xướng lên thuyết Hợp Tung, liên kết sáu nước lại thành một khối, giúp đỡ lẫn nhau, che chở lẫn nhau.

Khi mới bắt đầu, Tô Tần sợ Tần đem binh đánh thì kế hoạch liên hiệp phải thất bại, bèn sai người tâm phúc là Giả Xá Nhân đi tìm Trương Nghi

Trương Nghi vốn cùng Tô Tần là bạn đồng môn, học trò Quý Cốc.

Sau khi giã thầy giã bạn, Trương Nghi về nước Ngụy, đến cầu thân cùng Ngụy Huệ Vương, nhưng Huệ Vương không dùng. Trương Nghi phải dắt vợ con sang Sở. Tướng quốc nước Sở là Chiêu Dương thấy Trương Nghi nói năng hoạt bác liền thu dùng làm môn hạ. Kế đó Chiêu Dương đem quân đánh Ngụy lấy được bảy thành Tương Lăng, Sở Uy Vương thưởng cho viên Ngọc Bích họ Hoà. Chiêu Dương rất quý, đi đâu cũng đem ngọc theo bên mình.

Một hôm Chiêu Dương cùng tân khách và môn đệ hơn trăm người ra chơi ở Xích Sơn, bày tiệc rượu mua vui. Rượu ngà ngà say, tân khách xin Chiêu Dương cho xem viên Ngọc Bích. Chiêu Dương lấy ngọc để lên bàn, năm sắc óng ánh. Mọi người đều vui mừng rồi thay nhau cầm xem. Chợt viên ngọc biến mất, tìm mãi không thấy. Trong đám tân khách và môn đệ theo hầu Chiêu Dương, Trương Nghi là người nghèo khó nhất, nên bị tình nghi là kẻ lấy trộm ngọc. Chiêu Dương truyền đem tra vấn.

Trương Nghi vốn không phải kẻ lấy ngọc, nên nhất định không chịu nhận lời buộc tội. Bọn môn hạ đánh Trương Nghi đến chết ngất rồi kéo bỏ ngoài gò. Có người thương Nghi bị đánh oan, mới vực đem về nhà. Người vợ trông thấy đau lòng, nói:

- Bởi chàng theo đuổi việc đọc sách và du thuyết nên mới bị nhục. Nếu ở nhà lo cày cuốc làm ăn thì đâu đến nỗi này.

Trương Nghi há mồm hỏi vợ:

- Cái lưỡi ta có còn chẳng?

Người vợ tức cười đáp:

- Còn.

Trương Nghi nói:

- Lưỡi còn tức là tiền của đó. Nàng chớ lo rằng mãi khốn cùng.

Đoạn nghỉ dưỡng sức ít lâu, rồi dắt vợ con sang nước khác. Giữa đường nghe tin Tô Tần đã được vua Triệu phong là Tướng quốc, Trương Nghi toan sang Triệu thì gặp Giã Xá Nhân. hai bên làm quen rồi cùng nhau sang Triệu.

Đến Triệu, Trương Nghi đưa danh thiếp vào xin yết kiến Tô Tần, nhưng không được Tô Tần tiếp. Trương Nghi vừa giận vừa buồn, muốn bỏ đi nơi khác, nhưng vì tiền lương đã cạn, cực chẳng đã phải ở nán lại. Sau Tô Tần cho gọi vào, đưa mắt lạnh nhạt hỏi:

- Quý huynh vẫn được bình yên đấy chứ?

Trương Nghi, khí tức đầy ruột, lặng thinh không đáp.

Chợt lính hầu vào bẩm dâng cơm trưa. Tô Tần bảo Trương Nghi:

- Việc quan bận rộn, phiền quý huynh đợi ít lâu. Bây giờ xin mời bữa cơm đạm bạc.

Nói rồi truyền dọn cơm dưới công đường đãi Trương Nghi, còn Tô Tần thì ngồi ăn trên cao. Mâm cơm trên lại ê hề cao lương mỹ vị, còn mâm cơm dưới thì chỉ có rau cùng tương. Trương Nghi tức giận bỏ về.

Đương khi bức tức thì gặp lại Giã Xá Nhân, Trương Nghi liền đem nổi nhục nhã của mình kể lại. Giã Xá Nhân liền rủ Trương Nghi sang Tần. Trương Nghi mừng rỡ, nói:

- Trong bảy nước chỉ có Tần là mạnh hơn cả. Sức Tần đánh thẳng Triệu dễ như chơi. Nếu tôi sang Tần mà được đặc dụng, thì quyết đem quân đánh Triệu để báo thù Tô Tần.

Giã Xá Nhân nói:

- Tôi có người bạn quen làm quan lớn ở Tần. Tôi sẽ tìm cách cho tiên sinh tiến thủ.

Trương Nghi liền cùng Giã Xá Nhân kết làm anh em, rồi cùng nhau lên đường.

Đến Tần, Giã Xá Nhân bỏ tiền đút lót cho những kẻ thân cận vua Tần, xin tiến cử Trương Nghi.

Vua Tần là Huệ Văn Vương nghe kẻ tả hữu bàn về Trương Nghi, liền cho đòi vào yết kiến. Trương Nghi vào cùng nhà vua bàn việc chư hầu, miệng lưỡi như suối. Vua Tần đặc ý, phong Trương Nghi là Khách Khanh.

Sau Trương Nghi được hiển đạt, Giã Xá Nhân từ biệt xin đi. Trương Nghi ứa nước mắt, nói:

- Trước đây tôi bị cùng khổ, nhờ ngài trợ giúp mới có ngày nay. Tôi chưa kịp báo ơn sâu, sao ngày lại vội bỏ tôi như thế?

Giã Xá Nhân đáp:

- Ôn ấy đâu phải của tôi. Tôi chỉ là kẻ thừa hành của Tô Tướng Quốc.

Trương Nghi ngạc nhiên, hỏi:

- Ngài bỏ vàng bạc ra giúp tôi nên sự nghiệp, cố sao lại nói đến Tô Tần?

Xá Nhân nói;

- Tô Tướng Quốc chủ trương thuyết liên hiệp chư hầu. Trong lúc chưa thành hình, sợ Tần đem quân sang đánh Triệu, làm hỏng kế hoạch, nên phải tìm người tâm phúc, đến cầm quyền hành chính nước Tần. Việc ấy ngoài Tiên Sinh ra, còn ai làm nổi. Vì vậy mới sai tôi đi tìm Tiên Sinh, lại sợ Tiên Sinh lấy địa vị nhỏ nhất làm thỏa mãn, nên cố ý ngược đãi để Tiên Sinh quyết chí sang Tần. Tướng Quốc lại đưa cho tôi nhiều vàng bạc để cung ứng cho Tiên Sinh đặc dụng ở Tần. Nay Tiên Sinh đã được đặc dụng, nhiệm vụ tôi đã hết, nên tôi phải về bẩm cho Tướng Quốc hay.

Trương Nghi thở dài:

- Lâu nay ta nằm trong chiến thuật dịch vận của Tô Tần mà không biết. Tài năng ta thật không sánh kịp Tô Tần! Xin phiền Ngài trở về chuyển lời tôi cảm ơn Tô Tần. Và để báo ân Tô Tần đã giúp tôi nên sự nghiệp, tôi sẽ không bàn đến chuyện đánh Triệu.

Nhờ vậy mà thuyết Hiệp Tung của Tô Tần thực hiện được, khiến thiên hạ được yên ổn trong một thời gian.

Nhưng rồi Trương Nghi xướng ra thuyết Liên Hoàn, đi du thuyết các nước, làm tan rã khối liên minh. Các nước trở lại đánh nhau không ngớt. Vì binh đao mãi, nước nào cũng trở nên nghèo đói. Nước Tần thừa cơ thôn tính dần dần hết.

Tai hại thay ba tấc lưỡi của Trương Nghi.

Những người dùng miệng lưỡi mình, trí óc mình để làm hại kẻ khác, làm lợi cho mình, nhiều khi hại người chưa thấy đâu, mà cái hại lại quay ngay vào mình trước. Như trường hợp anh thầy kiện trong sách Duyệt Vi. Rằng:

Ngày xưa có một thầy kiện rất giỏi. Mỗi khi thảo đơn kiện cho ai, định buộc tội, gạt lỗi, mà ý nghĩ chưa được sâu sắc, lời nói chưa được chặt chẽ, thì cứ muốn ngồi yên một chỗ để cầu tứ. Những lúc ấy thường dặn người nhà không được làm ồn, khách đến không tiếp, cả vợ cũng phải tránh đi nơi khác.

Người vợ thầy kiện vốn có tình cùng người láng giềng, mới nghĩ ra được một diệu kế: những khi thầy kiện cầu tứ, chị ta cứ lại chuyện trò quấy rối. Thầy kiện tức mình đến phải mắng và đuổi sang nhà khác. Thế là những khi thầy kiện cầu tứ thì người vợ đi sang láng giềng ân ái cùng tình nhân. Kể hàng bao nhiêu năm mà thầy kiện không hay biết.

Sau thầy kiện vì cầu tứ mãi mà chết. Người vợ chữa hoang, bị nhà chồng kiện. Quan tra xét căn do. Vợ thầy kiện thú thật. Quan vỗ bàn, thở dài:

- Ngòi bút, chót lưỡi của thầy kiện đã khéo, ai ngờ cơ trời còn khéo hơn.

NÓI TỶ DỤ



ục ngữ có câu:

- Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng.

Muốn cho người có bệnh không sợ đắng, các nhà bào chế thuốc tìm cách nào cho thuốc có vị mùi ngon, mà vẫn giữ được nguyên chất. Đối với lời nói cũng thế. Để cho sở thuyết của mình đem lại kết quả mong muốn, kẻ năng thuyết thường dùng những phương thuật để tránh sự làm mích lòng, làm mất lòng người nghe. Vì lời nói dù phải đến đâu mà làm mất lòng hay mích lòng người nghe, thì chẳng những không có ích cho người nghe mà còn có hại cho người nói, không nhiều thì ít.

Bởi vậy, ông già bà cả thường khuyên con cháu phải " học ăn học nói ". Nhưng muôn học, chúng ta không biết học ở đâu bây giờ? Không có trường, âu chúng ta tạm học người xưa trong sách vở.

Nói lọt tai người nghe, xưa nay ai cũng phục Tô Tần thời Chiến Quốc. Tài ăn nói của họ Tô thật tuyệt vời. Dù người sắt đá đến đâu nghe Tô Tần nói cũng phải mềm dạ. Như Mạnh Thường Quân là một:

Mạnh Thường Quân là một người nghĩa hiệp nước Tề. Gia khách có từng đoàn từng toán, phần nhiều đều là kẻ có tài trí. Mạnh Thường Quân muốn sang Tần du thuyết. Trong nhà ngoài nước, có hàng nghìn người đến can ngăn, nhưng Mạnh Thường Quân không nghe. Tô Tần bèn đến yết kiến. Mạnh Thường Quân bảo:

- Việc người thì ta không còn sót gì nữa. Chỉ có việc qui thần thì ta chưa rõ mà thôi.

Tô Tần đáp:

- Ấy! Tôi đến đây không phải để nói việc người, mà chính để nói chuyện quỷ thần cùng Các hạ.

Mạnh Thường Quân bảo:

- Ừ, thì nói nghe thử.

Tô Tần nói:

- Vừa rồi, đi qua sông tôi nghe một pho tượng đất cùng pho tượng gỗ nói chuyện với nhau. Tượng gỗ bảo tượng đất: " Người là đất nặn thành hình, đến mùa mưa nước lụt tràn ngập, thì thân người sẽ bị rã tan ". Tượng đất đáp: " Ta vốn là đất, nếu bị tan rã thì đất lại hoàn đất thôi. Cứ như nhà người là gỗ tạc thành hình, khi nước tràn lên, thì chưa biết tấm thân sẽ trôi dạt về đâu, và rồi cũng không biết sẽ ra thế nào nữa ". Nay nước Tần là nước hiểm trở, vua nước Tần là vua bạo ngược, nếu các hạ vào đó thì có ra được không?

Mạnh Thường Quân nghe thấm ý liền dẹp chuyện sang Tần

Chao! Hàng nghìn người can không ngã, mà chỉ một câu nói của Tô Tần thay đổi hẳn ý định của Mạnh Thường Quân.

Mạnh Thường Quân thấy Tô Tần đến, đột ngột đem chuyện quỷ thần ra hỏi, cố ý làm cho Tô Tần khó trả lời. Không ngờ Tô Tần ứng biến nhanh, mượn ngay con đường Mạnh Thường Quân hé mở mà tấn công vào tận gan phổi. Cho nên toàn thắng.

Lại một khi, nước Triệu toan đánh nước Yên. Tô Tần vì nước Yên, san nói với vua nước Triệu là Huệ Vương, rằng:

- Vừa rồi qua sông Dịch Thủy, tôi thấy trên bờ một con trai đang há miệng phơi mình trên cát. Chợt một con cò

bay đến, mổ vào thịt con trai. Trai liền ngậm miệng kẹp lấy mỏ cò. Cò giãy không ra, liền nghĩ bụng: " Hôm nay nắng, ngày mai nắng, thế nào trai cũng chết khô". Trai cũng nghĩ: " Hôm nay không rút mỏ được, ngày mai không rút mỏ được, thế nào rồi cò cũng chết đói ". Hai bên găng nhau, không bên nào chịu nhin. Bỗng đâu có người đánh cá đi qua, trông thấy, bắt được cả đôi, thích chí cười ha hả... Nay nước Triệu đem quân sang đánh nước Yên, nước Yên tất phải chống lại. Hai bên tranh đấu với nhau lâu ngày, người tất bị hại, của tất bị tổn. Cả hai đều phải nghèo yếu. Tôi e nước Tần thừa cơ, đem quân chụp cả hai nước như người đánh cá chụp cả trai cò, thì lúc bấy giờ có hối cũng không kịp. Dám xin nhà vua thử nghĩ lại xem.

Vua Huệ Vương cho là nói phải, bèn đình việc đánh Yên.

Những chuyện chứng minh tài nói giỏi của Tô Tần, Chiến Quốc Sách, Đông Châu Liệt Quốc... có chép nhiều. Và ngoài Tô Tần ra, xưa nay cũng còn nhiều người nói giỏi, nói nghe rất lý thú

Đây chuyện một viên quan nói cùng Vua nước Ngô.

Vua nước Ngô muốn đem quân đi đánh nước Kinh. Nhiều người can gián. Nhà vua không nghe và ra lệnh:

- Hễ ai còn can ta đánh nước Kinh thì phải tội xử tử.

Không còn ai dám can nữa.

Một viên quan trẻ tuổi nghe lệnh, sáng nào cũng cầm cung tên đến chực nhà vua nơi vườn ngự, sương xuống ướt đầm cả áo bào. Chực đến ba hôm, nhà vua mới trông thấy, bèn phán hỏi:

- Người đến đây làm gì mà để sương xuống ướt sũng cả áo như thế?

Viên quan tâu:

- Trong vườn có cây cổ thụ cao chót vót. Trên ngọn cây có con ve sầu hút gió uống sương, cả ngày kêu rả rích, tưởng đã được sống yên thân. Chẳng ngờ đằng sau có con bọ ngựa đang giơ hai càng chực bắt. Con bọ ngựa muốn bắt con ve sầu, lại chẳng biết sau lưng mình có con chim chích vươn cổ chực mổ. Con chim chích muốn mổ con bọ ngựa có hay đâu dưới gốc cây có kẻ hạ thần đang giương cung toan bắn. Mà chính hạ thần đây vì ham bắn cho được con chim chích kia, cũng không biết rằng sương xuống ướt đầm áo. Như thế là vì đều ham mỗi lợi trước mắt mà quên hẳn cái hại ở ngay sau lưng.

Nhà vua nghe nói ngẫm nghĩ:

- Biết đâu các nước láng giềng lại có nước đang rình rập nước ta. Trong khi ta kéo quân đi đánh nước Kinh, nếu nước kia đem binh đánh úp ta thì lấy ai chống cự.

Nhận thức rõ chỗ lợi hại, nhà vua bèn thôi không đi đánh nước Kinh.

Còn một chuyện nữa cũng ý vị như thế. Đó là chuyện vua Tấn.

Vua Tấn là Văn Công đem quân đi đánh nước Vệ. Giữa đường gặp một ông lão cày ruộng cứ ngẩn mặt lên trời cười khanh khách. Văn Công cho đòi lại hỏi:

- Nhà ngươi cười gì thế?

Ông lão râu:

- Tôi cười người láng giềng của tôi. Anh ta đưa vợ đến nhà bà con thăm. Giữa đường gặp một con gái hái dâu, anh ta thích quá, lén vợ rẽ xuống ruộng nói chuyện cùng người con gái. Hồi lâu ngược lên xem người vợ đã đi đến đâu, thì thấy một chàng trai đang vẫy vợ anh ta... Ấy câu chuyện chỉ có thế, mà nghĩ đến tôi không thể nhịn cười được.

Văn Công nghe nói, tự nhiên tỉnh ngộ:

- Không khéo nước láng giềng cũng đang vấy nước ta.

Vội kéo quân trở về. Chưa đến kinh đô thì đã thấy báo có giặc ngoài xâm phạm biên giới.

Thật là những lời nói thật là hay!

Những lời nói thật mà không làm mất lòng hoặc mịch lòng người nghe, như những lời trong những chuyện kể trên, phần nhiều đều là những lời tỷ dụ.

Huệ Tử nước Lương xưa nói gì cũng hay tỷ dụ. Có người bảo vua Lương đừng cho Huệ Tử tỷ dụ xem có nói được gì hay. Vua nghe lời, đến chơi nhà Huệ Tử và phán:

- Tiên sinh có muốn nói gì cùng Quả Nhân thì xin nói thẳng, chớ đừng tỷ dụ nữa.

Huệ Tử tâu:

- Nay có một người ở đây không biết cái nỏ là cái gì, mới hỏi hình dạng. Nếu tôi đáp: " Hình dạng cái nỏ giống cái nỏ ", thì liệu người ấy có hiểu được không?

Vua đáp:

- Hiểu thế nào được.

Huệ Tử tâu tiếp:

- Khi nói với ai mà đem " cái " người ta đã biết ví sang "cái" người ta chưa biết, như thế là khiến cho người ta biết được dễ dàng. Nay nhà vua bảo tôi đừng tỷ dụ nữa thì tôi không sao nói được.

Bảo đừng tỷ dụ mà vẫn tỷ dụ dưới một hình thức dường như không tỷ dụ! Tài thật!

Lời nói thẳng là một cây gậy cứng. Lời tỷ dụ là một cây que mềm mại và dài. Lòng người có lắm khúc quanh co.

Gậy cứng thọc vào, bị những góc cạnh cản lại, không thể đến tận đáy lòng, nên phải dùng que mềm để uốn theo đường quanh, khúc queo, thì mới đẩy đến chốn đến nơi. Cho nên những lời có hiệu quả nhất xưa nay, phần nhiều là lời tỷ dụ.

Để dạy người đời Đức Phật cũng thường tỷ dụ.

Nhưng trước khi bắt chước chúng ta nên nhớ chuyện nàng Đông Thi.

CHỮ TRUNG

T

rung là gì?

Sách Trung Dung giảng rằng:

- Lấy điều mong ở con mà thờ cha, lấy điều mong ở tôi mà thờ vua, lấy điều mong ở em mà thờ anh (Sớ cầu hồ tử dĩ sự phụ, sớ cầu hồ thần dĩ sự quân, sớ cầu hồ ấu dĩ sự trưởng).

Sách Luận Ngữ nói rằng:

- Mình muốn đứng vững thì làm cho người đứng vững như mình, mình muốn thông suốt thì làm cho người thông suốt như mình (Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân).

Như thế là Trung.

Nói tóm lại: Lấy điều mình muốn kẻ khác làm cho mình, đem làm cho người, đó là Trung.

Nói một cách văn tắc hơn, thì Trung là hết lòng mình đối với người (Tận kỷ chi vị Trung).

Ý nghĩa của chữ Trung rộng rãi như thế. Nhưng sau khi chế độ phong kiến có qui định chặt chẽ rồi thì chữ Trung bị thu hẹp trong vòng vua tôi.

Và vì vua tượng trưng cho Nước, nên trung với vua tức là Yêu nước vậy. (Trung quân ái Quốc).

Vì có quan niệm như thế, nên đã nhiều người vì vua mà hy sinh quyền lợi riêng, hy sinh tánh mạng, không chút tiếc. Tận trung để báo quốc.

Như Thạch Thác đã giết con vì trung với chúa.

Thạch Thác làm tôi nước Vệ.

Vệ Hoàn Công tánh nhu nhược. Thạch Thác liệu không thể giúp nên việc lớn được, bèn từ chức lui về vườn.

Vệ Hoàn Công có một người em khác mẹ tên là Chu Hu, tánh rất hung bạo.

Thạch Thác cũng có đứa con tên là Thạch Hậu tinh thông võ nghệ và thường giao du với Chu Hu.

Khi Thạch Thác còn tại triều, Chu Hu và Thạch Hậu sợ uy, không dám nghĩ chuyện quấy. Sau khi Thạch Thác cáo quan, chúng không còn kiêng nể ai nữa, bèn mưu việc soán ngôi.

Kể đó vua Bình Vương nhà Châu băng hà, Vệ Hoàn Công sắm sửa đi điếu tang. Thạch Hậu bàn cùng Chu Hu:

- Ngày mai công tử bày tiệc tiễn hành. Tôi cho quân sĩ phục ở phòng tiệc. Lúc đương ăn uống, công tử hạ sát nhà vua. Triều thần có ai kháng cự, tôi sẽ ra tay.

Chu Hu theo lời và giết được Hoàn Công.

Cung quán đã bị Thạch Hậu bao vây, triều thần không ai dám trái lệnh. Chu Hu lên ngôi nước Vệ, phong Thạch Hậu làm Thượng Đại Phu. Em ruột Hoàn Công là công tử Tấn trốn sang nước Hình.

Chu Hu cướp ngôi anh, lòng nhân không phục. Để ra oai, Chu Hu cử binh đánh Trịnh. Tuy thắng trận, vẫn không chinh phục được lòng dân. Thạch Hậu bèn nói cùng Chu Hu:

- Muốn cho dân phục mình phải bắt những kẻ dân phục về làm phò tá. Trước kia cha tôi làm thượng khanh, ai cũng mến đức. Nay xin Chúa Công triệu cha tôi vào dự quốc chánh, thì ngôi báo ắt vững.

Chu Hu nghe lời, cho người mang vàng bạc đến rước. Thạch Thác giả đau, từ chối. Thạch Hậu vâng lệnh Chu Hu

về triều một lần nữa. Thạch Thách hỏi:

- Triều ta làm gì?

Thạch Hậu tỏ nỗi lòng kính trọng của Chu Hu rồi nói:

- Vì lòng dân trong nước chưa phục, Chúa Công sợ ngôi báu không vững nên muốn nhờ phụ thân chỉ giáo.

Thạch Thác đáp:

- Mỗi chu hầu lên ngôi phải có mạng vua nhà Châu mới chánh đáng. Nay Tân quân muốn mọi người từng phục thì phải vào chầu vua nhà Châu, Khi nhà Châu chấp thuận, ban áo mũ, thì ai còn dám không vâng mạng.

Thạch Hậu nói:

- Lời phụ thân nói rất phải. Song vô cớ vào chầu có bị nghi ngờ chẳng?

- Việc đó không khó. Trần Hầu là người được vua nhà Châu yêu chuộng. Vừa rồi lại đem quân giúp Vệ đánh Trịnh. Tân quân cứ sang Trần, nhờ Trần Hầu vào tâu trước với vua Châu, rồi Tân quân sẽ đến triều kiến sau, thì việc ắt thành tựu.

Thạch Hậu về thưa lại cùng Chu Hu. Chu Hu cả mừng, vội sắm sửa lễ vật cùng Thạch Hậu sang Trần.

Thạch Thác với quan Đại Phu nước Trần là Tử Hàm vốn là bạn thân. Để trừ bọn loạn tặc, Thạch Thác cắt máu viết bức huyết thư kể tội Chu Hu và Thạch Hậu, sai người tâm phúc đem sang nhờ Tử Hàm dân lên Trần Hầu, xin bắt trị tội để làm gương. Trần Hầu xem thư, hỏi Tử Hàm. Tử Hàm thưa:

- Kẻ phản loạn của nước Vệ chẳng khác kẻ phản loạn của nước Trần, không thể dung được.

Chu Hu và Thạch Hậu đến. Trần Hầu lập kế bắt đem giam Chu Hu nơi Bộc Ấp, Thạch Hậu nơi Trần Đô, rồi sai người

sang Vệ báo tin cùng Thạch Thác. Thạch Thác từ ngày cáo lão không hề đi đâu nữa bước. Khi được tin nước Trần, vội vã vào triều thương nghị. Các quan đề nói:

- Đó là việc lớn của quốc gia, chúng tôi một lòng trông cậy vào ý kiến của Ngài vậy.

Thạch Thác nói:

- Hai đứa phản loạn này không thể dung thứ được. Tội đáng chém đầu. Vậy có ai vì nước cáng đáng việc ấy?

Quan Thái Tế Xú bước ra thưa:

- Loạn thần tặc tử, nhân nhân đặc nhi tru chi. Xin giao việc ấy cho tôi.

Các quan đồng thanh nói:

- Việc ấy mà giao cho Thái Tế là phải lắm. Nhưng xét ra Chu Hu mới là chánh phạm, còn Thạch Hậu chỉ là kẻ a tòng, tướng nên châm chế.

Thạch Thác nghe nói nổi giận hét:

- Chu Hu làm loạn chính là nơi con tôi mà ra. Nay các quan nghị như thế là nghi tôi có tình riêng với nó hay sao? Thôi, tôi phải thân hành đến chém đứa loạn thần ấy thì mới dám nhìn đến Lăng miếu của tiền nhân tôi.

Nhụ Dương Kiên liền bước ra thưa:

- Xin lão quan bớt giận. Để tôi đi thay lão quan.

Thạch Thác bèn sai Thái Tế Xú sang Bộc Ấp chém Chu Hu và Nhụ Dương Kiên qua Trần Đô chém Thạch Hậu, rồi sai người sắm xa giá đến nước Hình rước công tử Tấn về nối ngôi.

Thái Tế Xú đến Bộc Ấp. Chu Hu trông thấy kêu lớn:

- Có phải người đến để cứu ta chăng?

Đáp:

- Không phải để cứu mà để giết.

Chu Hu trợn mắt mắng:

- Người làm tôi ta, sao lại dám phạm đến ta?

Thái Tể Xú mỉm cười, đáp:

- Trước đây ở nước Vệ có kẻ bề tôi mà dám giết vua, nên nay ta bắt chước.

Đoạn truyền quân chém đầu.

Còn Nhu Dương Kiên đến Trần Đô sai đem Thạch Hậu ra chém. Thạch Hậu nói:

- Chém giết chi ta cũng chả sợ, song cho ta về nước để thấy mặc phụ thân ta đã.

Nhụ Dương Kiên đáp:

- Ta vâng lệnh phụ thân người đến đây để giám sát. Nếu người muốn thấy mặt, thì ta sẽ xách thủ cấp người về nước Vệ nạp cho phụ thân người.

Thạch Hậu la lớn:

- Sao phụ thân nữ nhĩ tâm hại con thế này?

Nhụ Dương Kiên nói:

- Lòng thương con ai lại không có. Nhưng người quân tử không bao giờ coi nặng tình nhà hơn nợ nước. Người hiểu chưa?

Nói đoạn vung gươm chém đầu.

Đem đại nghĩa đặt lên trên tình phụ tử không phải là việc mà ai ai cũng có thể làm được. Bởi vậy cổ nhân đều khen Thạch Thách là Trung.

Nhưng cũng có người bàn rằng:

- Để đợi đến lúc nước hư nát rồi mới giết con, đó là lòng trung của kẻ bất trí. Không bằng lòng trung sáng suốt và sâu sắc của Dục Quyền.

Dục Quyền làm quan nước Sở.

Vua nước Túc giận vua nước Sái trêu ghẹo vợ mình, bèn nghĩ cách trả thù. Nhà vua sai người vào triều cống nước Sở và mật cáo cùng Sở Văn Vương rằng:

- Sái Hầu cậy thế có Tề che chở nên không phục Sở. Vậy xin Đại Vương cất binh giả sang đánh nước tôi. Nước tôi sẽ sang cầu cứu nước Sái. Sái Hầu là người nông nổi, thế tất đem quân đến cứu. Bây giờ quý quốc hiệp binh cùng nước tôi mà bắt Sái Hầu trị tội.

Sở Văn Vương được kế mừng lắm, cất quân sang vây thành nước Túc. Túc Hầu viết mật thư cầu cứu nước Sái. Sái hầu không suy nghĩ, cử binh đến nước Túc để giải vây. Nhưng vừa đến nơi, bị quân Sở phục nơi yếu lộ, đánh úp thành linh. Quân Sái tan rã. Sái Hầu thất kinh, chạy vào thành nước Túc. Nhưng Túc Hầu sai đóng chặt cửa thành không cho vào.

Biết mình đã mắc kế, Sái Hầu đành bó mình nộp cho Vua Sở.

Sở Văn Vương dẫn Sái Hầu về nước, truyền quân đem xử trảm.

Dục Quyền bước ra can rằng:

- Đại vương đang muốn mở mang thế lực khắp thiên hạ, đáng gì một Sái Hầu mà không thể tha thứ, để thiên hạ chê nước Sở ta không phải là nước đại độ?

Sở Văn Vương nói:

- Sái Hầu là một đứa ngạo nghễ, lâu nay không đầu phục. Hận ấy chưa nguôi. Nay bắt được, lẽ nào lại tha?

Nói đoạn giục quân đem chém.

Dục Quyên cản lại, nói:

- Khoan, khoan. Xin Đại Vương nghĩ lại, lẽ nào vì một oán nhỏ mà quên đại sự. Nếu đại vương tha cho Sái Hầu về nước, ắt từ nay không dám ngạo mạng nữa. Đã vậy, các chư hầu trông thấy gương này phải mến đức Đại Vương.

- Sở Văn Vương nhất định không nghe.

Dục Quyên nổi giận, một tay nắm áo Sở Vương, một tay rút gươm, nói lớn:

- Thà tôi cùng chết với Đại Vương, còn hơn để Đại Vương làm mất nghiệp cả.

Sở Vương hoảng sợ, vội nói:

- Thôi, thôi... . Ta chịu nghe lời khanh.

Liền truyền tha cho Sái Hầu. Mục đích đã đạt, Dục Quyên vội vã quăng gươm quì tâu:

- Đại Vương đã nghe lời can gián của tôi, thật may mắn cho nước Sở. Nhưng tôi phạm tội hiếp vua, thực đáng chết. Vậy xin cúi đầu nhận tội.

Sở Vương nói:

- Lòng trung thành của khanh đã vượt quá tội lỗi. Ta không thể vì lỗi nhỏ mà làm lu mờ tấm gương trung nghĩa nghìn thu.

Dục Quyên tâu:

- Đại Vương tưởng tình tha cho tôi, nhưng tự tôi không thể tha cho tôi được.

Nói đoạn rút lờm thanh gươm, chặt đứt một chân, vừa chặt vừa hét lớn:

- Kẻ nào làm tôi mà vô lễ với vua thì hãy xem gương đây.

Sở Văn Vương cảm động, truyền đem chân của Dục Quyên cắt vào kho, để ghi lỗi không nghe lời can gián. Đoạn sai Ngự Y chuyên chữa, và sao khi Dục Quyên lành bệnh, nhà vua phong chức Đại Hôn giữ cửa thành.

Người quân tử bàn rằng:

- Phải nhận Dục Quyên làm thế là thật bụng yên vua. Can gián cho đến tự dẫn thân vào khổ. Dầu thấy rõ hình phạt, vẫn không quên đưa vua vào đều lành.

Tức là Dục Quyên muôn đời khen là Trung.

Nhưng Lữ Đông Lai bàn rằng:

- May thay vua Sở không cho hành động của Dục Quyên là trái nên theo. Nếu nhà vua không chịu thì không biết Dục Quyên còn đưa thuật gì ra để tiếp tục can gián cho có kết quả? Và nếu rui vua Sở hô binh tướng giết đi, rồi bị hãm về tội phản, thì tâm tích còn được ai thấy rõ giùm cho? Cũng vì biết không thể tiếp tục được mãi, Dục Quyên mới dùng sự cắt chân để tỏ tâm tích của mình. Lời nói và việc làm của Dục Quyên bảo cho người đời sau: Muốn bắt chước dùng binh khí can vua thì phải bắt chước sự chặt chân. Không theo được gương chặt chân thì chớ noi theo gương can vua bằng binh khí.

Nghĩa là Lữ Đông Lai không cho việc Dục Quyên làm là một gương sáng đáng theo. Tuy vậy vẫn công nhận là Trung.

Văn Quân đất Lỗ Dương bảo Mặc Tử:

- Có kẻ nói với ta rằng: Trung thần là người bắt cúi thì cúi, bắt ngừng thì ngừng, để im thì im, gọi thì thưa. Như thế có cho là Trung thần được không?

- Mặc Tử đáp:

- Bắt cúi thì cúi, bắt ngừng thì ngừng, như thế có khác gì cái bóng? Để thì im, gọi thì thưa, như thế có khác gì tiếng vang? Quan lại mà dùng đến kẻ như bóng như vang thì còn được ích gì? Theo ý tôi, gọi là trung thần, thì khi vua có lầm lỗi, phải liệu cách can ngăn để đưa vào điều thiện; khi mình có điều hay, phải tìm đường bày tỏ mà không lộ ra ngoài; trên thì thành thật một lòng, một dạ với vua; dưới thì không a dua vào bè kết đảng với ai; những việc tốt lành, an vui, thì để vua hưởng, những điều oán thù, lo lắng, thì mình hứng đặng. Có được như thế thì tôi mới cho là Trung thần.

Đó là ý nghĩa chữ Trung đối với kẻ sáng suốt.

Và trong lời nói của họ Mặc chúng ta vẫn nhận thấy nhấn mạnh đến sự hy sinh quyền lợi của kẻ làm tôi để phụng sự nhà vua. Thế mà nhà vua vẫn chưa cho là đủ, còn muốn nhiều hơn thế nữa. Bởi vậy mới có câu: " Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung " và " Trung thần bất sự nhị quân "... Thành ra chữ Trung mỗi ngày một bị the hẹp vào phạm vi thờ vua cho trọn đạo, mặc dù ông vua ấy là những hôn quân bạo chúa.

Ngán nỗi, từ xưa đến nay, những ông vua hôn ám, tàn bạo thì nhiều, còn những bậc minh mẫn nhân hậu thì lại ít. Cho nên xem sử sách thấy biết bao nhiêu người vì chữ Trung mà phải hy sinh một cách quá đáng. Như cái chết của Văn Chủng, cái chết của Nhạc Phi... v. v

Nhưng cũng may, chế độ quân chủ đã chấm dứt. Lòng trung nghĩa khỏi sợ bị đem phụng sự những bạo chúa hôn quân.

Được hưởng tự do, chúng ta nên thực hiện chữ Trung theo ý nghĩa rộng lớn. Chúng ta nên " Trái tấm lòng ngay ở với đời "

và chúng ta " tận trung " để " báo quốc ". Đó là Trung
đúng ý nghĩa của thánh hiền xưa và hợp với nhân sinh
quan mới.

CHỮ HIẾU

Hiếu là trọn đạo thờ cha mẹ.
Thầy Tử Lộ tên là Do, học trò đức Khổng Tử.
Một hôm vào hầu, thưa:

- Đội nặng đường xa thì tiện đâu nghỉ đó, không đợi chọn chỗ rồi mới nghỉ. Nhà nghèo, cha mẹ già, thì con làm nên thế nào, hay thế ấy, không đợi có chức trọng quyền cao mới làm. Ngày trước Do này, lúc song thân còn, cơm thường dưa muối, đường xa trăm dặm, phải đội gạo về nuôi song thân. Sau khi song thân mất rồi, làm quan ở Sở, xe ngựa hàng trăm, bổng lộc hàng vạn, ăn những miếng ngon, mặc những đồ tốt, mỗi khi nhớ đến song thân, lại muốn dưa muối, đội gạo để nuôi người như trước, thì không sao được nữa! Cha mẹ tuổi già như bóng qua cửa sổ. Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, con muốn nuôi, mà cha mẹ không đợi!

Đức Khổng Tử nói:

- Do, trò phụng sự song thân như thế rất phải. Lúc người còn thì hết lòng phụng dưỡng, lúc người mất thì hết lòng thương tiếc.

Hết lòng phụng dưỡng lúc cha mẹ còn sống và hết lòng tiếc thương khi cha mẹ đã qua đời, đó là hiếu.

Thầy Tử Lộ đã nổi tiếng là người chí hiếu.

Trong hàng đệ tử đức Khổng, ngoài thầy Tử Lộ, còn nhiều vị cũng nổi tiếng hiếu thảo, như thầy Mẫn Tử Khiên.

Thầy Mẫn Tử Khiên mồ côi mẹ từ thuở nhỏ. Cha lấy vợ kế sanh được hai trai. Người mẹ kế tánh ác, chỉ thương con đẻ mà ghét con chồng. Mùa đông giá lạnh, hai em thì áo

bông lông áo kếp, còn Tử Khiên thì chỉ được mặc một chiếc áo hoa lao mỏng mảnh.

Một hôm Tử Khiên đánh xe hầu cha, co ro run rẩy. Cha quở mắng, Tử Khiên không đành nói sự thật, nín lặng giục xe đi. Nhưng lạnh quá tay sút dây cương. Cha giận đánh, chẳng ngờ áo Tử Khiên rách, bật hoa lao ra! Cha thấy thế mới hay con mình bị vợ kế bạc đãi, giận lắm, toan đuổi người vợ kế đi. Tử Khiên liền quì xuống khóc mà thưa rằng:

- Dì con còn ở lại thì chỉ một mình con chịu rét. Dì con mà bị đuổi đi, thì cả ba anh em chúng con đều không có người may áo.

Cha nghe nói cảm động ôm con mà khóc. Người vợ kế hay biết liền ăn năn. Từ ấy đem lòng thương yêu Mẫn Tử Khiên như con đẻ vậy.

Mẫn Tử Khiên và thầy Tử Lộ là hai nhân vật trong Nhị Thập Tứ Hiếu mà xưa nay đều lấy làm gương. Ngoài ra còn nhiều tấm gương sáng đáng soi, như Hàn Bá Du là một.

Hàn Bá Du, người đất Lương ở đời nhà Hán.

Bá Du mồ côi cha, thờ mẹ rất có hiếu. Những khi có lỗi bị mẹ đánh, ông vẫn tươi cười. Một hôm phải đòn, ôm mặt khóc. Mẹ hỏi:

- Mọi khi mẹ đánh, con biết lỗi, nhận ngay. Lần này sao con lại khóc dai thế?

Bá Du quì thưa:

- Mọi khi mẹ đánh, con thấy đau, con biết mẹ còn mạnh khoẻ, con mừng. Lần này mẹ đánh con, con thấy không đau mấy, con biết sức mẹ đã yếu, nên con nghĩ thương mẹ mà khóc.

Chao ôi! Câu nói đơn sơ mà thăm thía làm sao! Ai nghe mà không cảm động? Người xưa nói; " Lòng hiếu thảo cảm động quỷ thần " thật đúng vậy.

Chuyện ông Khấu Chuẩn sau đây cũng rất cảm động.

Khấu Chuẩn là một nhân vật trứ danh đời Tống. Ông nổi tiếng là công minh chính trực.

Buổi nhỏ tính du đãng, không giữ lễ phép, lại thích chơi chim, chơi chó. Bà mẹ quở phạt mà ông vẫn không chừa.

Một hôm, ông bỏ học đi chơi, bà mẹ giận quá, cầm quả cân ném phải chân ông, máu chảy đầm đìa, phải chữa lâu ngày mới khỏi. Từ ấy ông hồi tâm, chuyên lo học tập. Về sau, thi đỗ, làm quan đến Tế Tướng.

Lúc vinh hiển thì mẹ ông đã mất. Mỗi khi ông sờ đến chiếc sẹo ở chân, thì ông nức nở khóc và nói rằng:

- Chính vết thương này làm ta nên người. Mà khi nên người, mẹ lại không còn nữa!

Lúc bần hàn thì có cha mẹ, mà lúc phú quý lại không có cha mẹ, ấy là một điều đau khổ của kẻ làm con. Cho nên người còn cha mẹ mà không hết lòng phụng sự, đến khi cha mẹ trăm năm rồi thì không khỏi ăn năn.

Nhưng phụng sự cha mẹ, không phải cha mẹ muốn gì theo nấy là có hiếu.

Thầy Tăng Sâm bừa cỏ ruộng dưa, lỡ tay làm đứt mất ít rễ. Cha là Tăng Tích giận, cầm gậy đánh vào lưng. Tăng Sâm đau quá, nhưng sợ cha giận thêm, không dám bỏ chạy. Đương cơn tức giận, cha đánh đến ngất đi, ngã gục hồi lâu mới tỉnh lại. Khi về nhà đến thưa với cha rằng:

- Lúc nãy con có tội đến nỗi cha phải đánh, thật con lỗi đạo. Xin cha tha thứ.

Nói xong lui xuống vừa gảy đàn vừa hát, có ý để cho cha nghe tiếng biết rằng mình không còn đau đớn gì nữa.

Đức Khổng Tử nghe chuyện, bảo học trò cấm cửa không cho Tăng Sâm vào. Tăng Sâm nghĩ mình vô tội, mượn bạn lại hỏi vì cớ gì mà ngài giận. Đức Khổng Tử nói:

Ngày trước ông Thuấn phụng sự cha là Cổ Tấu, luôn ở bên cạnh, cha sai khiến gì cũng không dám trái. Cha đánh bằng roi vọt thì cham chịu, đánh bằng gậy gộc thì chạy trốn, lúc cha giận dữ muốn giết thì lánh xa. Thế cho nên ông Cổ Tấu không mang tiếng bất tử. Nay Sâm thờ cha, liệu mình để chịu cơn giận đến nổi ngắt đi. Giá lẽ cha đánh quá tay mà chết mất, thì có phải làm cho cha mắc tội chăng? Tội bất hiếu còn to hơn nữa?

Tăng Sâm nghe dạy, biết mình lầm lỗi, đến tạ tội cùng đức Khổng Tử.

Liệu mình để chiều cơn giận của cha mẹ như Tăng Sâm còn bị đức Khổng cho là đại bất hiếu, huống hồ chiều lòng cha mẹ làm những điều bất nghĩa.

Cổ nhân có nêu lên ba điều bất hiếu là:

- Gia bản thân lão, bất vị lộc sĩ. (Cha mẹ già, nhà nghèo mà không chịu ra làm quan để lấy lộc nuôi dưỡng).

- A ý khúc tòng, hãm thân bất nghĩa. (Dựa theo ý muốn của cha mẹ để làm điều vạy, tức là hãm cho mẹ vào điều bất nghĩa.)

- Bất thú, vô tử, tuyệt tiên tổ tự. (Không cưới vợ, không có con, làm dứt nòi giống tổ tiên.)

Điều thứ ba, theo thầy Mạnh Kha thì là điều bất hiếu lớn nhất. (Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại). Nhưng ngày nay không còn thích hợp nữa. Vạy xin miễn bàn. Còn hai điều trên thì việc " Hãm thân bất nghĩa " là tội bất hiếu " Bất

di bất dịch", và việc "Bất vị lộc sĩ" có bất hiếu hay không còn tùy trường hợp, xưa cũng như nay.

Ông Doãn Thuần đời Tống, lúc nhỏ học Trình Di, thường chỉ cốt theo nghề khoa cử. Có một khoa tiến sĩ, ông đã vào đến kỳ Văn sách, đầu bài ra có câu "Tru Nguyên Hựu chư thần" nghĩa là "giết các bề tôi đời Nguyên Hựu", ông bỏ đề tài không làm, đi ra. Khi về thưa cùng thầy:

- Từ nay con không đi thi Tiến sĩ nữa.

Ông không đi thi nữa là vì đầu bài ra trái ngược với lẽ phải. Bởi bấy tôi đời Nguyên Hựu vốn là người tài đức, mà lại bảo đem giết, như thế ý muốn cho kẻ thi đỗ sau này ra làm quan phải bác đời vua trước để nâng cao đời bấy giờ là đời Tĩnh Khang lên.

Ông Trình Di vẫn biết như thế, nhưng lại bảo:

- Nhà ngươi còn mẹ già kia mà?

Doãn Thuần về trình cùng mẹ việc thi cử và lời thầy dạy. Bà mẹ nói:

- Ta muốn con lấy điều phải mà nuôi ta, hơn là lấy bổng lộc không ra gì mà nuôi.

Ông Trình Di nghe được, khen rằng:

- Hiền thay! Bà mẹ như thế!

Như thế là ông Doãn Thuần tuy "gia bần thân lão" mà "bất vị lộc sĩ", vẫn được khen là người có hiếu. Cho nên chỉ xét ở bề ngoài mà bảo là Hiếu hay Bất Hiếu tưởng không khỏi bị sai lầm.

Xưa nay có lắm người ăn ở với cha mẹ rất có hiếu, nhưng rồi không trọn đạo hiếu suốt đời, như Đinh Thúc Khảo.

Đinh Thúc Khảo làm quan phong nhân ở ấp Dĩnh rất có hiếu.

Trịnh Bá, vì mẹ làm việc phạm pháp, rối loạn triều chính, bắt đem an trí tại ấp Dĩnh và thề: " Không xuống suối vàng, không gặp nhau". Sau hồi hận nhờ Đình Thúc Khảo bày mưu gặp lại mẹ.

Để tỏ lòng biết ơn, Trịnh Trang Công phong Đình Thúc Khảo làm quan Đại Phu cùng Công Tôn Yết chưởng quản việc binh quyền.

Mười một năm sau, vua Trịnh hợp với Tề, Lỗ ở đất Thối Lai để mưu diệt đánh nước Hứa.

Để biểu dương lực lượng Trịnh Trang Công bày cuộc duyệt binh trước tôn miếu. Nhà vua lại chế ra một lá cờ bằng gấm, mỗi bề dài một trượng hai, cán dài hơn ba trượng, gọi là cờ "Mâu Hồ", cắm trên một cỗ xe rất lớn. Trang Công truyền rằng:

- Nếu ai cầm cờ Mâu Hồ đi lại hai vòng thì được lãnh chức tiên phong, và được thưởng chiếc lộ xa.

Một viên đại tướng là Hà Thúc Doanh bước ra, cầm cờ đi lại ba vòng, rồi cắm vào xe như trước. Ai nấy đều khen. Hà Thúc Doanh vừa tiến đến tạ ơn Trịnh Bá để lãnh thưởng thì Đình Thúc Khảo nhảy ra nói lớn:

- Cầm cờ mà đi có chi là lạ. Tôi có thể vừa đi vừa múa nữa kìa.

Dứt lời, xắn tay áo, nhổ cán cờ lên múa tít như một cây trường thương. Lá cờ lúc mở lúc cuốn, khi dọc khi ngang, trông rất đẹp mắt. Mọi người đều kinh phục. Trịnh Bá mừng rỡ phán:

- Khanh quả là một hổ tướng, đáng lãnh ấn tiên phong và được thưởng chiếc lộ xa.

Trang Công dứt lời thì một thiếu tướng mặt như dôi phấn, bước ra chỉ Khảo Thúc và nói:

- Hãy khoan lấy xe. Ta đây lại không múa nổi cây đại kỳ ấy sao?

Nói rồi nhảy đến giật cây cờ. Nhưng Khảo Thúc lanh lẹ, một tay cầm cờ, một tay lôi chiếc xa lộ, chạy như gió. Thiếu tướng cầm kích đuổi theo, nhưng đến đại lộ theo không kịp, hăm hăm tức giận trở lui

Thiếu tướng ấy là Công tử Ất tức là Tử Đô, một thanh niên đẹp trai nhất thời Đông Châu. Trang Công rất yêu quý. Để hoà giải đôi bên, Trang Công bèn tặng cho Tử Đô một chiếc xe khác. Nhưng Tử Đô căm thù Khảo Thúc và quyết tâm trả thù.

Mùa thu năm ấy, binh ba nước kéo nhau đi đánh nước Hứa.

Quân Hứa không dám ra đánh, đóng cửa thành cố thủ. Binh Trịnh cố gắng thành rất gắt. Muốn tranh công cùng Tử Đô, Khảo Thúc nỗ lực xông vào vòng vây, tay cầm cờ Mâu Hồ, tay cầm trường thương, nhảy phóng lên mặt thành. Vừa đeo thù riêng, vừa sợ Khảo Thúc đoạt mất công lao, Tử Đô bèn lấp tên lén một phát. Khảo Thúc bị tên, té nhào xuống thành bỏ mạng.

Hà Thúc Doanh ngỡ Khảo Thúc bị giặc bằng, bèn lướt đến giật cây cờ, nhảy lên mặt thành, gọi to:

- Chúa công đã lên rồi.

Quân Trịnh hăng hái đua nhau nhảy theo lên, mở tung cửa thành chiếm được nước Hứa.

Lữ Đông Lai bàn rằng:

" Nhờ lòng hiếu thảo Dĩnh Khảo Thúc nổi danh ở nước Trịnh. Dùng một lời nói làm cho Trang Công hồi tâm, khiến Trang Công nhớ đến mẹ. Điều ấy khá khen. Nếu biết suy xét lòng hiếu thảo đến cùng tột thì sẽ thấy tỏ ra

khắp trời đất, đầy ngập cả bốn biển. Phàm về lý ở trong thiên hạ, không có gì ra ngoài đạo hiếu được. Như vậy tại sao khi sắp đánh Hứa, lại đi tranh giành một chiếc lộ xa để tự giết mình? Đáng tiếc thay!

Lúc vẫn đáp với Trang Công thì ôn tồn hiền hậu, sao biết nhã nhận như thế? Còn lúc tranh giành với Tử Đô thì giận dữ rồi cướp giật, sao lại hung tợn thế kia? Cũng trong thân một con người, tại đâu mà trước với sau khác hẳn nhau dường ấy? Đương khi dùng cơm với Trang Công thì tưởng nhớ đến mẹ, còn lúc dẫn binh đánh Hứa thì không nghĩ đến mẹ cha? Như vậy trước thì nhớ, sau thì quên thì ra ngó thấy hình cha mẹ trong tô canh, mà không ngó thấy hình cha mẹ trong lộ xa!

Nếu Dĩnh Khảo Thúc đem lòng thờ kính cha mẹ để thờ kính tôn miếu thì có đâu dám tranh giành xe ở trước đại cung. Nếu Dĩnh Khảo Thúc biết suy lòng thờ kính cha mẹ ra cách nghiêm trị ba quân, thì khi nào dám tranh giành xe nơi đại lộ. Vì không biết xét suy, nên lúc đầu lãnh được tiếng khen là thuần hiếu, mà sau không tránh khỏi tiếng chê là "đấu ngàn nguy phụ mẫu" (đánh lộn để lụy đến cha mẹ.)

Hoặc có người hỏi:

- Lúc đánh cùng nước Hứa, Dĩnh Khảo Thúc, quên mình nhảy trước lên thành, như vậy không phải suy rộng đạo hiếu sao?

Xin đáp:

- Tranh xe là việc riêng, tức là bất hiếu. Trèo trước lên thành là việc công, tức là hiếu. Tiếc mình là hiếu thờ cha mẹ. Quên mình là trung thờ vua chúa. Nhưng trung với hiếu nào phải hai đường?

Tăng Tử nói: " Lúc chiến đấu, thiếu dũng cảm là bất hiếu". Đó là can đảm của Khảo Thúc khi nhảy trước lên thành. Chính Tăng Tử gọi đó là hiếu. Nhưng Khảo Thúc chết vì thù riêng, chớ nào do việc công. Bởi đó mới tiếc dùm cho Khảo Thúc không biết suy lòng hiếu thảo ra cho đến chốn.

Xưa Tả Khâu Minh khen Dĩnh Khảo Thúc bằng mấy câu Kinh Thi:

- Lòng hiếu khôn cùng. Chia cho đồng loại.

Nay lại đem chuyện trên, thấy bỏ cắt miếng thịt thì làm được, còn lìa bỏ trục xe lại không làm được! Coi vậy thì đạo hiếu của Dĩnh Khảo Thúc cũng có lúc cùng! Cảm hóa được lòng của Trang Công mà không cảm hóa được lòng của Tử Đô, coi vậy thì đối với đồng loại có khi cũng không chia sẻ được! Nếu Dĩnh Khảo Thúc ngâm đi ngâm lại đôi ba lượt hai câu khen tặng, chẳng biết có hổ thẹn hay chẳng?

Lời bàn thật là thâm thúy!

Và xem đó thì đạo hiếu rộng biết bao nhiêu! Lo cho tròn đâu phải dễ.

CHỮ TRÍ



Trí là gì?

Là phân biệt được lẽ thị phi, thấy rõ được cơ đắc thất.

Kẻ nhân mà có trí thì thiên hạ được nhờ.

Kẻ gian ác mà có trí thì thiên hạ bị nguy, không nhiều thì ít.

Lã Bất Vi đời Chiến Quốc là một tên buôn vàng ngọc, sang nước Triệu gặp công tử nước Tần là Dị Nhân sang Triệu làm con tin. Vua Triệu đày Dị Nhân ra ở Đông Thành. Bất Vi về hỏi cha:

- Trong nghề buôn, thứ gì lợi nhất?
- Buôn vàng ngọc lợi nhất.

Bất Vi lại hỏi:

- Còn buôn vua có lợi chăng?

Người cha cười:

- Làm sao buôn được thứ ấy?

Bất Vi thưa:

- Giúp cho một người lên làm vua cai trị nước, rồi ta hưởng lợi. Như thế là buôn vua.

Người cha cười lớn:

- Được thế thì lợi gấp nghìn lần buôn các món hàng khác. Nhưng tìm đâu cho ra con người ấy?

Bất Vi liền kể lại việc Dị Nhân bị an trí, rồi đem trăm nén vàng đến kết thân cùng Công Tôn Kiến là người vua Triệu sai canh giữ Dị Nhân.

Qua một thời gian đi lại, Bất Vi được tiếp kiến Dị Nhân. Hai bên đãi nhau như chỗ quen biết cũ. Một hôm Bất Vi nói nhỏ cùng Dị Nhân:

- Vua Tần nay đã già. Người yêu nhất của vua là Hoa Dương phu nhân. Hoa Dương vốn không con, sao Điện Hạ không nhân lúc này trở về Tần, xin thờ phu nhân làm mẹ, để mai sau nối nghiệp nhà Tần?

Dị Nhân ứa nước mắt nói:

- Tôi chẳng dám mong điều đó, song mỗi khi nhắc đến quê hương, lòng tôi như lửa đốt. Chỉ hiềm nỗi không biết làm cách nào để thoát thân mà thôi.

Bất Vi nói:

- Tôi dẫu nghèo, nhưng nguyện đem nghìn vàng sang Tần bàn với Hoa Dương phu nhân để lập kế đưa Điện Hạ về nước. Ý Điện Hạ nghĩ sao?

Dị Nhân đáp:

- Nếu được như ý muốn của ngày thì sau này xin nguyện chung hưởng phú quý.

Bất Vi đưa cho Dị Nhân năm trăm nén vàng, dặn phải mua chuộc kẻ tả hữu. Đoạn mang vàng ngọc sang Tần, lập kế vào yết kiến Hoa Dương phu nhân.

Được nhiều châu báu lại nghe được nhiều lời phải trái của Bất Vi, Hoa Dương phu nhân bằng lòng nhận Dị Nhân làm con rồi tìm cách tâu cùng vua Tần phong làm Đích Tử.

Bất Vi trở về nước, mang lễ vật đến yết kiến Công Tôn Kiên để mượn cơ báo tin cho Dị Nhân biết. Dị Nhân cảm tạ không hết lời.

Lúc bấy giờ Bất Vi có lấy một người thiếp rất đẹp, tên là Triệu Cơ, đã có mang hai tháng. Bất Vi tự nghĩ:

- Dị Nhân về nước tất được làm vua, nếu ta đem ả này dâng cho hãn, may sinh được trai, thì đứa bé sau này sẽ nối ngôi. Như thế giang san họ Doanh sẽ về nhà họ Lã.

Bèn bày tiệc mời Công Tôn Kiên và Dị Nhân đến nhà thiết đãi. Lại cho Triệu Cơ ra dâng rượu. Phần bị an trí lâu ngày thiếu thốn, phần nhan sắc của Triệu Cơ làm say lòng, Dị Nhân bèn xin Bất Vi cho xin nàng làm vợ. Bất Vi làm bộ giận, để cho Dị Nhân phải xin lỗi, rồi mới nhận lời.

Dị Nhân thương yêu Triệu Cơ hết mực. Được hơn một tháng Triệu Cơ nói với Dị Nhân rằng mình đã có thai. Nào biết đó là hòn máu của Bất Vi, Dị Nhân hết sức mừng rỡ. Sau Triệu Cơ sanh đặng một trai đặt tên là Triệu Chính.

Ba năm sau vua Tần đem quân sang đánh Triệu. Bất Vi nói cùng Dị Nhân:

- Vua Triệu bị vua Tần đánh sẽ giận Điện Hạ thì sao? Chi bằng bỏ trốn về nước.

Dị Nhân nói:

- Việc này xin nhờ tiên sinh tính giúp cho.

Bất Vi bèn lấy vàng bạc đút lót cho quân tướng giữ cửa thành và nói dối rằng:

- Tôi từ Dương Địch sang đây buôn bán, đem cả gia đình theo, chẳng may gặp quân Tần kéo đến vây thành lâu quá, nay đem hết tiền vốn dâng cho ngài, chỉ xin ngài tha chúng tôi ra ngoài thành để được về Dương Địch,

Viên tướng giữ thành chấp thuận. Lã Bất Di bảo Dị Nhân lo sắp xếp hành trang, rồi bày tiệc mời Công Tôn Kiên đến và nói:

- Tôi trở về Dương Địch. Chút tình quen biết lâu nay, tôi xin dâng chén chia phôi.

Đoạn ép Công Tôn Kiên uống đến say mèn. Đến nửa đêm, Dị Nhân đổi lốt, lẩn trong đám tôi tớ Bất Vi mà trốn đi.

Bất Vi đưa Dị Nhân ra khỏi thành thì gặp tướng Tần. Quân Tần áp lại bắt. Bất Vi chỉ Dị Nhân nói rằng:

- Đây là Vương Tôn nước Tần, bấy lâu làm con tin ở nước Triệu, nay thoát được. Các người nên trình lại chủ tướng.

Thế là cả đoàn được đưa đến chủ tướng rồi được đưa về bái yết vua Tần.

Dị Nhân được phong làm thái tử.

Bất Vi được cấp hai trăm mẫu ruộng và một toà nhà ở Đông cung để dạy dỗ Thái Tử.

Được ít lâu Lã Bất Vi lập mưu đầu độc vua Tần. Dị Nhân đứng chủ tang rồi lên nối ngôi hiệu là Trang Tương Vương, tôn Hoa Dương phu nhân lên làm Hoàng Thái Hậu, lập Triệu Cơ làm Hoàng Hậu, Triệu Chính làm Thái Tử, và phong Lã Bất Vi làm thừa tướng, tước Văn Tín hầu, ăn lộc mười vạn nóc nhà ở Lạc Dương và Hà Nam.

Bắt chức chánh sách của Mạnh Thường Quân, Tín Lăng Quân, Bình Nguyên Quân, Lã Bất Vi đặt ra tân quán để thu hút tân khách làm vai vế cho mình. Các anh hùng hiệp sĩ hơn vài ngàn người đến làm xá nhân. Sau Triệu Chính nối ngôi vua. Bất Vi vẫn giữ ngôi Thừa Tướng, lại được gọi là Thượng Phụ.

Từ một tên lái buôn mà đem mưu trí buôn vua bán chúa, làm nên đến vạn hộ hầu, kể cũng đã hết sức giỏi.

Đó là mưu trí của kẻ gian hùng.

Thật là thâm độc.

Nhưng dù thành tựu mỹ mãn, sự thành công vẫn không lâu dài: Rốt cuộc Lã Bất Vi bị vua Tần là con ruột, đày ra Hà Nam, buồn bã uống thuốc độc mà chết.

Cổ nhân dạy rằng:

- Độ lượng to lớn bao nhiêu thì phúc trạch cũng to lớn bấy nhiêu. Còn mưu trí sâu độc bao nhiêu thì tai vạ cũng sâu độc bấy nhiêu.

Chuyện của Lã Bất Vi chứng minh lời dạy của cổ nhân vậy.

ĐỨC DŨNG



ũng là Mạnh.

Nhưng những kẻ được gọi là DŨNG SĨ chẳng những chỉ mạnh về thể xác mà còn phải mạnh về tinh thần. Sức mạnh về tinh thần lại là yếu tố chính để trở thành kẻ dũng sĩ.

Để chứng minh xin kể chuyện Tiêu Khâu Tổ và Yêu Ly đời Chiến Quốc

Tiêu Khâu Tổ là người ở Đông Hải, sang nước Ngô để điếu tang. Khi đến sông Hoài, Khâu Tổ toan cho ngựa xuống bến uống nước thì viên tân lại bảo:

- Con sông này có vị thủy thần hay bắt ngựa. Ông đừng cho ngựa xuống sông. Khâu Tổ cười, nói:
- Có ta đứng đây thủy thần nào dám lên bắt ngựa.

Nói đoạn dắt ngựa xuống bến cho uống nước. Con ngựa vừa lội xuống, bỗng ré lên một tiếng rồi chìm mất tăm. Khâu Tổ nổi giận, tuốt gươm nhảy xuống sông tìm ngựa. Thủy thần hoá phép nổi sóng gió. Khâu Tổ không chút sợ hãi, cùng Thủy thần đánh nhau suốt ba ngày đêm. Ngày thứ ba, Khâu Tổ nhảy lên bờ, toàn thân không dấu vết, chỉ bị chột hết một mắt mà thôi. Không lấy lại được ngựa, Khâu Tổ phải sắm ngựa khác mà đi.

Đến nước Ngô, trong đám tang đông người, Khâu Tổ đem chuyện đánh cùng thủy thần ra khoe, thái độ kiêu hãnh, không coi ai ra gì, một kẻ sĩ nước Ngô là Yêu Ly thấy vậy bất bình, nói cùng Khâu Tổ:

- Nhà ngươi kiêu căng, tự xưng mình là dũng sĩ, ta rất lấy làm hổ thẹn. Ta nghe rằng dũng sĩ đã đánh với ai thì thà chịu chết chứ không chịu nhục. Người đánh cùng thủy

thần đã không lấy lại được ngựa, còn để cho thủy thần đánh chột mắt như thế, không biết xấu hổ, còn khoe khoang nổi gì?

Khâu Tổ then thùng bỏ ra về. Yên Ly cũng về, bảo vợ:

- Ta đã làm nhục Khâu Tổ trong đám tang, thế nào hẳn cũng đến trả thù. Đêm nay ta nằm giữa nhà đợi hẳn. Nàng chớ đóng cửa.

Người vợ theo lời. Đêm ấy, canh tư, quả nhiên Khâu Tổ đến. Thấy cửa bỏ trống vào nhà. Lại thấy Yên Ly nằm yên bèn rút kiếm đến gần, kề vào cổ, nói:

- Nhà ngươi có ba tội đáng chết. Biết Chưa?

Yên Ly thản nhiên đáp:

- Chưa.

Vẫn kề gươm vào cổ Yên Ly, Khâu Tổ kể:

- Một là làm nhục ta trong đám tang. Hai là về nhà không biết đề phòng, bỏ cửa trống. Ba là thấy ta đến mà không chạy trốn.

Yên Ly hỏi lại:

- Còn nhà ngươi có ba điều hèn. Biết chưa?

Khâu Tổ chột dạ đáp:

- Chưa.

Yên Ly ung dung kể:

- Ta làm nhục người trước số đông mà nhà ngươi không dám nói một lời. Đó là điều hèn thứ nhất. Nhà ngươi vào nhà ta mà không lên tiếng, có ý lén lút như kẻ trộm, đó là điều hèn thứ hai. Cầm gươm kề ta rồi mới dám nói khoác. Đó là điều hèn thứ ba. Nhà ngươi có ba điều hèn như thế thật đáng khinh bỉ.

Nghe xong, Khâu Tổ quăng gươm xuống đất than:

- Vũ dũng như ta, trên đời thật ít kẻ bằng, song nhà người thật hơn ta gấp bội. Giết nhà người thì ta sẽ mang tiếng suốt đời, bằng không thì ta không còn tiếng là vũ dũng.

Nói đoạn đập đầu vào cột mà chết.

Người đời sau khen Yêu Ly là Dũng sĩ mà cũng khen Khâu Tổ là có tinh thần của người quân tử. Đức Khổng dạy rằng: " Kẻ dũng không sợ ". Lại dạy: " Biết xấu hổ gần với dũng". Khâu Tổ không sợ chết và biết xấu hổ trước lời nói phải. Như thế, tuy có thua Yêu Ly về chỗ sáng suốt, vẫn xứng đáng gọi là Dũng Sĩ.

Câu chuyện giữa Yêu Ly và Khâu Tổ bay đến tay Vua Ngô là Hạp Lư.

Hạp Lư tức là Công tử Quang giết vua Ngô là Vương Liêu và lên nối ngôi dùng Ngũ Tử Tư làm tướng quốc.

Vương Liêu có một công tử là Khánh Kỵ lưu lạc ở nước Trịnh. Hạp Lư sợ Khánh Kỵ phục hận, muốn cho người đi thích khác, mới hỏi Ngũ Tử Tư. Tử Tư đáp:

- Việc này khó khăn lắm. Tuy vậy tôi có quen một người bé nhỏ, có thể dùng việc này được.

Hạp Lư nói:

- Khánh Kỵ có sức khoẻ muôn người khôn địch. Một người bé nhỏ thì làm gì nên việc.

Tử Tư đáp:

- Vóc tuy bé, nhưng sức định muôn người, trí khôn hơn người, lo gì không thắng nổi Khánh Kỵ.

Đoạn giới thiệu Yêu Ly. Hạp Lư cho triệu Yêu Ly đến. Nghe tiếng Yêu Ly, tướng Yêu Ly là người khôi ngô tuấn tú,

nhưng khi trông thấy hình thù đã thấp bé, mặt mũi lại xấu xí, Hạp Lư có ý không bằng lòng, bèn hỏi:

- Ngũ Viên nói Yêu Ly là dũng sĩ, có phải nhà người chăng?

Yêu Ly đáp:

- Tôi nhỏ bé, không có sức khỏe, gió thổi cũng đủ ngã, nhưng hễ Đại Vương sai bảo gì, tôi cũng dám làm.

Hạp Lư mời Yêu Ly vào Hậu cung. Yêu Ly hỏi:

- Có phải Đại Vương muốn giết Công tử Khánh Kỵ chăng? Điều này tôi có thể làm được.

Hạp Lư cười:

- Khánh Kỵ sức mạnh lạ thường, chạy mau hơn ngựa. Ta sợ nhà người địch không nổi.

Yêu Ly nói:

- Thẳng người cốt ở trí khôn, đâu phải ở sức khỏe. Tôi được gần Khánh Kỵ thì giết Khánh Kỵ có khó gì.

Hạp Lư bảo:

- Khánh Kỵ là kẻ mưu trí. Thấy nhà người là người nước Ngô, đời nào cho đến gần.

Yêu Ly đáp:

- Khánh Kỵ lâu nay chiêu nạp anh hùng hào kiệt bốn phương, dung dưỡng những có có tội, cốt đem về phục nghiệp, báo thù. Nay tôi giả làm người có tội, đi trốn. Xin Đại Vương giết vợ con tôi, chặt cánh tay phải của tôi, để cho Khánh Kỵ tin tôi. Như thế mới thành công được.

Hạp Lư có ý buồn bã, nói:

Một kẻ không có tội gì mà phải bị phế gia đình, hại bản thân, lòng ta sao nổi.

Yêu Ly khẳng khái đáp:

- Vui với vợ con mà bỏ đạo vua tôi sao gọi là trung. Giúp người mà không chịu hy sinh thì sao gọi là nghĩa. Tôi đã cố giữ tròn trung nghĩa, dẫu phải hy sinh đến đâu cũng vui lòng.

Hạp Lữ cau mày, không quyết. Ngũ Tử Tư đứng bên cạnh nói chen vào:

- Làm tôi hy sinh vì chúa là việc thường. Yêu Ly vì nước quên nhà quên thân. Đó là bậc hào kiệt. Lúc xong việc, Đại Vương phong tặng cho gia đình, để tiếng lại nghìn thu. Như thế là đủ.

Hạp Lữ nhận lời.

Ngày hôm sau Ngũ Tử Tư và Yêu Ly vào triều xin vua Ngô phong cho Yêu Ly làm tướng, cử binh đi đánh Sở. Hạp Lữ nói:

- Ta xem sức Yêu Ly trói gà không chặt, làm gì cầm quân ra trận được. Vả lại, trong nước chưa yên, ta không muốn chinh phục nước ngoài.

Yêu Ly lớn tiếng đáp:

- Ngũ Viên vì thù cha mà phải bỏ nước Sở sang giúp Đại vương thu phục giang sơn nước Ngô, mà Đại Vương lại không chịu giúp Ngũ Viên báo được thù riêng thì thật là thiếu độ lượng.

Hạp Lữ nổi giận vỗ án thét:

- Nhà ngươi biết đâu được việc lớn trong nước. Sao dám dùng lời lỗ mãng với ta.

Đoạn truyền võ sĩ bắt Yêu Ly chặt một cánh tay, rồi đem giam vào ngục. Rồi lại sai người bắt giết cả vợ con Yêu Ly. Ngũ Tử Tư thở dài lui ra. Các quan trong triều không hiểu gì cả.

Ngày hôm sau, Ngũ Tử Tư sai người đến mở cửa ngục cho Yên Ly trốn thoát.

Đi đến đâu Yên Ly cũng kể nỗi oan khổ của mình, rồi tìm đến ra mắt Khánh Kỵ, kể hết hoàn cảnh đau đớn.

Khánh Kỵ không tin. Yên Ly bèn cởi áo cho xem dấu hình phạt. Khánh Kỵ hỏi:

- Vua Ngô giết vợ con người, lại chặt tay người, nay người muốn theo ta để làm gì?

Yên Ly nói:

- Hạp Lư giết Vương phụ của Công tử và cướp ngôi nước Ngô. Công tử đương nhiên chiêu hiền đãi sĩ liên kết cùng chư hầu toan việc báo thù. Vì vậy tôi muốn đem chút thân tàn này giúp Công tử. Tôi đã rõ hết tình hình nước Ngô. Cứ như tài năng và vũ dũng của công tử mà có tôi làm hướng đạo thì đại sự chắc thành. Công tử sẽ báo thù cho vương phụ, tôi sẽ báo thù cho vợ con.

Khánh Kỵ chưa lấy làm tin. Được ít lâu có người thám thính ở nước Ngô về, đem việc vợ con Yên Ly bị bêu đầu giữa chợ thuật lại. Khánh Kỵ mới thực lòng tin dùng Yên Ly. Một hôm hỏi Yên Ly:

- Ta nghe vua Ngô dùng Ngũ Viên và Bá Hy làm mưu thần luyện tập binh tướng, trong nước cường thịnh lắm, thế thì ta phải làm cách nào để khôi phục cơ nghiệp cũ?

Yên Ly đáp:

- Bá Hy là người vô mưu. Chỉ có Ngũ Viên là người trí dũng song toàn, nhưng nay lại có hiềm khích với vua Ngô rồi.

Khánh Kỵ cười, hỏi:

- Ngũ Viên là ân nhân của vua Ngô, vua tôi rất tương đắc. Cớ sao gọi là hiềm khích được?

Yêu Ly đáp:

- Công tử mới biết bên ngoài mà chưa biết rõ được nội tình. Ngũ Viên sợ dĩ theo vua Ngô là muốn mượn tay vua Ngô để báo thù riêng ở nước Sở. Nay vua Ngô an hưởng phú quý chẳng nghĩ đến việc báo thù cho Ngũ Viên. Tôi vì muốn giúp cho Ngũ Viên mà bị vua Ngô làm hại. Lòng Ngũ Viên cũng oán vua Ngô lắm. Tôi trốn thoát được là nhờ Ngũ Viên đó. Khi ra đi, y có dặn tôi hãy dò xem ý kiến công tử như thế nào. Nếu công tử chịu báo thù thì Ngũ Viên sẽ làm nội ứng để chuộc lại tội đồng mưu với Hạp Lư trước kia. Vậy nếu công tử nhân dịp này đem quân về đánh thì việc phục thù không khó.

Khánh Kỵ rất mừng, dùng Yên Ly làm kẻ tâm phúc, luyện tập binh mã, sửa sang thuyền bè, định trong ba tháng nữa sẽ theo dòng sông tiến đánh nước Ngô.

Định kỳ đến, Khánh Kỵ cùng Yên Ly ngồi chung thuyền lướt trên dòng nước thuận. Được nửa đường, một cơn gió lớn nổi dậy. Đoàn thuyền của Khánh Kỵ bị xao động. Yên Ly bảo Khánh Kỵ;

- Công tử nên ra trước mũi thuyền để chỉ huy tướng sĩ.

Khánh Kỵ bước lên mũi thuyền ngồi. Yên Ly cầm giáo đứng hầu. Nhân lúc xuất kỳ bất ý, Yên Ly nương theo đà gió thổi mạnh, đâm Khánh Kỵ một giáo lút từ bụng đến sau lưng. Khánh Kỵ vốn là tay thần dũng nên mũi giáo của Yên Ly không giết chết ngay được. Khánh Kỵ đưa tay tóm lấy Yên Ly, nhận xuống nước ba lần rồi giở lên, để vào lòng, nhìn mặt cười khanh khách:

- A ha! Trong thiên hạ còn có kẻ dũng sĩ này dám cả gan đâm ta!

Quân sĩ xúm lại muốn đâm chết Yên Ly. Khánh Kỵ cản lại:

- Người này là dũng sĩ. Một ngày không nên giết đến hai dũng sĩ trên thiên hạ. Hãy tha cho hắn để hắn tỏ được lòng trung của hắn đối với vua Ngô.

Nói đoạn bỏ Yên Ly xuống mũi thuyền, đưa tay rút ngọn giáo, máu ra lai láng. Khi gần chết còn dặn đi dặn lại kẻ bộ hạ chớ nên giết Yên Ly. Yên Ly nói:

- Ta có ba điều không thể tha được. Dẫu công tử không giết ta cũng không sống làm gì.

Mọi người hỏi. Yên Ly đáp;

- Vì đạo thờ vua mà giết cả vợ con, là bất nhân. Vì vua mới mà giết con vua cũ, là bất nghĩa. Làm cho người ta nên việc mà phải hại cả gia đình cả bản thân, là bất trí. Đã phạm ba điều ác ấy, ta còn mặt mũi nào sống trên đời.

Nói xong nhảy xuống sông tự tử. Người lái thuyền vớt Yên Ly lên. Yên Ly hỏi:

- Người vớt ta để làm gì?

Người lái thuyền thành thật đáp:

- Tráng sĩ về nước ắt được tước lộc, trọn đời vinh hiển. Tại sao lại liều thân?

Yên Ly cười:

- Vợ con và bản thân ta, ta còn chưa tiếc, huống hồ tước lộc. Các người hãy đem xác ta về Ngô mà lãnh thưởng.

Nói đoạn giật thanh kiếm của người đứng cạnh, đâm vào cổ mà chết.

Quân sĩ đem thi thể Khánh Kỵ và Yên Ly về nước Ngô cho Hạp Lư. Hạp Lư mừng rỡ trọng thưởng cho quân sĩ, rồi làm lễ Thượng Khanh an táng Yên Ly dưới thành, và khóc:

- Ta xin nhờ tài vũ dũng của nhà ngươi giữ vững thành trì nước Ngô.

Hạp Lư lại làm lễ phong tặng vợ con Yêu Ly và lập miếu thờ. Còn Khánh Kỵ thì được chôn cất theo lễ công tử bên mộ Liêu Vương.

Xem chuyện Yêu Ly có người hỏi:

- Yêu Ly đã biết việc mình làm là bất nhân, bất nghĩa, bất trí, mà tại sao vẫn cứ làm?

Xin thưa:

- Mình không phải là Yêu Ly thì không biết đích xác những gì Yêu Ly không nói cho đời biết. Chỉ biết rằng trong thế gian không mấy ai đứng hẳn ra ngoài vòng danh lợi. Nếu Yêu Ly không làm những việc Yêu Ly đã làm, thì ngày nay chúng ta đâu còn nhắc đến tên Yêu Ly, Khánh Kỵ, Khấu Tổ. Đem quặng đời của trăm năm đổi được cái danh trong nghìn thu, ngoài nghìn thu, như thế tưởng đã lời lắm lắm. Yêu Ly bảo rằng mình bất nhân, bất nghĩa có thể cho là đúng, còn bảo là bất trí thì thật không đúng. Đem cái vũ dũng của mình để làm những việc kinh dị kia, Yêu Ly hẳn đã nghĩ kỹ vậy.

THANH LIÊM



ham là một bệnh lớn nhất trong thiên hạ và dễ mắc hơn tất cả các bệnh, cho nên Thanh Liêm là một đức quý nhất và cũng khó rèn luyện nhất trong các Đức.

Tuy vậy, người vẫn còn để lại nhiều gương sáng cho đời soi. Như Công Nghi Hưu thời Chiến Quốc, là một.

Công Nghi Hưu làm tướng nước Lỗ, tánh rất thích ăn cá. Nhưng, một hôm, có người đem cá đến biếu. Ông lại không nhận. Người em ngạc nhiên hỏi, ông đáp:

- Người ta đem cá cho chắc có ý muốn cầu ta việc gì. Nếu ta nhận thì ta phải giúp việc cho người. Giúp việc cho người, lỡ trái phép nước thì đến mất quan. Mà mất quan, thì chẳng những không có cá biếu, đến cả cá mua cũng không có nữa. Không nhận cá chính ta muốn có cá ăn hoài vậy.

Như thế là Thanh Liêm. Nhưng bằng theo lời nói trên đây xét thì lòng Thanh Liêm của Công Nghi Hưu không tuyệt đối, vì còn sự cân nhắc lợi hại, thiệt hơn. Chưa bằng Dương Chấn đời Hậu Hán.

Dương Chấn tiến cử Vương Mật ra làm quan. Sau đó Dương công được bổ đi làm Thái Thú Đông Lai, đi ngang qua đất Xương Ấp là nơi Vương Mật cai trị. Nhớ ơn đề bạt ngày xưa, Vương Mật xin đến yết kiến rồi đêm khuya đem vàng đến dâng Dương công. Công từ chối và bảo:

- Trước kia biết ông là người khá, tôi mới tiến cử ông. Thế mà ông vẫn chưa rõ bụng, còn đem vàng cho tôi?

Wang Mật cố nài ép, thưa:

- Xin Ngài nhận cho. Đêm khuya không ai biết.

Công liễm dung đáp:

- Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết. Sao gọi rằng không ai biết?

Vương Mật nghe nói xấu hổ bưng vàng lui ra.

Tấm lòng của Dương Chấn thật sáng tỏ như mặt trời ban trưa. Nhưng chưa bằng lòng Tư Hãn đời Xuân Thu.

Tư Hãn làm quan giữ thành nước Tống. Có người được viên ngọc đem biếu, Tư Hãn không nhận. Người biếu ngọc thưa:

- Ngọc này tôi đã đem cho thợ ngọc xem. Quả là thứ ngọc báo mới dám đem dâng Ngài. Xin Ngài nhận cho tôi được vui lòng.

Tư Hãn đáp:

- Nhà người cho ngọc là của báu, ta cho tánh không tham là của báu. Người đem ngọc cho ta, nếu ta nhận, thì hai bên đều mất của báu. Ấu là người cứ đem về. Của báu ai nấy giữ. Như thế cả hai đều còn của báu, thì chẳng hơn sao?

Người biếu ngọc cúi đầu thưa:

- Chúng tôi là thường dân mà giữ ngọc báu thì e không tránh khỏi trộm cướp, mà có khi còn bị hại đến thân.

Tư Hãn bèn lưu người biếu ngọc ở lại. Đoạn tìm thợ đến đưa ngọc rồi đem bán lấy tiền trao cho người chủ ngọc mang về.

Tấm lòng của Tư Hãn vừa liêm khiết vừa nhân hậu và cách xử sự kia cao đẹp không chi bằng!

Làm quan mà được như Công Nghi Hựu, như Dương Chấn, trên đời kể không được nhiều lắm. Đến như Tư Hãn

thì xưa nay e chưa có người thứ hai.

Mà xưa nay nhiều người lầm tưởng rằng đức Liêm chỉ cần cho người có quyền có thế. Cho nên chỉ nghe nói đến quan Thanh Liêm chứ không nghe nói đến dân Thanh Liêm. Thật ra Thanh Liêm là thu liễm lòng tham lại để cho phẩm hạnh được trong sạch, thì riêng gì người làm quan, người có quyền có thế mới có đức Liêm. Và người Liêm chẳng những không tham lợi, mà đến danh cũng không tham. Gặp phú quý mà không phải đạo thì người Liêm nhất định không nhận. Như người bán thịt dê ở nước Sở thời Xuân Thu.

Người bán thịt dê ấy tên là Duyệt. Vua nước Sở là Chiêu Vương bị giặc đánh phải bỏ nước chạy, người bán thịt dê cũng chạy theo. Sau vua Chiêu Vương lấy lại được nước, bèn thưởng cho những kẻ tòng vong. Người bán thịt dê cũng ở trong đám được thưởng. Ai nấy đều nhận, chỉ có người bán thịt dê từ chối, nói rằng:

- Trước nhà vua mất nước, tôi mất nghề bán thịt dê. Nay nhà vua lấy lại được nước, tôi được trở lại nghề bán thịt dê. Thế là tôi giữ được nghiệp cũ, đủ ăn rồi, còn đâu dám mong thưởng nữa.

Nhà vua cố ép. Người bán thịt dê thưa:

- Nhà Vua mất nước không phải là tội tôi, nên tôi không dám liều chết. Nhà Vua lấy lại nước không phải là công tôi, nên tôi không dám lãnh thưởng.

Nhà Vua bảo:

- Để rồi ta đến nhà của người chơi vậy.

Người bán thịt dê đáp:

- Theo phép nước Sở, người nào có công to, được trọng thưởng thì Vua mới đến nhà. Nay tôi xét bản thân tôi, mưu trí không đủ giữ được nước, dũng cảm không đủ giết

được giặc. Quân giặc vào nước, tôi lánh nạn, phải theo nhà Vua, chớ có phải cốt theo giúp nhà Vua đâu. Nay nhà Vua bỏ phép nước, đến chơi nhà tôi, e thiên hạ nghe thấy chê cười vậy.

Vua Chiêu Vương nghe nói quay lại bảo quan Tư Mã Tử Kỳ rằng:

- Người hàng thịt dê này tuy làm nghề vi tiện mà giải bày nghĩa lý rất cao xa. Nhà ngươi làm thế nào mời ra nhận chức Tam Công cho ta.

Người hàng thịt dê nói:

- Tôi biết chức Tam Công quý hơn nghề bán thịt dê, bổng lộc nghìn vạn, giàu hơn tiền lãi bán thịt dê. Nhưng tôi đâu dám ham tước lộc mà để Vua mang tiếng là gia ơn không phải nghĩa. Tôi thực không dám nhận. Xin cho tôi về giữ lấy nghề bán thịt dê của tôi.

Nói đoạn lui ra ngay.

Người bán thịt dê không nhận thưởng vì biết mình không có công cán gì, không nhận chức vì biết mình không có tài cán hơn người. Như thế thật là Liêm. Và đó là một tấm gương " dân liêm " vậy.

Lòng liêm khiết của các nhân vật nói trên là không tham danh, không tham lợi do người khác đem đến. Cũng đã thật cao, nhưng chưa tuyệt cao. Lòng liêm của Duyệt Lăng Quý Tử đời Xuân Thu mới thật là tuyệt.

Duyệt Lăng Quý Tử ở nước Ngô sang sứ nước Tấn, ghé qua chơi với Vua nước Từ. Vua nước Từ thấy Quý Tử mang thanh bảo kiếm, có ý muốn xin mà không muốn nói ra. Quý Tử đoán biết, định bung sẽ dâng kiếm cho nhà vua sau khi lo xong sứ mệnh. Nhưng khi về qua nước Từ thì Vua Từ đã mất. Quý Tử toan trao cho tự quân. Kẻ tùy tùng ngăn lại, nói:

- Thanh kiếm này là vật báu của nước Ngô, không phải thứ để tặng.

Quý Tử đáp:

- Không phải là ta tặng. Đệ trước ta ghé lại đây, Vua Từ xem kiếm ta, tuy ý muốn, nhưng không nói ra. Vì ta còn phải đi sứ thượng quốc nên chưa dâng được. Tuy vậy bụng đã định cho. Nay Vua Từ mất mà ta không hiến thanh kiếm, thì ta tự dối lòng ta. Tiếc kiếm mà dối tâm người Liêm không chịu làm.

Nói đoạn tháo kiếm trao cho tự quân. Tự quân nói:

- Tiên quân không dặn việc ấy nên tôi không dám nhận kiếm.

Quý Tử bèn đem kiếm treo nơi mộ Vua Từ rồi đi.

Chao ôi! Liêm đến mức ấy thì thật quá đổi cao, người đời không thể nào với tới. Chúng ta có thể theo kiếp chằng, hoạ may theo kiếp Công Nghi Hựu, Dương Chấn là hết sức... Đã biết rằng không phải ai ai cũng có thể thành hiền, thành thánh, nhưng ai nấy đều có thể lấy hiền thánh mà tự kỳ.

Tây triết có câu " Vouloir c est pouvoir" nghĩa là " muốn thì được ". Chúng ta thử rủ nhau " muốn Liêm " xem sao.

LÒNG THAM



ó người hỏi một tu sĩ:

- Trời sanh con người ra, sanh tánh nào trước?

Tu sĩ đáp:

- Tánh tham.

- Sao biết?

- Đứa bé vừa lọt lòng mẹ liền đòi bú. Cho bú đã vừa rồi, bà mẹ rút vú ra, đứa bé liền khóc vì còn tham bú nữa.

Người kia vỗ tay cười:

- Như thế lời của thầy Mạnh Kha: " Nhân chi sơ tánh bản thiện" sai rồi sao?

Tu sĩ ôn tồn đáp:

- Phải nói "Nhân chi sơ tánh bản tham" thì đúng hơn.

Lời tu sĩ mới nghe thì có vẻ khôi hài, nhưng xét kỹ lại thì là chơn lý. Vì lòng tham của đứa bé cứ theo ngày tháng mà lớn dần.

Tục ngữ có câu: "Hễ tham thì thâm, bụt đã bảo thâm, bảo đừng có tham".

Bụt bảo thì bảo mà người tham thì tham. Và vì tham mà bị thâm, xưa nay thật không hiếm kẻ. Như vua nước Thục thời Đông Châu là một.

Vua nước Thục có tiếng là tham lam.

Vua Huệ Vương nước Tấn muốn đánh Thục, nhưng vì núi khe hiểm trở khó tiến binh. Huệ Vương lấy đá tạc hình một con trâu to lớn đem để gần địa giới nước Thục, mỗi ngày sai người lén đem bỏ vàng sau đuôi trâu mà phao

lên rằng: " trâu đá vãi phân vàng ". Tiếng đồn thấu tai vua Thục. Vua Thục liền sai xe núi, lấp khe và cho năm mươi người lực sĩ vào rừng kéo con trâu đá về. Vua Huệ Vương sẵn lối đi, đem quân sang đánh nước Thục. Nước Thục không đề phòng nên chưa đánh đã rã, nước bị mất, vua bị giết, để lại một trò cười cho nghìn sau.

Rõ là: "Điều tham thật nhi vong, nhân tham tài nhi tử ".
Lẽ xưa nay bao giờ cũng thế.

Mà có tham thì tham vừa vừa, người ta còn chịu nổi, còn có thể chiều hay nể mà thoả mãn lòng tham của mình, chớ tham quá lắm, thì " tức nước phải vỡ bờ". Như chuyện Ngu Công yêu cầu ngọc, kiếm, trong Tả Truyện.

Ngu Thúc là em Ngu Công có một viên ngọc bích và một thanh bửu kiếm vô cùng quý giá.

Ngu Công muốn lấy ngọc, sai người đến cầu. Ngu Thúc ban đầu không chịu, sau hối lại, nói rằng:

- Ngạn ngữ nhà Châu có câu: " Kẻ thường dân vô tội, vì giữ ngọc bích mà thành tội ". Ta dùng vật ấy làm gì cho sanh hại vào thân.

Bèn đem vật dâng cho Ngu Công.

Ngu Công được ngọc rồi lại đòi luôn cả kiếm. Ngu Thúc cả giận nói:

- Như thế là con người vô liêm! Lòng tham không chán. Đã không chán, tất sẽ hại đến thân ta. Không trừ không được.

Liền cử binh đánh.

Ngu Công bị thua, chạy ra đất Cung Trì.

Lữ Đông Lai bàn rằng:

"Ngu Công vì tham lam mà mất nước. Ngu Thúc vì keo kiệt mới đuổi vua. Một bên tham, một bên keo, tuy không

đồng danh nhưng đồng tánh, vì cả hai bởi lòng yêu của mà sanh ra. Nếu Ngu Công biết lòng cầu kiếm của mình cũng như lòng giữ kiếm của Ngu Thúc, thì không đến nỗi tham lam. Và nếu Ngu Thúc biết lòng giữ kiếm của mình cũng giống như lòng cầu kiếm của Ngu Công, thì không đến nỗi keo kiệt. Vì không rộng lượng dung cho nhau nên trở lại tránh lẫn nhau, mới gây thành giận lớn.

" Vậy nên làm thế nào?

" Xin đáp:

" Nên dùng tham lam trị tham lam, nên dùng keo kiệt trị keo kiệt. Trong chí lý không có điều gì bỏ được, thì trong lòng người không có ý niệm nào trừ được. Nếu không có ý niệm tham lam và keo kiệt, thì làm sao có sự keo kiệt và tham lam được? Vậy thì đối với tham lam và keo kiệt, không đáng cưỡng bách cho đừng có, mà cũng chẳng cần bảo là không nên có. Nếu lòng ta không còn vương vấn điều chi nữa, ngày ngày như tuyết như băng, thì tham lam hay keo kiệt, điều nào không phải là chí lý?

"Vả chẳng, về việc thì có lành có dữ. Còn về ý niệm thì không có gì là dữ với lành. Ý niệm ấy gia vào việc lành thì gọi là " thiện niệm ", gia vào việc dữ thì gọi là " ác niệm ". Như vậy, về ý chỉ có một, nào phải là hai.

Đời Chê Ngu Công là tham làm vì lòng thích cầu không biết chán. Nhưng nếu Ngu Công biết dùng ý niệm tham đó để cầu Đạo, khi bực " lập" chưa rồi đã cầu đến bực " quyền ", làm "hiền" chưa xong đã cầu "thánh". Như vậy có khác gì đức Khổng Tử " học hoài không biết chán " ư?

"Đời lại cho Ngu Thúc là keo kiệt, vì lòng thích giữ của không muốn mất. Nếu Ngu Thúc biết dùng ý niệm keo kiệt đó để giữ Đạo, khi đạo sống thì sống với, vật dục không đời lòng được; khi Đạo chết thì sẽ chết theo, uy

quyền không cướp đạo được. Như vậy khác gì Nhan Hồi " được điều lành mau ghi vào dạ, không để cho mất " ư?

"Vậy thì tham lam với keo kiệt, trước là ác, sau là thiện, theo vật mà đổi tên, chớ nào phải hai ý niệm ".

Lời bàn thật là cao siêu mà cũng thật là chí lý.

Nếu ai cũng theo được lời dạy của Đông Lai thì thiên hạ sẽ thái bình, bom nguyên tử sẽ trở thành vô dụng. Bởi vậy nên ít ai theo. Ít ai theo nên thiên hạ loạn lạc, bom nguyên tử chế tạo không ngừng.

Có người lạc quan bảo rằng:

- Thiên hạ loạn lạc, bom nguyên tử chế tạo không ngừng, đó là một cái may cho trần thế.

Hỏi:

- Vì sao vậy?

Đáp rằng:

- Vì tranh giành cho thật kịch liệt, bom nguyên tử chế tạo cho thật nhiều, đến khi lòng tham nổi lên đến mức, làm bùng nổ các bom nguyên tử đã chế ra một lần, thì lòng tham trong thế gian cũng sẽ bị hoàn toàn tiêu diệt cùng nhân loại. Chừng ấy sẽ không còn ai phải lo. Chớ bây giờ thì:

Ếch kêu dưới vũng tre ngâm

Ếch kêu mặc kệch, tre dầm mặc tre.

- Tuy vậy đêm sâu có tiếng ếch kêu cũng đỡ buồn vì tầm tối.

ĐỨC NHẪN NHỤC

Ở đời nhục là điều khó nhin nhất. Cho nên có câu rằng "Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục" nghĩa là "thà chịu chết, chớ không chịu nhục". Nhin được những điều người ta không thể nhin được, dung được những điều người ta không thể dung được, phải người độ lượng lớn, kiến thức cao, căn bản vững.

Tô Đông Pha đời Tống nói rằng:

- Kẻ mà gọi là hào kiệt tất phải có tiết khí hơn người. Nhon tình có chỗ không thể nhin được, nên kẻ thất phu gặp nhục thì tuốt gươm đứng dậy, vươn mình xốc đánh. Cái đó chưa đủ gọi là dũng. Nhưng bậc đại dũng thành linh gặp những chuyện phi thường cũng không kinh, vô cớ bị những điều ngang trái cũng không giận. Đó là nhờ chỗ hoai bão lớn, lập chí cao vậy.

Vua nước Việt là Câu Tiễn đánh Ngô bị thua to. Vua nước Ngô là Phù Sai buộc Câu Tiễn phải sang Ngô làm tồ tớ.

Câu Tiễn cùng bày tồ là Phạm Lãi sang Ngô, vào ra mắt Phù Sai, trần vai áo sụp lạy dưới thềm, và nói:

- Tồ là Câu Tiễn nước Việt, vì không biết sức mình đến nỗi đắ tồ với Đại Vương, nay Đại Vương xá tồ, cho đượ sang hầu hạ, thật cảm nghĩa vô cùng.

Phù Sai truyền xây một thạch thất bên mộ của Hạp Lư, giam vua tồ Câu Tiễn. Mỗi khi Phù Sai đi chơi, bắt Câu Tiễn đắ ngựa. Người nước Ngô trông thấy, cười bảo nhau:

- Kìa, vua nước Việt!

Câu Tiễn cứ cúi gầm mặt, không nói không rằng.

Ở nơi thạch thất ngót hai năm, Câu Tiễn lo việc giữ ngựa, hốt phân, quét chuồng, phải chịu không biết bao nhiêu sỉ nhục. May nhờ có Phạm Lãi sớm tối hầu hạ, không rời nửa bước, và luôn luôn kiếm lời an ủi, khuyến khích.

Thấy Câu Tiễn lúc nào cũng rụt rè khúm núm, suốt ngày lo làm lụng như kẻ tôi đòi, Phù Sai khinh thường cho là kẻ khiếm nhược, ý muốn tha. Ngũ Tử Tư can:

- Ngày xưa vua Kiệt giam vua Thang, vua Trụ giam Văn Vương mà không giết, đến lúc đạo Trời quay lại chuyện họa thành phước, vua Kiệt bị vua Thang đuổi, vua Trụ bị nhà Châu diệt. Nay Đại Vương giam Câu Tiễn mà không giết, tôi e nước Ngô sắp có cái họa của nhà Hạ và nhà Thương đó.

Nghe lời Ngũ Tử Tư nói phải, Phù Sai trở muốn giết Câu Tiễn, bèn sai người triệu vào cung. Câu Tiễn được tin, sợ hãi. Phạm Lãi nói:

- Đại Vương đừng sợ. Vua Ngô giam Đại Vương đã ba năm mà không nỡ giết, huống chi bây giờ. Xin Đại Vương cứ an tâm vào yết kiến.

Câu Tiễn vào chầu chực ngót ba ngày mà Phù Sai không lâm triều. Ngày thứ ba, kẻ cận thần là Bá Hi ở trong cung ra truyền cho Câu Tiễn trở về thạch thất. Câu Tiễn lấy làm lạ hỏi. Bá Hi đáp:

- Đại Vương nghe lời Ngũ Viên định giết Ngài nên sai triệu đến, nhưng bỗng bị cảm hàn không thể dậy được. Vào thăm bệnh thấy thế tôi bèn tâu cùng Đại Vương rằng: " Muốn trừ họa phải làm phúc. Nay vua Việt chầu chực ở đây chỉ đợi ngày đem giết, lòng ta thán cảm động đến trời. Đại Vương tạm tha cho về thạch thất, đợi Đại Vương khỏi bệnh rồi sẽ định liệu". Đại Vương nghe lời của tôi tha cho Ngài trở về thạch thất đó.

Câu Tiễn bái tạ, về thạch thất, ngót ba tháng vẫn không nghe tin tức của Phù Sai. Phạm Lãi bắm quẻ rồi nói:

- Phù Sai không chết, đến ngày Kỷ tị thì bớt, qua ngày Nhâm thân thì khỏi hẳn. Bây giờ Đại Vương cố xin vào thăm, và phải nhẫn nhục nếm phân của Phù Sai rồi lại mừng mà nói kỳ khỏi bệnh. Đến kỳ bệnh khỏi thật, tất nhiên Phù Sai phải cảm ơn mà tha cho Đại Vương.

Câu Tiễn ứa nước mắt nói:

- Ta đây dầu chẳng ra gì cũng là một ông vua, không lẽ phải chịu nhục nếm phân cho người ta sao?

Phạm Lãi đáp:

- Ngày xưa vua Trụ giam Văn Vương nơi Dũ Lý, giết con Văn Vương là Bá Ấp Khảo rồi làm mắm đem vào cho Văn Vương ăn. Thế mà Văn Vương vẫn chịu nhục, ăn thịt con. Ta muốn làm đại sự cần gì những điều nhỏ mọn. Vua Ngô tính nết đàn bà, không có lòng quả quyết, nay tha mai giết, nếu không dùng kế ấy đánh vào tình cảm thì làm sao thoát nạn được.

Câu Tiễn gạt lệ theo lời, đến nói cùng Bá Hi:

- Tôi nghe Đại Vương bị bệnh trong lòng hồi hộp, ăn ngủ không yên, xin Ngài cho tôi theo vào thăm cho trọn tình thần tử.

Bá Hi nói:

- Ngài có lòng tốt, xin đợi tôi chuyển tấu đã.

Bá Hi vào yết kiến Phù Sai, thuật lại lời nói của Câu Tiễn. Đang lúc đau buồn bã, Phù Sai nghe nói động lòng thương bèn chấp thuận cho vào.

Câu Tiễn vào gặp lúc Phù Sai " chột bụng", Câu Tiễn sụp lạy trước giường, thưa:

- Khi tôi ở Đông Hải có học cách niêm phân mà biết được bệnh chóng hay chậm.

Đoạn khoan tay đứng chờ Phù Sai đại tiện xong, bước đến lấy tay bốc nể. Nể xong sụp lạy một lần nữa và tâu:

- Tù nhân xin chúc mừng Đại Vương. Bệnh Đại Vương đến ngày Kỷ tị thì bớt, sang tháng ba vào ngày Nhâm thân thì khỏi hẳn.

Phù Sai hỏi:

- Vì sao biết được?

Tâu:

- Y sư dạy tôi rằng phân là cốc vị, hễ thuận thời khí thì sống, trái thời khí thì chết. Nay tù nhân nể phân Đại Vương thấy vị đắng mà chua, hợp với thời khí xuân hạ phát sinh, nên mới biết được.

Phù Sai cảm động nói:

- Câu Tiễn đối với ta thật hơn thần tử đối với quân vương. Ta chưa thấy ai chịu nể phân để đoán bệnh bao giờ!

Thấy Bá Hi đứng cạnh Phù Sai bèn hỏi:

- Quan Thái Tể có nể được không?

Bá Hi sụp lạy đáp:

- Tôi rất yêu Đại Vương, song việc này không sao làm được

Phù Sai nói:

- Chẳng riêng gì quan Thái Tể, cho đến Thái Tử của ta cũng không thể làm được việc ấy.

Đoạn truyền tha Câu Tiễn, không bắt về thạch thất nữa, cho tự tiện tìm chỗ ở. Đợi khi nhà vua khỏi bệnh sẽ cho

về nước.

Câu Tiễn lại tạ lui ra. Từ ấy được thông thả, nhưng vẫn giữ việc nuôi ngựa như xưa.

Rồi quả nhiên Phù Sai khỏi bệnh đúng như lời Câu Tiễn. Nhà vua cho rằng Câu Tiễn là kẻ tận trung với mình, truyền bày tiệc trên Vân Đài, cho Câu Tiễn vào dự. Câu Tiễn vẫn khiêm tốn, ăn mặc theo lối tù nhân, Phù Sai truyền tắm gội và ban mũ áo. Câu Tiễn hai ba lần tạ từ rồi mới nhận. Phù Sai nói cùng các quan:

- Câu Tiễn là người nhân hậu, ta không nên làm nhục lâu. Ta sắp tha tội cho về nước, nên nay tiếp đãi tử tế.

Các quan mời Câu Tiễn vào tiệc. Ngũ Tử Tư tức giận ra ngoài. Sáng hôm sau vào tâu:

- Hôm qua Đại Vương lấy lễ khách mà đãi kẻ thù, là nghĩa làm sao? Câu Tiễn là kẻ nham hiểm, bên trong chứa gươm đao, bên ngoài giả cách cung kính. Những người như thế thật đáng đề phòng. Sao Đại Vương không thấy cái hại về sau? Đại Vương bỏ lời trung thực, nghe lời nịnh bợ, nghĩ điều nhân nhỏ, nuôi kẻ thù lớn. Thật khác nào buông nắm lông trên than hồng mà mong cho lông khỏi cháy, ném quả trứng xuống đá mà mong cho trứng không bể là nghĩa gì?

Phù Sai lắc đầu nói:

- Ta bị bệnh đã ba tháng, quan Tướng Quốc không có một lời hỏi thăm, không có một lễ mọn dâng hiến. Còn Câu Tiễn bỏ nước sang đây, đem thân làm tôi tớ, chịu nếm phân ta để xét bệnh. Nếu quan Tướng Quốc bảo ta giết kẻ ấy thì còn gì nhân luân. Ta không muốn vì lời Tướng Quốc mà trở thành kẻ bất nhân bất nghĩa.

Ngũ Tử Tư thưa:

- Đại Vương xét việc như thế là lầm to! Khi con hổ thu mình lại thì tất muốn chụp mồi đấy, con ly rút cổ lại thì tất định đánh cướp đấy. Vua Việt vào làm tô nước Ngô, lòng không thể không oán hận. Kẻ oán hận mà giữ được lòng kiên nhẫn thì thật là thâm độc. Bây giờ Câu Tiễn cúi xuống nếm phân của Đại Vương, nhưng chắc gì sau này không ngẩng lên để ăn bộ lòng của Đại Vương. Đại Vương không xét để mắc mưu kẻ thâm độc, thì thật là nông cạn lắm.

Phù Sai nói:

- Quan Tướng Quốc chớ nói nữa. Ý ta đã quyết, can ngăn có ích chi.

Ngũ Tử Tư tức giận trở về dinh.

Ba hôm sau, Phù Sai bày tiệc nơi Sà Môn, đưa Câu Tiễn về nước. Các quan triều thần đều đến chúc mừng. chỉ có Ngũ Viên không có mặt. Phù Sai bảo Câu Tiễn:

- Ta cho hiền hầu về nước, hiền hầu nên nhớ ơn, chớ có đem lòng oán hận.

Câu Tiễn sụp lạy, thưa:

- Đại Vương không nỡ giết kẻ cô cùng, cho được sống mà về nước, đời đời tôi nguyện không dám quên ơn. Trời cao thăm thăm soi xét lòng tôi. Nếu tôi phụ Ngô thì trời nào dung thứ.

Phù Sai nói:

- Người quân tử chớ có hai lời.

Câu Tiễn sụp lại, nước mắt đầm đìa. Ai nấy đều cho là thật tâm quyến luyến. Phù Sai cầm tay Câu Tiễn đưa lên xe, và đứng trông theo cho đến lúc xe đi khuất.

Năm ấy là năm thứ 26 đời vua Kính Vương nhà Châu.

Câu Tiễn trở về nước ngày đêm lo việc phục thù. Phù Sai chẳng hề lưu ý đến, chỉ một mực kiêu ngạo và say đắm trong cuộc truy hoan... thành ra nước Ngô dần dần suy, nước Việt dần dần thịnh.

Hai mươi năm sau Câu Tiễn cất binh đánh Ngô. Phù Sai đại bại bỏ kinh thành chạy đến Vu Toại. Câu Tiễn đem quân vây bốn mặt, bắt Phù Sai phải tự tử.

Thế là nước Ngô bị diệt và Câu Tiễn rửa được cái nhục thạch thất ở Cối Kê.

Trước kia nếu Câu Tiễn không chịu nổi cái nhục ấy mà tự sát, hay làm càn đến phải thiệt thân, thì nước Việt không mong gì khôi phục. Lòng kiên nhẫn của Câu Tiễn thật là phi thường. Mà sở dĩ có thể nhẫn nhục được đến thế là vì Câu Tiễn có hoài bão lớn, lập chí vững...

Nhưng nếu không có Phạm Lãi, hỏi Câu Tiễn có giữ được chí lớn hay chẳng?

Câu Tiễn đã có lần nói cùng Phạm Lãi:

- Ta nhẫn được bấy lâu là nhờ công của nhà ngươi.

Đó là lời nói thành thật phát tự trong đáy lòng của Câu Tiễn. Cho nên sự nhẫn nhục phi thường của Câu Tiễn gốc ở Phạm Lãi vậy, và câu nói của Phạm Lãi: " Ta muốn cầu đại sự thì cần gì những điều nhỏ mọn " là một câu châm ngôn đối với những người muốn lập chí, và lòng kiên nhẫn của Câu Tiễn là tấm gương sáng cho những người muốn thành công, trong khi mưu cầu đại sự.

Nhưng không nên quên mặt trái của chiếc huy chương.

LỄ ĐỘ



uản Di Ngô lên làm Tướng Quốc nước Tề liền lấy LỄ, NGHĨA, LIÊM, SĨ làm tiêu chuẩn để trị quốc và đào luyện nhân dân, ông bảo:

Lễ, nghĩa, liêm, sĩ

Thị vị tứ duy.

Tứ duy bất trượng,

Quốc nãi diệt vương.

Nghĩa là: "Lễ, nghĩa, liêm, sĩ là bốn mép lưới. Bốn mép lưới không gương thẳng lên thì nước phải mất. "

Gọi Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ là bốn mép lưới, bởi vì bốn mép lưới là giềng mối của tấm lưới. Bốn mép lưới có gương thẳng lên thì những mắt nhỏ trong lưới mới tề chỉnh được, cũng như trong nước từ trên xuống dưới ai nấy đều theo đúng bốn tiêu chuẩn kia thì xã hội mới có trật tự, nước nhà mới yên vui. Bằng trái lại thì "quốc nãi diệt vong".

Nhờ theo đúng chánh sách và chủ trương của Quản Trọng mà vua Tề làm bá chủ thiên hạ.

Mà trong Tứ Duy thì Lễ đứng đầu.

Vì sao vậy?

Vì những tánh táo bạo, lỗ mãng, thô bỉ, kiêu ngạo, khinh bạc..., là những nguyên nhân gây lũng củng làm mất trật tự trong xã hội, đều bởi không học Lễ mà sinh ra. Cho nên Cổ nhân thường nói rằng:

- Người trên có lễ thì kẻ dưới dễ bảo. Trị nước có lễ thì dân sợ không dám làm xằng.

Nhưng người đời nay lại chỉ đem cái lễ phép dạy cho kẻ dưới khỏi thất lễ đối với người trên, mà không có ai khuyên người trên đối đãi với kẻ dưới nên cẩn thận nhiều về lễ độ, mặc dù kẻ trên thất lễ với người dưới rất thường, thường đến nỗi không còn ai lấy làm trái!

Thất lễ là không biết trọng nhân vị của kẻ khác.

Và theo thuật xử thế của người xưa thì người trên đối với kẻ dưới lại càng phải thận trọng về lễ phép nhiều hơn kẻ dưới đối với người trên. Bởi vì kẻ dưới sẵn có lòng sợ quở phạt đi kèm, nên ít khi dám bỏ quên chữ LỄ. Còn kẻ phú quý bị hoàn cảnh chi phối, thường sanh ra khinh bạc, kiêu căng tưởng rằng trên đời chỉ có giàu sang là đáng kể, nên đem lòng xem nhẹ kẻ khó nghèo. Thường bị khinh khi, kẻ dưới rất dễ bị phẫn kích vì những điều sơ xuất về lễ độ của người trên. Giận nhưng vì thất thế, đành phải nuốt giận, tạm bỏ qua. Người trên dù có biết cũng không điếm xía vì nghĩ rằng sự bất bình kia cũng chả có chi ảnh hưởng đến mình. Nhưng có ngờ đâu lại kết sinh ra những hậu quả rất tai hại.

Như chuyện xảy ra giữa Tống Mẫn Công và Nam cung Trường Vạn.

Nam Cung Trường Vạn là một đại tướng nước Tống, đánh giặc thua bị bắt về nước Lỗ. Sau Tống Mẫn Công xin tha về nước. Trường Vạn vào tạ ân Mẫn Công. Mẫn Công nói đùa:

- Ngày trước ta kính trọng người; bây giờ người là tên tù nước Lỗ, ta không kính trọng nữa.

Nam Cung Trường Vạn then đỏ mặt, cáo từ lui ra.

Quan Đại phu Cừ Mục nói riêng với Tống Mẫn Công:

- Vua tôi giao tiếp nhau, cần phải giữ lễ, không nên đùa bỡn. Đã đùa bỡn thì lòng hết mà lại sinh ra mối phản

ngịch. Chúa công nên nghĩ kỹ đến điều ấy.

Mẫn Công nói:

- Ta với Nam Cung Trường Vạn là chỗ chí thân, cần gì điều ấy.

Một hôm Mẫn Công cùng Trường Vạn ngồi đánh cờ nơi hoa viên. Trường Vạn thua luôn mấy ván, bị phạt uống một chung rượu lớn. Trường Vạn đã ngà ngà say, nài xin đánh thêm một ván nữa. Mẫn Công đáp:

- Tù nhân thì tất phải thua, lại còn dám xin đánh nữa ư?

Trường Vạn xấu hổ, ngồi nín lặng.

Vừa lúc ấy có sứ giả nhà Châu đến báo tin vua Trang Vương thăng hà và vua Hi Vương kế vị. Mẫn Công nói:

- Nhà Châu mới có vua mới, ta nên sai người vào châu.

Trường Vạn thưa:

- Nghe nói kinh đô nhà Châu đẹp lắm, mà mắt tôi chưa được xem. Vậy xin chúa công cho tôi đi sứ.

Mẫn Công cười đáp:

- Khi nào nước Tống không có người mới sai tù nhân đi sứ.

Các cung nhân đứng hầu, nghe nói, cười ầm cả lên.

Trường Vạn thẹn quá, hét lớn:

- Hôn quân! Người nên biết rằng đứa tù nhân này cũng có thể giết người được lắm.

Mẫn Công nổi giận, giật cây họa kích định đâm Trường Vạn, nhưng chưa kịp hạ thủ thì Trường Vạn vác bàn cờ đánh Mẫn Công ngã gục, rồi bồi thêm mấy đấm nữa chết tươi!

Không chút hối hận, Trường Vạn giết luôn những kẻ phản đối rồi tôn người khác lên nối ngôi.

Chuyện này xảy ra thời Đông Châu còn một chuyện nữa cũng có thể làm gương cho những người hay khinh xuất trong việc đối xử. Đó là chuyện Trịnh Linh Công và Công tử Tổng.

Công tử Tổng là một người trong hoàng tộc của nước Trịnh, cùng công tử Quy Sinh phò vua Linh Công.

Một hôm sắp vào triều thì ngón thực chỉ (tức là ngón tay trỏ) của công tử Tổng lay động. Công tử Tổng bèn giơ tay cho công tử Quy Sinh xem và nói:

- Mỗi lần ngón thực chỉ của tôi lay động, thì trong ngày hôm ấy thế nào cũng được hưởng một món ăn lạ. Trước kia đi sứ nước Tần, được ăn bạch hoa ngư. Sau sang nước Sở, một lần được ăn thiên nga, một lần được ăn hợp long quất. Những lần như vậy ngón thực chỉ của tôi đều có báo trước. Hôm nay chắc chúng ta cũng được ăn món gì quý lắm đây.

Rồi hai công tử cùng nhau vào triều. Khi đến nơi, nghe lệnh truyền đi gọi tế phu rất gấp, công tử Tổng bèn hỏi. Kẻ nội thị đáp:

- Có người ở Hán Giang về dâng một con giải nặng đến 200 cân. Chúa công truyền gọi đồ tế đến làm thịt đãi các quan đại phu.

Vào chầu, hai công tử nghĩ đến sự linh nghiệm của ngón tay, thích chí, ngó nhau cười mãi. Trịnh Linh Công phán hỏi:

- Hôm nay hai khanh chắc có chuyện chi vui?

Công tử Quy Sinh bèn tâu rõ câu chuyện ngón thực chỉ của công tử Tổng báo tin lành. Linh Công phán:

- Ngón thực chỉ của công tử Công đầu có lay động, nhưng linh ứng hay không là tùy thuộc nơi ta.

Bãi châu, công tử Quy Sinh bảo công tử Tổng:

- Thịt giải ngon lắm, nhưng nhà vua muốn bác bỏ cái điềm " thực chỉ lay động " mà không triệu công tử đến thì sao?

Công tử Tổng đáp:

- Đã làm tiệc đãi các quan đại phu thì lẽ gì không triệu ta được.

Quả như lời, công tử Tổng được triệu. Vào triều thấy Quy Sinh, công tử Tổng cười lớn và nói:

- Tôi rõ biết chúa công đâu nữa bác đãi tôi.

Rồi tiệc mở. Tể phu dâng trước lên nhà vua một đĩa thịt giải bốc hương. Nhà vua nếm thử, khen ngon, rồi truyền dâng cho mỗi quan một đĩa và một chung ngự tửu, bắt đầu từ bàn phía đông ra phía tây.

Công tử Tổng cùng ngồi với Quy Sinh ở cuối bàn phía tây. Khi tể phu dâng thịt đến đó thì tâu cùng Trịnh Linh Công:

- Thịt giải chỉ còn có một đĩa mà số người lại còn đến hai, chẳng biết nên dâng cho người nào?

Nhà vua phán:

- Hãy dâng cho công tử Quy Sinh.

Tể phu tuân lệnh. Nhà vua tiếp:

- Ta định ban cho mỗi quan mỗi người một phần, nhưng rủa lại thiếu phần công tử Tổng. Ấy bởi công tử Tổng không có duyên ăn thịt giải, và sự lay động của ngón thực chỉ của công tử không hiệu nghiệm.

Biết rằng nhà vua bày trò để gạt gẫm, công tử Tống vừa then vừa tức, đẩy bàn đứng dậy, đến gần Linh Công, thò tay vào đĩa, lấy một miếng thịt giải bỏ vào miệng, vừa nhai vừa nói:

- Ngón thực chỉ của ta bao giờ lại không linh nghiệm.

Linh Công phản nộ, bỏ đũa nạt:

- Công tử hỗn láo! Có lẽ công tử khinh nước Trịnh không có hình phạt để trị tội kể khi quân chằng?

Các quan thất kinh, đều quì xuống xin tội cho công tử Công. Nhà vua bỏ vào cung. Các quan ai vào dinh nấy. Tối đến công tử Quy Sinh sang báo công tử Tống:

- Chúa công giận công tử lắm đó. Ngày mai vào chầu phải xin lỗi mới được.

Công tử Tống đáp:

- Hễ mình khinh người ta thì người ta khinh lại mình, sao lại còn nói đến lỗi phải?

Từ ấy vua tôi bất bình nhau. Cuối cùng công tử Tống lập mưu giết Linh Công và tôn em Linh Công lên nối ngôi nước Trịnh.

Trịnh Linh Công cũng như Tống Mẫn Công có ngờ đâu sự đùa bỡn của mình gây tai hại đến thế.

Có người bảo rằng hai nhà vua vì ý chỗ thân tình mà không giữ lễ cùng kẻ bề tôi, chớ không có ý khinh thị. Bảo thế cũng có phần đúng, nhưng không đi sâu vào tâm lý con người. Thử hỏi: nếu Nam Cung Trường Vạn và công tử Tống là kẻ bề trên thì Tống Mẫn Công và Trịnh Linh Công có dám đùa cợt như thế không? Nhất định là không. Như vậy thì lòng khinh thị, lúc đùa bỡn, không có nơi ý thức của hai vua, nhưng vốn đã nằm ở trong tiềm thức.

Cho nên những người đã thắm nhuần Lễ rồi thì luôn luôn thận trọng, không bao giờ chạm vào lòng tự ái của kẻ khác, và bất kỳ trong trường hợp nào cũng để bản ngã của mình ở sau kẻ khác, cũng biết chăm chú việc làm của mình cho hợp với thiên lý và nhân tâm.

Nếu ai nấy đều học Lễ và trong việc giao tế ai ai cũng lấy Lễ đối đãi nhau thì nhà yên, nước trị, thiên hạ thái bình.

Quản Di Ngô để Lễ lên đầu tứ duy là vì việc đó.

ĐÃI NGỘ

Người đời thường lấy danh và lợi để làm thân nhau. Do đó thường phản bội nhau.
Nếu lấy nghĩa mà đối đãi nhau, thì lúc thường cũng như lúc biến, mới mong giữ vững được lòng thủy chung.

Chuyện Trí Bá và Dự Nhượng đời Chiến Quốc là một bằng chứng cụ thể.

Trí Bá là quan Thượng Khanh nước Tấn, cùng với Hàn Hồ, Ngụy Câu và Triệu Vô Tuất nắm quyền bính trong nước.

Trí Bá muốn chiếm đoạn giang san nhà Tấn bèn hội bọn gia thần thương nghị. Bọn gia thần của Trí Bá có Trí Khai, Trí Quốc là thân thuộc của Hi Tì, Dự Nhượng là thủ túc. Hi Tì nói:

- Bốn quan khanh quyền lực bằng nhau, nếu chúng ta khởi sự, ắt ba nhà kia chống cự. Chi bằng trừ ba nhà kia trước rồi sẽ lo đến việc nước Tấn.

Trí Bá hỏi:

- Nên dùng cách nào để trừ ba nhà ấy?

Hi Tì đáp:

- Nay nước Việt đang thịnh, chiếm quyền bá chủ của nước Tấn. Ngài mượn cơ cất quân đánh Việt để giành lại quyền bá chủ cho nước Tấn, lại tâu cùng nhà vua bắt ba nhà Hàn, Ngụy, Triệu phải nạp vào công gia một trăm dặm đất để thu thuế nạp vào quân phí. Nếu họ chịu thì họ Trí ta được thêm đất, khí thế hùng cường. Bằng không chịu thì Ngài tâu xin nhà vua đem quân trừ diệt. Đó là kế "Muốn ăn quả phải bóc vỏ trước" vậy.

Trí Bá khen hay rồi sai Trí Khai đến Hàn Hổ. Họ Hàn không dám chống cự, sai vẽ địa đồ một trăm dặm đất, ngày hôm sau đem nạp cho Trí Bá. Trí Bá cả mừng bày tiệc thiết đãi.

Rượu được vài tuần Trí Bá sai đem bức tranh vẽ Biện Trang Tử nước Lỗ đâm chết ba con hổ, cho Hàn Hổ xem và nói đùa:

- Tôi thường xem sách, thấy các nước cũng có kẻ trùng tên với ngài. Như Tề có Cao Hổ, Trịnh có Hàn Hổ. Nay Tấn ta lại có ngài là Hàn Hổ.

Lúc bấy giờ có Đoàn Quì là mưu sĩ theo hầu Hàn Hổ, đứng bên cạnh, nghe nói động đến chủ mình, bèn thưa:

- Cứ theo lễ thì không nên động đến tên húy của nhau. Ngày nói đùa chủ tôi như vậy tưởng thất lễ lắm.

Đoàn Quì thân ngũ đoản, đứng cạnh Trí Bá chỉ tới vú. Trí Bá lấy tay vỗ vào trán Đoàn mà nói:

- Thằng bé này biết gì mà xen vào? Liệu có muốn miếng ăn thừa nào chẳng?

Nói xong vỗ tay cười ầm lên. Đoàn Quì đưa mắt nhìn Hàn Hổ. Hàn Hổ giả cách say, nói vài câu rồi cáo từ ra về.

Trí Quốc hay việc ấy liền vào nói cùng Trí Bá:

- Ngài đã đùa Hàn Hổ lại còn khinh bỉ Đoàn Quì, tôi e rằng việc này gieo vào lòng họ mối thù không nhỏ. Xin Ngài phải đề phòng. Trí Bá trợn mắt nói:

- Tôi không hại người ta thì thôi, chứ người ta làm sao hại tôi nổi.

Trí Khai thưa:

- Loài ong, loài kiến còn hại được người, huống chi là bọn quân tướng. Ngài không phòng bị, e rồi hối không kịp.

Trí Bá cười, nói:

- Ta bắt chước Biện Trang Tử, một tay đâm chết ba con hổ. Lo gì những giống ong kiến.

Ngày hôm sau Trí Bá lại sai người sang đòi cắt đất của Ngụy Câu. Ngụy Câu nghe lời mưu sĩ, đem một trăm dặm đất nộp cho Trí Bá. Trí Bá lại cho người sang họ Triệu đòi nạp đất. Triệu Vô Tuất nổi giận nói:

- Đất phong là của tiền nhân ta để lại, ta há chịu đem nạp cho ai. Họ Ngụy và Hàn có đất thì cứ nạp, ta nhất quyết không theo thói du mị ấy.

Trí Bá rất giận, sai người đến ước với họ Hàn họ Ngụy, hẹn hễ thắng được Triệu Vô Tuất thì đem đất họ Triệu chia làm ba. Hàn Hổ và Ngụy Câu vì sợ thế lực của Trí, lại ham đất đai họ Triệu, nên đem quân theo Trí Bá đi đánh Triệu Vô Tuất.

Vô Tuất liệu không thể chống nổi với quân ba họ, bèn bỏ Triệu phủ sang thành Tấn Dương cố thủ. Quân ba nhà vây thành đến một năm mà không hạ nổi. Sau dùng đến kế đem nước sông vào thành làm ngập hết nhà cửa. Triệu Vô Tuất hoảng sợ. Mưu sĩ là Trương Mạnh Đàm dùng kế ra thuyết phục họ Ngụy và Hàn phản lại Trí Bá. Mạnh Đàm nói:

- Hàn và Ngụy giúp họ Trí là mong giết được họ Triệu để chia đất. Hai ngài quả chưa kịp nghĩ. Đất của tiên nhân mà họ Trí còn bắt hai ngài nạp, hưởng hồ đất của người khác. Sau này trừ xong họ Triệu, tôi e các ngài đã không chia được đất họ Triệu mà còn mất luôn đất của mình nữa. Nay đất họ Trí nhiều hơn đất họ Triệu, nếu Hàn và Ngụy muốn chia đất thì nên quay lại cùng chủ tôi diệt họ Trí. Đang lúc nguy ngập mà được Hàn Ngụy giúp sức, chủ tôi không lẽ nào phụ ơn.

Hàn Hồ chưa quyết, bàn cùng Đoàn Quì. Nhân trước kia bị Trí Bá làm nhục oán hận chưa nguôi, nay nghe chuyện phản họ Trí, Đoàn Quì liền tán thành ngay. Hàn Hồ đến tham nghị cùng Ngụy Câu. Ngụy Câu cùng Ngưư Thần bàn tính mấy hôm rồi mới cùng Hàn Hồ và Trương Mạnh Đàm uống máu ăn thề, hẹn nửa đêm hôm sau ở ngoài phá đê cho nước rút lui. Ở trong quân Triệu kéo ra để cùng bắt Trí Bá.

Đúng hẹn, Ngụy Câu và Hàn Hồ mật sai người giết chết quân giữ đê, khai cừ cho nước chảy về phía dinh trại của Trí Bá đóng. Trí Bá không đề phòng, bị nước ngập thành linh, quân sĩ chết vô số. Biết họ Ngụy họ Hàn phản mình, Trí Bá ngửa mặt lên trời than:

- Ôi! Bởi ta không nghe Hi Tỳ nên mới đến nỗi này!

Hi Tỳ đoán biết thế nào Hàn Ngụy cũng làm phản, nên đã nhiều lần khuyên Trí Bá phải đề phòng. Trí Bá không chịu nghe lời. Hi Tỳ bèn bỏ đi để khỏi mang họa. Lúc bấy giờ chỉ còn Trí Quốc và Dự Nhượng ở bên cạnh Trí Bá. Dự Nhượng liều thân cự địch để cho Trí Quốc bơi thuyền đưa Trí Bá đi trốn. Chẳng ngờ Trương Mạnh Đạt biết trước chận đánh, Trí Quốc không địch nổi bị chết và Trí Bá bị bắt sống.

Dự Nhượng nghe tin, bỏ trốn vào Thạch Thất Sơn.

Trương Mạnh đem Trí Bá nạp cho Triệu Vô Tuất. Vô Tuất kể tội rồi đem giết.

Để tru diệt tộc đảng họ Trí, và để lấy đất đai của họ Trí chia cho nhau, Vô Tuất cùng họ Ngụy Hàn vu cho Trí Bá phản quốc. Nhưng vẫn chưa đã giận, Vô Tuất còn đem đầu lâu của Trí Bá dùng làm đồ đi tiểu.

Dự Nhượng ở Thạch Thất Sơn hay được việc ấy, khóc lớn có than rằng:

- Ta chịu ơn họ Trí rất nặng. Nay họ Trí đã bị diệt mà còn bị người ta làm nhục đến năm xương tàn. Như thế ta còn mặt mũi nào sống nữa!

Đoạn đổi tên họ, giả kẻ làm thuê, giắt dao nhọn vào dinh họ Triệu, chực ám sát Vô Tuất. Chẳng may việc bại lộ, Dự Nhượng bị bắt. Vô Tuất hỏi:

- Ta không có thù gì với nhà ngươi. Cớ gì nhà ngươi lại mong làm hại ta?

Dự Nhượng khẳng khái đáp:

- Ta là bề tôi của Trí Bá. Vì họ Trí báo thù.

Vô Tuất tự nghĩ:

- Họ Trí đã bị diệt, thế mà Dự Nhượng vẫn nhớ ơn không bỏ. Kẻ trung nghĩa ấy, ta nữ nào giết đi.

Bèn tha Dự Nhượng.

Dự Nhượng ra về, lo việc trả thù nữa. Sợ người biết mặt khó hành động, họ Dự xén râu, cạo chân mày và sơn mình, giả làm kẻ hủi, đi ăn xin ngoài chợ. Người vợ đi tìm chồng nghe tiếng, mừng rỡ chạy lại, nhưng ngờ ngác, lấm bầm:

- Lạ thật, rõ là tiếng chồng ta, nhưng sao hình dung lại khác đến thế?

Thấy vợ nhận biết được tiếng, Dự Nhượng bèn nuốt than hồng cho khản giọng, rồi luẩn quẩn ăn xin ở Tấn Dương để đợi thời.

Một hôm dò biết Vô Tuấn sắp đến xem chiếc Xích Kiều mới bắt xong, Dự Nhượng bèn giắt dao lén đến núp dưới gầm cầu, đợi Vô Tuấn. Vô Tuấn vừa tới đầu cầu thì con ngựa kéo xe bỗng hí lên một tiếng rồi thối lui. Ai nấy đều lấy làm lạ. Vô Tuấn xuống xe bảo lục xem có vật gì làm cho ngựa sợ. Kẻ tùy tùng tìm kiếm khắp nơi rồi về thưa

rằng chỉ thấy một tên hủi nằm dưới gầm cầu. Vô Tuấn bảo dẫn đến xem, thì tuy hình dung đổi khác, vẫn nhận ra được Dự Nhượng, bèn mắng rằng:

- Khi trước nhà người thờ họ Phạm. Họ Phạm bị họ Trí diệt, nhà người tham sống theo thờ Trí Bá. nay họ Trí bị diệt, người lại cố ý báo thù là nghĩa làm sao?

Dự Nhượng đáp:

- Khi trước ta thờ Phạm thị, Phạm thị đãi ta là chúng nhân, nên ta lấy lòng chúng nhân xử lại. Nay ta thờ Trí Bá, Trí Bá nhường cơm sẻ áo cho ta, đãi ta là quốc sĩ, nên ta cũng lấy lòng quốc sĩ mà xử lại. Hai bên khác nhau, so sánh thế nào được?

Vô Tuấn nói:

- Lòng nhà người như sắt đá, không thể lay chuyển. Ta không thể tha nhà người được nữa. Nhưng ta cho nhà người được quyền xử lấy.

Dự Nhượng ứa nước mắt nói:

- Ngài tha cho một cũng đã quá lắm rồi. Tôi nghe kẻ trung thần không sợ chết, bậc minh chủ không bỏ điều nghĩa. Tôi hai lần báo thù cho chủ mà không được, lòng uất ức không bao giờ tan. Nếu ngài có nhân, xin cởi áo cho tôi đánh vào đó mấy cái, gọi chút nghĩa báo thù, thì chết cũng hả dạ.

Vô Tuấn thương lòng nghĩa khí, liền cởi áo bào trao cho. Dự Nhượng cầm kiếm, trừng mắt nhìn vào chiếc áo như nhìn vào kẻ thù, rồi chuyển thần lực đánh vào áo ba lần, vừa đánh vừa hét. Đoạn trở gươm đâm vào cổ mà chết, Từ xưa đến nay ai cũng khen Dự Nhượng là người có đại nghĩa.

Mà Dự Nhượng hết lòng với Trí Bá vì cảm ơn tri ngộ. Còn Trí Bá bị Hàn Hổ và Ngụy Câu phản vì thất lễ và vì lợi. Cho nên cách đãi ngộ là một yếu tố cần thiết và quan trọng nhất trong việc thu phục và củng cố nhân tâm.

XÉT NGƯỜI



ùng một việc làm như nhau mà động cơ và mục đích khác hẳn nhau. Như việc giết con của Thạch Thác, việc chặt chân của Dục Quyền mà chúng ta đã kể cho nhau nghe kỳ trước, và việc làm thịt con của Dịch Nha, việc tự hiến mình của Thụ Điêu, mà tôi xin

kể sau đây:

Thụ Điêu là đầy tớ yêu của Tề Hoàn Công.

Vua Tề giao quyền chính cho Quản Trọng, ngày ngày ở trong cung mà vui cùng các cung phi. Để có thể vào nơi cung cấm đặng gần vua, Thụ Điêu tự hiến mình rồi xin vào cung hầu hạ. Tề Hoàn Công thương tình, cho hầu cận một bên.

Lúc bấy giờ trong cung lại có một tên đầu bếp nấu ăn rất khéo tên là Dịch Nha.

Dịch Nha tìm cách làm thân cùng Thụ Điêu và nhờ tiến cử. Thụ Điêu tâu cùng Tề Hoàn Công. Hoàn Công cho gọi đến, hỏi:

- Người có phải là kẻ nấu ăn khéo chăng?

Dịch Nha tâu:

- Tài ấy không ai sánh kịp.

Hoàn Công nói đùa:

- Các giống điều, thú, trùng, ngư, ta đã dùng đủ. Chỉ có thịt người ta chưa biết vị mà thôi.

Dịch Nha lui ra. Đến bữa trưa đem vào dâng một mâm thịt chín, mềm như thật dê non, mùi thơm ngát mũi.

Hoàn Công ăn xong, hỏi:

- Thịt gì mà ngon thế?

Dịch Nha tâu:

- Đó là thịt người.

Hoàn Công thất kinh, hỏi:

- Nhà người lấy ở đâu?

Dịch Nha tâu:

- Trộm nghĩ đã trung với vua thì không kể gì tình nhà. Tôi có đứa con trai lên ba. Tôi đã làm thịt dâng cho Chúa Công nếm cho biết vị.

Tề Hoàn Công cho rằng Dịch Nha có lòng trung nghĩa, nên từ đó có lòng yêu quý như Thụ Điêu.

Thụ Điêu và Dịch Nha không ưa Quản Trọng, nên khi được vua tin dùng liền tâu:

- Chúng tôi thiết tưởng quyền của bề tôi có hạn. Nay mỗi mỗi Chúa Công đều giao cho Quản Trọng, tựa hồ như nước Tề không còn có vua.

Tề Hoàn Công vừa cười vừa đáp:

- Ta đối với Quản Trọng chẳng khác thân thể và tay chân. Nếu tay chân mất thì thân thể bị tàn phế, hỏi còn dùng được việc gì? Chúng bay là tiểu nhân biết chi mà nói.

Thụ Điêu và Dịch Nha không dám nói nữa.

Còn Quản Trọng từ ngày binh chánh đã làm cho nước Tề mỗi ngày mỗi thêm cường thịnh. Quản Trọng vẫn biết Thụ Điêu và Dịch Nha giết con và thiến mình, không phải vì lòng trung nghĩa, mà chỉ muốn được gần vua để mưu cầu lợi riêng, vẫn biết là hai tên gian thần nguy hiểm, nhưng không hề đả động tới. Đến khi Quản Trọng lâm bệnh nặng, Tề Hoàn Công đến thăm, cầm tay hỏi:

- Trọng phụ bệnh nặng lắm, bất hạnh có điều gì, ta biết tin cậy vào ai?

Quản Trọng tiến cử Thấp Bằng. Hoàn Công hỏi đến bọn Dịch Nha, Thụ Điêu, Quản Trọng đáp:

- Chúa Công không hỏi, tôi cũng sắp nói: Bọn người ấy, Chúa Công không nên gần.

Hoàn Công nói:

- Dịch Nha làm thịt con đem dâng cho ta ăn, quý trọng ta như thế còn nghi gì nữa?

Quản Trọng thưa:

- Trời đã sanh ra loài người không gì quý hơn tình máu mủ. Nếu tình máu mủ mà nở dút bỏ, thì con người ấy không thể thương ai đâu.

Hoàn Công lại nói:

- Thụ Điêu tự thiến mình để được gần gũi ta, ta tưởng tình quyến luyến ấy không còn gì phải nghi ngờ?

Quản Trọng thưa:

- Không thể quý trọng người khác hơn cơ thể mình. Cơ thể mà còn chưa quý, thì kẻ ấy còn quý ai.

Ngoài Thụ Điêu và Dịch Nha ra, Hoàn Công còn một kẻ thân yêu nữa là Khai Phương. Hoàn Công hỏi Quản Trọng:

- Khai Phương bỏ ngôi nước Vệ, theo hầu ta. Khi cha mẹ chết cũng không về chịu tang. Như thế là Khai Phương đã yêu ta hơn cha mẹ, còn nghi gì nữa?

Quản Trọng thưa:

- Cha mẹ mà bỏ để theo hầu người khác, kẻ ấy là một người ham danh lợi hơn tình thâm. Thêm nữa Khai Phương đương ở ngôi Thái Tử mà bỏ đi, là ý muốn có một

địa vị cao hơn, chớ có phải vì yêu Chúa Công đâu. Xin Chúa Công chớ tin cậy.

Tề Hoàn Công đáp:

- Ba người ấy theo hầu ta đã lâu, sao đến bây giờ Trọng Phụ mới nói?

Quản Trọng đáp:

- Tôi không nói ra là vì tôi đủ sức chế ngự những kẻ gia nịnh. Nay tôi chết đi, cũng như bờ đê bị vỡ, nếu Chúa Công dùng họ sẽ bị họ lung lạc, gây tai biến cho quốc gia.

Tề Hoàn Công thở dài rồi cáo biệt.

Không bao lâu, Quản Trọng chết. Tề Hoàn Công theo lời trối của Quản Trọng giao việc triều chính cho Thấp Bằng, nhưng chưa được một tháng thì Thấp Bằng cũng chết! Tề Hoàn Công cậy Bảo Thúc Nha thay Thấp Bằng. Thúc Nha từ chối. Hoàn Công nói:

- Nếu khanh từ chối thì ta biết ủy thác việc nước cho ai?

Thúc Nha tâu:

- Tôi vốn là người không ưa kẻ nịnh, chắc Chúa Công cũng biết. Nếu dùng tôi, xin Chúa Công đuổi Dịch Nha, Thụ Điêu và Khai Phương đi đã.

Hoàn Công nói:

- Trước kia Trọng Phụ cũng có ý đó. Nay ta xin theo.

Nội ngày hôm ấy nhà vua ra lệnh đuổi Dịch Nha, Thụ Điêu và Khai Phương, cấm không cho vào triều nữa. Thúc Nha bèn nhận lãnh chức Tế Tướng. Trong nước được yên.

Nhưng từ khi đuổi bọn Dịch Nha đi rồi, Tề Hoàn Công mất vui, lúc nào cũng có vẻ tư lự. Người ái phi là Trưởng Vệ Cơ khuyên nhà vua triệu bọn Dịch Nha về. Hoàn Công nói:

- Thiệt ta cũng nhớ họ lắm, nhưng triệu về sợ trái ý Bảo Thúc Nha.

Vệ Cơ đáp:

- Thúc Nha đâu dám trái ý Chúa Công. Chúa Công đã già rồi, lẽ nào chịu buồn vậy mãi sao?

Hoàn Công nghe lời triệu bọn Dịch Nha về, giao coi việc ngự thiện. Bảo Thúc Nha vội can:

- Chúa Công đã quên lời trời của Trọng Phụ rồi sao?

Hoàn Công đáp:

- Ba người ấy có ích cho ta, mà chẳng có hại cho Quốc Gia. Lời Trọng Phụ nghiêm khắc quá!

Thúc Nha can ngăn không được, uất ức, lâm bệnh từ trần!

Bọn Thụ Điều không còn kiên nhẫn ai nữa, thông đồng với nhau tính việc chuyên quyền.

Trưởng Vệ Cơ âm mưu cùng bọn chúng để lập con mình là Công tử Vô Khuy lên làm Thế Tử. Nhưng Tể Hoàn Công đã lập công tử Chiêu là con một người vợ khác rồi, nên bọn chúng luôn tìm cách hãm hại công tử Chiêu.

Tể Hoàn Công bỗng lâm bệnh nặng, các ngự y điều không chữa khỏi. Bọn Thụ Điều bèn bàn với nhau cấm không cho bất cứ người nào, trừ Trưởng Vệ Cơ và công tử Vô Khuy, vào trong cung và đuổi cả thị vệ ra ngoài. Chúng còn đắp một bức tường cao ba trượng chung quanh giường bệnh của Tể Hoàn Công và nghiêm cấm không cho người dòm ngó. Tể Hoàn Công nằm thêm thiếp ít lâu rồi băng. Chúng không cho phát tang, ngầm đem binh giết công tử Chiêu rồi tôn công tử Vô Khuy lên kế vị. Các triều thần không chịu, các công tử khác con Hoàn Công không chịu nhượng, nhất định buộc phải chia nước Tề.

Anh em tranh chấp nhau lâu ngày khiến thi thể Hoàn Công bị bỏ sinh, mùa hôi thúi nực cả cung! Rồi từ đó nước Tề bị loạn và lần lần đi đến chỗ diệt vong.

Đó chỉ vì Hoàn Công không nghe lời Quản Trọng và Bảo Thúc Nha, đã tin dùng bọn nịnh.

Không nên vội trách Tề Hoàn Công.

Trong thời phong kiến, thử xét xem từ nghìn xưa đã được mấy ông vua không ưa kẻ nịnh?

Huống nữa nịnh khéo thì có khác gì trung. Và thánh hiền dạy rằng: "Xét người không nên ở lời nói, mà phải xét ở việc làm". Những việc làm của Dịch Nha, Thu Điều có khác gì việc làm của Thạch Thác, Dục Quyền? Chính Tề Hoàn Công đã dựa vào việc làm của Dịch Nha, Thu Điều... mà tin rằng chúng yêu mình chân thật.

Xem chuyện Tề Hoàn Công lại có người bảo:

- Muốn biết rõ được lòng người thì không nên căn cứ vào hàng động mà nên xét kỹ động cơ thúc đẩy họ hành động, nghĩa là nên xét kỹ coi họ hành động như thế có mục đích gì.

Nói thế đúng lắm, nhưng nếu Hoàn Công không đòi bọn Dịch Nha, Thu Điều... trở vào lại để chúng có cơ hội làm loạn quốc chính, thì ai đã dám quả quyết rằng chúng không thật bụng yêu Hoàn Công?

Cho nên biết người, nhất là những người đại gian đại ác, không phải là việc dễ. Nếu không có con mắt sáng suốt, tấm lòng sáng suốt thì thế nào cũng phải lầm. Đến như Khổng Minh mà còn lầm Mã Tắc huống hồ những người trí não kém cỏi như phần đông chúng mình. Bởi vậy phải cẩn thận cho lắm mới được

VÌ NGHĨA CÔNG QUÊN THÙ RIÊNG

Người trong thế gian, trừ bậc thánh hiền, trừ bậc chân tu, phần đông có mối thù trong lòng, không nhiều thì ít. Chỉ khác nhau ở điểm là thù bộc lộ hay thù ngấm ngấm, và lòng bôn bực trả hay thông thả trả... đó thôi. Và kẻ tiểu nhân thì vì thù riêng mà bỏ nghĩa công, còn người quân tử vì nghĩa công quên thù riêng.

Vì thù riêng quên nghĩa công thì như Cự Đà nước ta, Dương Châu nước Tàu đã kể kỳ trước.

Vì nghĩa công quên thù riêng thù như Lạn Tương Như thời Đông Châu Liệt Quốc.

Lạn Tương Như là một xá nhân của viên hoạn gia quan nước Triệu tên Mục Hiển. Vua Triệu có viên ngọc dạ quang để ở chỗ tối, tự nhiên phát ánh sáng thay thế được đèn, để bên chỗ nằm ngồi, mùa đông có thể thay lò sưởi, mùa hè có thể thay quạt, trong vòng năm bước, ruồi nhặng không dám đậu gần. Vua Tần nghe tiếng, muốn đoạt, bèn lập kế, viết thư sang Triệu, yêu cầu mang ngọc đến sẽ đổi cho mười lăm thành liền ở đất Tây Dương.

Vua Triệu biết rằng đem ngọc sang Tần thì ngọc mất mà thành cũng chẳng được, nhưng không đem ngọc sang thì tại sợ Tần gây hấn. Vua tôi còn đang bối rối thì Mục Hiển giới thiệu Lạn Tương Như là người đã có sức mạnh mà còn đa mưu túc trí. Vua liền đòi Tương Như đến vấn kế. Tương Như đem ngọc sang Tần, nếu được thành thì giao ngọc, bằng không thì nguyện bảo vệ viên ngọc cho đến cùng.

Vua Triệu mừng rỡ, phong Trương Như làm đại phu mang ngọc sang Tần.

Sang Tần, Trương Như dùng mưu đem được ngọc trở về Triệu mà vua Tần sợ tiếng bất nghĩa đành phải dẹp lòng tham.

Vua Triệu cả mừng, phong Trương Như làm Thượng Đại Phu.

Sau đó vua Tần vời vua Triệu đến hội kiến ở Mãnh Trì. Cũng nhờ Trương Như mà vua Triệu khỏi bị vua Tần làm nhục và vua Tần phải kính nể nước Triệu.

Khi trở về nước, vua Triệu hết lời ban khen và phong Trương Như làm Thượng Tướng.

Đại Tướng Liêm Pha bất bình, hăn học nói cùng kẻ bộ hạ:

- Ta có công to đánh thành cướp đất, còn Lạn Trương Như chỉ lấy chút công ở đầu lưỡi mà thứ vị lại ở trên ta. Huống nữa hăn là một tên xá nhân của kẻ hoạn quan, xuất thân hèn mọn, ta đời nào chịu đứng dưới hăn. Cho nên hễ gặp mặt hăn là ta giết ngay.

Lạn Trương Như nghe những lời ấy, luôn luôn tìm cách tránh mặt Liêm Pha. Những buổi triều đều cáo bệnh, và một hôm ra đường thấy xa giá của Liêm Pha đi đến, Trương Như bảo tên đánh xe tránh vào ngõ hẻm, đợi Liêm Pha qua khỏi mới ra đi. Bọn xá nhân thấy thế tức giận, xúm lại bảo Trương Như:

- Chúng tôi bỏ hàng xóm, xa thân thích đến đây hầu Ngài, coi Ngài là bậc Trượng Phu. Ngày nay Ngài cùng Liêm Pha đồng phò một Vua, ngôi thứ lại ở trên, thế mà bị Liêm Tướng Quân nói một câu hăm dọa, Ngài đã chẳng dám vào triều, lại còn tránh mặt ở nơi đường sá. Tại sao Ngài lại sợ Liêm Pha đến thế? Chúng tôi xấu hổ thay cho Ngài, và hết muốn theo Ngài nữa.

Tương Như buồn bã đáp:

- Ta tránh Liêm Pha đâu phải vì sợ, mà vì một duyên cớ khác, các người chưa hiểu đó thôi.

Bọn xá nhân xin cho biết. Tương Như bèn hỏi:

- Các người xem Liêm tướng quân uy lực có bằng vua Tần không?

Bọn xá nhân đáp:

- Không thể bằng được.

Lạn Tương Như nói tiếp:

- Uy lực của vua Tần, trong thiên hạ không ai dám chống. Thế mà ta dám công nhiên máng vào mặt và làm nhục cả quần thần. Như thế ta lại sợ Liêm Pha hay sao. Nhưng ta nghĩ sở dĩ nước Tần sợ nước Triệu mà không dám xâm phạm là vì Triệu có ta và Liêm Pha. Nếu ta cùng Liêm Pha xung đột lẫn nhau, thì Tần ắt sẽ thừa cơ đánh Triệu vì xem trọng việc nước nên ta xem nhẹ thù riêng.

Bọn xá nhân nghe đều kính phục.

Cách mấy hôm, bọn xá nhân họ Lạn và bọn xá nhân họ Liêm gặp nhau ở quán rượu. Hai bên tranh chỗ ngồi. Xá nhân họ Lạn nói:

- Chủ ta vì nước phải nhường Liêm tướng quân, thì chúng ta cũng vì ý chủ mà nhường khách của họ Liêm vậy.

Liêm Pha được thế càng thêm kiêu ngạo. Trái lại Lạn Tương Như lại càng nhường nhịn thêm. Nhờ vậy mà không xảy ra sự xích mích.

Được ít lâu có người ở Hà Đông tên Ngư Khanh đến chơi nước Triệu, nghe chuyện liền vào yết kiến nhà vua và tâu rõ mọi sự. Vua Triệu thất kinh nhờ Ngư Khanh tìm cách dàn xếp để nối lại mối hoà hảo giữa Lạn - Liêm.

Ngu Khanh đến yết kiến Liêm Pha, trước hết ca tụng công đức của Lão Tướng. Liêm Pha mừng hớn hở. Ngu Khanh tiếp.

- Kể công không ai bằng tướng quân, nhưng nói đến đức không ai bằng Lạn Tương Như.

Liêm Pha cau mày nói:

- Tương Như là kẻ hèn mạt, lấy chót lưỡi lập công nên danh, có gì mà gọi rằng đức?

Ngu Khanh đáp:

- Tương Như đâu phải kẻ hèn nhát. Nếu hèn nhát sao dám đương nhiên mắng vua Tần trước mặt quần thần. Chẳng qua vì nghĩ đến việc lớn mà nhường nhịn tướng quân đó thôi.

Nói đoạn thuật lại những lời Tương Như đã nói cùng bọn xá nhân, và tiếp.

- Nếu tướng quân không đặt mình vào nước Triệu thì thôi. Bằng đặt mình ở nước Triệu, mà hai vị Đại Thần, một nhường nhịn, một kiêu, tôi e tiếng tốt không về tướng quân đó.

Liêm Pha hổ thẹn nói:

- Nếu không có tiên sinh chỉ giáo, thì không bao giờ tôi thấy được điều lỗi của tôi. Tôi thật kém Lạn Tương Như nhiều lắm.

Nói xong, tự cởi trần vai áo, cầm roi đến dinh Tương Như mà tạ tội:

- Bỉ nhân hẹp hòi, không nhận thấy lượng khoan hồng của Tướng Quốc. Dầu chết cũng không xứng tội.

Đoạn quì mọp giữa sân.

Tương Như vội chạy đến đỡ dậy, nói:

- Hai ta chung vai phò xã tắc. Tướng quân hiểu lòng cho như thế cũng là một ân huệ rồi. Xin chớ nên tị hiềm.

Liêm Pha cảm tạ:

- Tôi vốn thô bạo, đội ơn Tướng Quốc bao dung, nghĩ lại lấy làm xấu hổ.

Tương Như nói:

- Không nên nghĩ đến chuyện cũ. Từ nay hai ta nguyện kết tình huynh đệ, dù chết cũng không đổi lòng.

Lượng bao dung của Tương Như thật đáng kính, mà lòng biết hối ngộ của Liêm Pha cũng thật đáng khen. Cả hai đều là bậc quân tử.

Đời nhà Đường cũng có một chuyện tương tự. Đó là chuyện Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật.

Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật cùng làm phó tướng cho An Tử Thuận. Hai bên không ưa nhau. Nhiều khi cùng đi với nhau một xe, ngồi với nhau một tiệc, mà coi nhau như cừu địch, không ai nói với ai nửa lời.

Sau Tử Nghi được lên làm Tướng Quốc thay Tử Thuận. Quang Bật sợ Tử Nghi hại mình, mạnh dạn đến nói:

- Phần tôi dù chết cũng cam, xin đừng hại đến vợ con tôi là kẻ vô tội.

Tử Nghi vội chạy lại cầm tay thưa:

- Tôi đâu dám đem lòng oán hận riêng mà hại ông. Hiện trong nước loạn lạc, Vua lo, tôi nhục, không ông thì ai gánh nổi việc thiên hạ.

Vừa nói vừa khóc. Quang Bật cũng khóc theo. Liền đó Quách Tử Nghi cất Quang Bật lên chức Tiết Độ Sứ, cùng nhau chung lòng giúp nước, yên dân. Người đời khen là Sĩ Quân Tử.

VÌ THÍCH HẠC MÀ BỊ MẤT NƯỚC

Hạc là một giống chim hình dáng thanh nhã, lại múa khéo, hát hay. Vua Ý Công nước Vệ đời Xuân Thu rất ham thích giống chim ấy. Trong cung nuôi hàng nghìn con. Tất cả đều được phong hàm phẩm cấp lương bổng. Những con đẹp nhất được ăn lộc Đại Phu. Những kẻ chăn nuôi được ăn lương rất hậu. Triều đình phải đánh thuế nặng nào dân để đủ tiền cấp dưỡng cho hạc. Và mỗi khi Vệ Công đi chơi thì có đoàn hạc gọi là hạc tướng quân đội bao quanh xe loan.

Ngót chín năm trời ở ngôi, Vệ Ý Công chỉ biết có hạc là quý. Mãi đến khi nước Bắc狄 kéo quân sang xâm lấn bờ cõi, Vệ Ý Công mới thất kinh, hạ lệnh gọi quân đi đánh giặc.

Dân nước Vệ bỏ trốn hết. Ý Công sai quan Tư Đồ đi khắp nơi chỉ độ trăm người, đem về tra hỏi. Dân đáp:

- Chúa Công chỉ dùng một giống vật cũng đủ đẹp được quân Bắc狄, hà tất phải gọi lính làm gì?

Ý Công hỏi giống vật gì, thì dân tâu rằng giống hạc. Ý Công nổi giận quát mắng:

- Hạc làm sao đánh được giặc? Các người sao dám dùng lời khi quân?

Dân vẫn không chút sợ sệt, đáp lại rằng:

- Chim hạc không dám đánh được giặc thì là đồ vô dụng. Thế mà Chúa Công đã ban tước lộc cho giống vô dụng, còn kẻ hữu dụng thì lại bỏ rơi. Như thế bảo sao trong lúc hữu sự dân chúng lại không bỏ trốn?

Ý Công tỉnh ngộ, dịu giọng nói:

- Nay ta biết lỗi. Ta sẽ theo ý dân đuổi hết chim hạc.

Hai vị trung thần là Thạch Kỳ Tử và Ninh Trang Tử tâu xin nhà vua thực hành ngay ý định. Ý Công sai người đánh đuổi hạc đi hết. Nhưng hạc đã quen nơi ăn chốn ở, cứ quanh quẩn không chịu đi khỏi cung. Thạch Kỳ và Ninh Trang phải thân hành ra giữa chợ giáng dụ dân chúng, nói rõ lòng hối hận của Ý Công. Dân chúng mới chịu nhập ngũ. Tuy vậy lòng oán hận vẫn chưa nguôi, nên lúc đi đường ba quân hát những câu thật uất ức.

Hát rằng:

Hỡi hạc! Hỡi hạc!

Lồng son cửa các,

Lộc nước ơn vua.

Ruộng lúa nương dưa

Dân lo cày cấy.

Hạc vui bay nháy,

Xuống ngựa lên xe,

Dân cực trăm bề

Vua nào hay biết!

Đến khi có việc

Lại bắt tòng chinh!

Đi phen này số phận mỏng manh!

Đến khi ra trận, binh Vệ vẫn chưa được tập luyện, phần không có tinh thần chiến đấu, nên bị đại bại. Vệ Ý Công bị chết trong đám loạn quân và nước Vệ bị quân Bắc Dịch tàn phá!

Vệ Ý Công vì hạc mà mất nước, ai nấy đều chê cười. Nhưng một danh Nho đời Tống là Lữ Đông Lai lại luận

rằng:

- Chưa dễ khinh Vệ Ý Công được! Vì người đời mỗi khi thấy đầu đỏ lông trắng, hai chân có sáu cạnh thì gọi là hạc, mà không thấy rằng nhưng kẻ sĩ ham phù hoa, thích phong cách cao đạo, kỳ thật trong trí óc không có gì, thì ngoài mặt hẳn là người mà trong lòng có khác gì giống chim hạc.

Như lúc nước Tề thanh vượng, nhà cao cửa rộng liên tiếp, thì vù vù như ong vỡ, cuồn cuộn như suối chảy, những hạng người đội mũ cao đeo gươm dài, khoát áo rộng thắt đai to, biện bác việc trời, tô điểm hình rồng, chí hướng dường vua Võ vua Thuấn. Nhưng đến khi xảy ra nạn Tề Mân Vương bị rút gân treo nóc nhà, nạn Tề Vương Kiến bị đày ra Cung Thành, bốn bề tòng bá, thì không có một ai ra tay đối phó! Như thế, bọn kia cũng chỉ là một bầy hạc của Vệ Ý Công mà thôi.

Như lúc nhà Hán còn thanh trị, những bậc văn hào chữ đẹp như dấu chân chim, như dấu trùng bò, tự khoe xuất chúng, ngày nào cũng tụ họp đông đầy, người nào cũng được ban tước phong quan, uy nghi, hiển hách, Ai cũng tưởng họ giúp nhà vua mưu cao kế sâu. Nào ngờ khi có giặc Huỳnh Cân, thiên hạ chấn động, lại không có một người dâng được một kế hoạch, không thấy một người hăm hở xông ra trước mũi gươm! Như thế, bọn kia cũng chỉ là một bầy hạc của Vệ Ý Công mà thôi.

Như niên hiệu Vĩnh Gia đời Tấn, trong chốn Triều đình đầy rẫy những hạng người miệng lưỡi như suối chảy, ngày ngày uống rượu ngâm thơ, vui ngắm cảnh vật, tâm trí như đã thoát ra ngoài trần tục, phong độ dường ánh ngọc bích ngọc trai. Nhưng đến khi gặp phải nạn Ngũ Hồ thì lại để cho dân chúng lâm vào cảnh thịt bằm trên thớt! Như

thế, bọn kia cũng chỉ là một bầy hạc của Vệ Ý Công mà thôi.

Như trong niên hiệu Phổ Thông (đời Lương), những hạng người buổi sớm cầu Kinh Phật, buổi tối giảng Đạo Lão, dân chúng ngồi chung quanh nghe bác bỏ nhau, vắn nạn nhau, gây thành phong tục một nước. Rồi ngày kia, bị Hầu Cảnh dẫn binh hãm tại Đài Thành, các sĩ phu trong triều đeo thối kiêu căng quen thân biếng nhác, không biết cầm gươm cưỡi ngựa, đành phải bó tay chịu chết. Như thế, bọn kia cũng chỉ là một bầy hạc của Vệ Ý Công mà thôi.

Xem qua vài nước và xét đến những nhân vật ngày thường được tin dùng, thì nhận thấy lời lẽ của họ, dung nghi của họ trong khi luận bàn hay thu tiếp, kể cũng đáng khen đáng mến lắm. Nhưng đến khi có quốc nạn, họ lại sững sốt kinh hoàng, thì thử hỏi bọn ấy có hơn bầy hạc của Vệ Ý Công là bao nhiêu? Vậy tại sao dám khinh dễ Ý Công của nước Vệ?

Bị đem ra dùng không phải là kẻ được nuôi dưỡng hàng ngày, kẻ được nuôi dưỡng hàng ngày lại không đem ra dùng! Cho người thân được nương vào chốn an ninh, buộc kẻ sơ ra nơi nguy hiểm. Cho người trên được hưởng lợi, ép kẻ dưới phải chịu hại! Làm như thế có khi nào lại tránh được mối họa của Vệ Ý Công.

Lại nghĩ rằng:

Hạc là giống chim được ghi nơi Kinh Dịch, được truyền trong Kinh Thi, được tao nhân mặc khách quý mến, thế là không phải giống chim thường. Vậy mà khi Ý Công chở trên xe dành riêng cho các quan đại phu, thì dân trong nước trở ghét hạc như điều hâu, kê, ó. Đó đâu phải là lòng thương ghét trên dưới khác nhau, mà chỉ vì tội ở không đúng địa vị.

Kìa hạc là giống chim xưa nay được quý trọng mà khi ở sai địa vị còn bị ghét dường ấy, huống hồ lũ chim khác mà đặt sai địa vị thì bị thù ghét đến ngần nào?

Đó là lời trích dịch ở sách Đông Lai Bác Nghị. Lời lẽ vừa vững chắc sâu sắc và tuy là văn nghị luận song vẫn có tiếng đàn ở ngoài dây tơ, Thật là ý vị.

Và đó là chuyện bên Tàu.

Bên ta cũng có một chuyện không kém phần "ngộ nghĩnh". Rằng:

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh, ở Hà Đông có một vị quốc cữu ý thể lộng hành. Quốc cữu có nuôi một con hạc, cổ đeo bài ngà khắc chữ: "Ai đánh chết phải thương mạng". Nhân dân địa phương bị hạc quấy nhiễu, đành bóp bụng thở than.

Cầm cân công lý ở Hà Đông lúc bấy giờ là quan án họ Cao. Quan rất bất bình, nhưng vì phận thấp thế yếu, đành phải nhịn nhục chờ thời cơ.

Một hôm hạc đến phá một trại kia, bị bầy chó săn cắn chết. Chủ trại sợ quá đến lạy quốc cữu, xin đem hết tài sản để bồi thường. Nhưng quốc cữu nhất định không chịu, ra lệnh cho quan án bắt giam người chủ trại để hành hình. Quan án bắt người chủ trại và bầy chó săn giam chung một chỗ. Nhân dân rất phẫn uất, và ai nấy cũng đều đợi ngày đưa ma. Nhưng suốt mấy hôm không thấy quan án xét xử, Quốc cữu cho người đến giục. Quan xin thêm vài hôm để thảo bản án cho được chết lý. Trong lúc ấy quan lén cho gia quyến về Thăng Long, và thuê một chiếc thuyền con chực sẵn nơi bến vắng. Đoạn cho dẫn người chủ trại cùng bầy chó đến công đường và cho thỉnh Quốc cữu sang. Sau khi hỏi cung theo thường lệ, quan tuyên quán:

Hạc chi bội bài
Khuyến bất thức tự.
Cầm thú tương thương,
Ư nhân hà dự?

Nghĩa là:

Hạc tuy đeo bài,
Chó không biết chữ.

Cầm thú hại nhau

Việc chi người dự

Rồi tha bổng người chủ trại và bày chó săn.

Quốc Cữu tức quá, về điểm binh sang vây bắt quan án, thì quan án đã trốn xuống thuyền đi thẳng về Kinh Đô, đem mọi việc tâu lên vua. Vua giáng chỉ hạ ngục Quốc Cữu và cho quan án trở về nhiệm sở cũ. Ai nấy đều mừng.

Câu chuyện hạc Tàu và hạc Ta, " tướng " tuy có phần khác, song " tánh " và " dụng " vẫn như nhau. Và cả hai đều có " ý tại ngôn ngoại ", phải ngẫm nghĩ mới hưởng trọn cái hay.

THUẬT LÃNH ĐẠO



Ưa nay các bậc tài trí muốn chung sức lại với nhau để làm việc lớn trong thiên hạ, thì trước hết phải tìm người lãnh đạo.

Người lãnh đạo, tài trí nếu tuyệt luân thì đức hạnh toàn vẹn, và phải biết nghe lời phải, theo kế hay, thấy rõ người, dùng đúng chỗ. Bốn điều đó, cổ nhân gọi trong tám chữ là "ngôn thích, kế tòng, tri nhân, thiện dụng".

Thuật Lãnh đạo chỉ có tám chữ ấy. Hễ áp dụng triệt để thì thành công.

Như Tể Hoàn Công biết rõ tài trí của Quản Di Ngô mà dùng làm tướng quốc, nghìn lời đều theo, nên dựng nên nghiệp Bá.

Quản Di Ngô thường gọi là Quản Trọng, có người tiểu thiếp tên Tĩnh Nương, vừa thông minh vừa uyên bác. Vì vậy Quản Trọng đi đâu cũng đều đem nàng theo.

Một hôm, Quản Trọng kéo quân đến núi Diêu Sơn thì gặp một người chăn trâu, mặc áo cộc, đội nón rách, vừa gõ sừng trâu vừa ca. Nghe tiếng ca, Quản Trọng biết không phải kẻ tầm thường, bèn khiến quân sĩ đem rượu thịt đến đãi. Người chăn trâu ăn xong nói.

- Tôi muốn được yết kiến quan Tể Tướng.

Quân sĩ đáp:

- Xe quan Tể Tướng đi đã xa rồi. Vậy cứ ăn cho no, cần chi phải gặp mặt.

Người chăn trâu nói:

- Tôi có một lời muốn thưa.

Quân sĩ nói:

- Lời gì? Nếu chỉ nói một lời thì bọn ta giúp cho cũng được.

Người chặn trâu bèn đọc:

- Hạo hạo bạch thủy.

Quân sĩ đem lời ấy trình lên. Quản Trọng không hiểu ý nghĩa, bèn hỏi Tĩnh Nương. Nàng đáp:

- Thiếp có nghe một bài cổ thi rằng:

Hạo Hạo bạch thủy,

Đẳng đẳng chi ngư.

Quân lai triệu ngã,

Ngã tương an cư.

Nghĩa là:

Nước trong ngời ngời,

Cá lội thành thơ.

Người đến đón rước,

Ta về cùng người.

Ý chừng người ấy muốn ra làm quan.

Quản Trọng khiến xe dừng lại, sai người đến vờ người chặn trâu. Người chặn trâu đến cúi đầu thi lễ, chứ không lay. Quản Trọng hỏi tông tích. Người chặn trâu đáp:

- Tôi là Nịnh Thích, người nước Vệ. Được nghe Tướng Quốc là kẻ ưa hiền, chuộng sĩ, nên tìm qua nước Tề để tiến thân. Ngặt không có người tiến dẫn, nên phải tạm chẵn trâu cho người mà sống.

Quản Trọng thử thách để xem trình độ học vấn, Nịnh Thích ứng đáp như lưu. Quản Trọng rất mừng, nói:

- Kẻ hào kiệt lúc chưa gặp vận cũng khó thi thố tài năng. Đại binh của Chúa Công cũng sắp đến. Ta viết cho nhà người một phong thư, mà người an lòng ở đây mà chờ. Lúc Chúa Công đến, hãy xin yết kiến mà dâng thư, ắt được trọng dụng.

Nói rồi viết thư trao cho Nịnh Thích.

Nịnh Thích nhận thư ở lại Diêu Sơn chẵn trâu như cũ.

Ba hôm sao đại binh Tề Hoàn Công kéo đến. Nịnh Thích cũng gõ sừng trâu ca hát vang lừng. Trong câu hát có ý chê bai thiên hạ không có minh quân, hiền sĩ. Hoàn Công nghe ca, lấy làm lạ, kêu lại hỏi tên họ, quê quán. Nịnh Thích tâu:

- Tôi người nước Vệ, lưu lạc đến đây.

Nhà vua mắng:

- Người là một đứa chẵn trâu, sao dám chê bai thiên hạ?

Nịnh Thích đáp:

- Tôi đâu dám chê bai. Tôi chỉ tiếc rằng đời nay không có người hiền.

Hoàn Công hỏi:

- Sao người dám nói rằng: "Đời thiếu minh quân", trong lúc Thiên Tử nhà Châu đương trị vì thiên hạ, còn ta làm vua một nước chư hầu cường thịnh, trên phục tùng Thiên tử, dưới chế ngự chư hầu, đem lại thái bình cho thiên hạ?

Nịnh Thích đáp:

- Một minh quân tất phải biết mình biết người, rõ được thời bình, thấy được lúc biến, đem ân đức rải khắp nhân gian, lấy lòng nhân mà trị thiên hạ. Như nhà Châu hiện nay, vận nước mỗi lúc một suy, trong thì dân tình không phục, ngoài thì chư hầu không tuân, tài trị nước không có, sao gọi là minh quân? Đến như Chúa Công giết anh ruột mình mà cướp ngôi, mượn uy thiên tử để chế ngự chư hầu, nhưng chư hầu đều không phục. Như vậy sao gọi là cường thịnh?

Tề Hoàn Công nổi giận mắng lớn:

- Đứa thất phu, sao dám nói càn?

Liên hô kẻ tả hữu bắt đem chém.

Nịnh Thích không chút sợ hãi, ngược mặt lên trời than:

- Ngày xưa vua Kiệt giết Long Bàng, vua Trụ giết Tỷ can, nay tôi cùng hai ông ấy chết, kể là ba người.

Thấp Bạng vội đến tâu cùng Hoàn Công:

- Người ấy, lời nói không dua mị, lòng không sợ uy vũ, chắc không phải kẻ tầm thường. Xin Chúa Công chớ nên giết.

Tề Hoàn Công sức nghĩ lại, cơn giận liền nguôi, bước tới mở trói cho Nịnh Thích, và nói:

- Ta thử nhà ngươi đó thôi. Nhà ngươi quả là người có khí phách.

Nịnh Thích thò tay vào túi lấy phong thư của Quản Trọng dâng cho Tề Hoàn Công. Nhà vua tiếp thư đọc, rồi nói:

- Nhà ngươi đã có bức thư củ Trọng Phụ, sao không tâu trình cho sớm?

Nịnh Thích đáp:

- Tôi nghe nói vua hiền chọn người ngay, tôi trung chọn chúa có đức. Nếu Chúa Công ghét người thẳng, ưa kẻ nịnh, thì thà tôi chịu chết còn hơn đưa thư để được tận dụng.

Hoàn Công rất đẹp lòng, truyền ngõ vào cỗ xe theo sau. Và đêm hôm đó đóng quân lại nghỉ, sai thắp đuốc, tìm mũ áo để phong chức tước cho Nịnh Thích. Tên gian thần là Thụ Điều tâu:

- Từ đây đến nước Vệ không xa. Xin Chúa Công đợi tới đó hỏi xem Nịnh Thích có phải thật là người hiền không đã rồi sẽ phong cũng không muộn gì.

Hoàn Công nói:

- Đã nghỉ thì không nên dùng, mà đã dùng thì đừng nên nghỉ. Giả sử trước kia Nịnh Thích có một vài lỗi nhỏ đi nữa, nay ta cũng không nên vì lỗi nhỏ mà bỏ phí một nhân tài.

Nói xong, ngay đêm ấy, phong Nịnh Thích làm quan Đại Phu, lại khiến cùng Quản Trọng coi việc quốc chính.

Nhờ có Nịnh Thích phụ tá Quản Trọng mà nước Tề mỗi ngày một thêm thịnh vượng và ngôi bá chủ của Tề Hoàn Công thêm vững bền.

Nhưng đến lúc trở về già. Tề Hoàn Công không còn được sáng suốt. Không chịu nghe theo lời trời của Quản Trọng, không chịu nghe theo lời can gián của Bảo Thúc Nha, nhà vua đã tin dùng hai tên nịnh thần là Thụ Điều và Dịch Nha, đến nỗi quốc chính loạn, nhà vua bị chết sinh ở trong một xó tối và nước Tề đi lần lần đến chỗ diệt vong!

Cũng thì một người, mà trước biết xét người, biết dùng người đúng chỗ, biết nghe lời phải, biết theo kế hay, lập nên bá nghiệp; sau vì không biết dùng người, không biết

nghe lời phải, mà chẳng những làm hại cho bản thân, còn để lụy cho Tổ Quốc.

Chẳng riêng gì một mình Tề Hoàn Công.

Trong sử sách còn để lại nhiều tấm gương đáng soi. Ví dụ gương Lưu Bang và Hạng Võ.

Nếu đem so tài so sức, thì Hạng Võ nghìn muôn lần vượt hẳn Lưu Bang. Thế mà Lưu Bang lại thắng Hạng Võ chỉ vì một bên tự cho mình là thần thánh, coi khinh cả mọi người, chê Hàn Tín là kẻ luồn trôn, không chịu nghe lời phải của Phạm Tăng chỉ thích nghe những lời mơn trớn của kẻ thù địch.

Nhưng chớ vội chê.

" Tri Nhân " không phải dễ. Chính Khổng Minh mà còn lầm Mã Tắc, huống những người không có tài trí như Khổng Minh.

" Tri nhân " đã khó, mà " thiện dụng " lại còn khó hơn. Lưu Bang tuy đã biết rõ Hàn Tín có tài, nhưng nếu không có Trương Lương thì Hàn Tín đâu được dùng đúng chỗ.

"Tri nhân, thiện dụng " đã khó, mà " ngôn thính kế tòng " lại còn khó hơn. Bởi vì những kẻ trung trực, tài năng chỉ nhắm đến sự lợi ích chung cho nhân dân cho Tổ Quốc. Những cái ưa thích quá đáng của kẻ có quyền ưa thích ít được kẻ trung người tài tán thành. Một lần còn nhịn được, hai lần còn ráng nhịn được, ba lần đã hết nhịn được nhưng còn cố dẫn, đến bốn lần thì lòng sân hận nổi lên, tất cả đều đổ xuống sông xuống biển... ! Tục có câu " Lời thật mịch lòng ", " Trung ngôn nghịch nhĩ ". Cho nên khó lắm, khó lắm...

Bởi vậy sử dụng tám chữ kia được chu đáo, tất phải là người sáng suốt, biết đặt sự lợi ích chung lên trên quyền

lợi riêng. Các nhà lãnh đạo thành công xưa nay đều là những người nắm vững trong tay tám chữ ấy.

GIẢI OAN



áo Ngôn Luận ra ngày 8 tháng 11 này có đăng tin " một người bị kết án lầm phải ngồi tù đến 15 năm mới được giải oan. "

Người ấy tên Banayad, 48 tuổi, ở đảo Quezon thuộc Phi Luật Tân. Năm 1946 Banayad bị đưa ra tòa vì tội giết người. Ông ta kêu oan, nhưng vì không có trạng sư biện hộ, nên Tòa kết án chung thân, Vừa rồi tự nhiên có người đến thú nhận rằng chính mình là thủ phạm vụ án giết người kia, chớ không phải Banayad. Sau khi các nhà hữu trách xét lại bản án, nhận thấy quả Banayad vô tội, liền trả tự do cho ông ta. Lúc ấy ông ta ngồi tù đã được 15 năm 5 tháng 26 ngày! Trở về nhà thì gia đình đã tan tác: Sau khi ông vào tù được ít lâu thì vợ ông bỏ nhà theo trai và hai đứa con thơ không người nuôi bị chết đói!

Thật là thương tâm!

Đứng trước cảnh ấy các nhà " mặt sắt " không biết có động tâm " lòng vàng " hay chẳng?

Câu chuyện này làm cho tôi nhớ vụ án Chu Thanh đời Hán Chiêu Đế (86-74 trước kỷ nguyên Thiên Chúa).

Chu Thanh là vợ Kim Sinh đất Đông Hải. Chồng là một hàn nho thanh nhã, vợ là một tuyệt thế giai nhân. Vợ chồng yêu kín nhau rất mực, nhưng sống với nhau mới được hai năm thì Kim Sinh tạ thế, để lại cho Chu Thanh một bà mẹ già và một đứa em gái, tên là Tiểu Cô. Cảnh nhà thật là hiu quạnh.

Kim Sinh mất rồi, gia đình họ Kim như con thuyền không lái. Chu Thanh phải thức khuya dậy sớm, làm lụng vất vả mới có thể đở lửa ngày hai. Nàng lại hết lòng thờ mẹ

chồng. Cho nên bà cụ yêu thương nàng hơn cả con ruột. Trái lại nàng Tiểu Cô rất ghét Chu Thành, vì Chu Thành đã hơn hẳn nàng về bên nhan sắc lại còn được mẹ chiều chuộng hơn. Nhưng không bao lâu thì Tiểu Cô có chồng.

Tuy xung khắc nhau, nhưng khi Tiểu Cô sắp vu qui, Chu Thành hết sức lo chạy để thu xếp công việc, may sắm áo quần, cho cô em bước về nhà chồng khỏi tủi thẹn là con mồ côi nhà nghèo không người săn sóc.

Đức hạnh của Chu Thành được tất cả làng xóm ca ngợi. Nhưng những lời ca ngợi Chu Thành càng khiến cho cô em chồng bất mãn. Vì thế từ ngày xuất giá, Tiểu Cô không hề trở về thăm mẹ thăm chị lấy một lần.

Từ ngày Tiểu Cô đi theo chồng cảnh gia đình họ Kim đã hiu quạnh càng hiu quạnh thêm: Trong nhà chỉ có hai người đàn bà hoá, một già một trẻ nương lấy nhau, mẹ kéo sợi dệt vải, con may thuê vá mướn, tháng ngày lạnh lẽo trôi qua. Cuộc sống tuy thiếu thốn nghèo nàn, song tình mẹ thương con, con yêu mẹ, nòng nài thăm thía, khiến cả hai quên hết nỗi vất vả nhọc nhằn.

Chu Thành lúc bấy giờ mới 21 tuổi và chưa con cái. Mê nhan sắc, mến đức hạnh, nhiều nhà khá giả đua nhau đánh tiếng muốn cưới nàng. Đến khi nàng đoạn tang chồng, họ chánh thức nhờ mai đến nói. Chu Thành nhất nhất cự tuyệt. Nàng quyết chí thủ tiết cùng chồng và sống bên cạnh mẹ chồng cho đến chết. Bà cụ họ Kim thương con dâu còn trẻ, hết sức khuyên nàng tái giá. Nhưng nàng thề nhất quyết không thay đổi chủ tâm.

Bảy năm trôi qua yên ổn. Tỉnh thoảng bà cụ lại khuyên con dâu không nên bỏ phí khoảng đời xuân. Chu Thành vẫn một mực cự tuyệt. Một hôm nàng nói thẳng cùng mẹ rằng:

- Từ ngày chồng con qua đời, con tự coi đời con như tro tàn củi mục. Con quyết ở vậy suốt đời để thờ chồng và nuôi mẹ. Bất cứ một người đàn ông nào, dù tài đức đến đâu, cũng không có thể đổi đời tấc lòng con được.

Bà cụ rất cảm động, nhưng bà lại nghĩ rằng chỉ vì không nỡ bỏ bà, nên con dâu không chịu bước thêm một bước nữa. Nếu bà chết đi rồi thì dù thâm tâm chẳng muốn, nàng cũng phải buột lòng lập lại cuộc đời. Đã có lần bà đem ý kiến ấy ra bàn cùng người hàng xóm. Ai nấy đều tưởng rằng đó chỉ là ý nghĩ ở trong bụng mà thôi, nên không ai lưu tâm đến.

Một hôm, đương cùng Chu Thanh làm việc nơi sân trước, bà cụ nói thác rằng buồn ngủ, bảo con dâu có tiếp tục công việc, rồi đi vào nhà trong. Chu Thanh tưởng mẹ đi nằm, ngờ đâu khi vào xem thì bà cụ đã thắt cổ chết!

Bà cụ chết, mục đích là để cho con dâu yêu dấu của bà được tự do lấy chồng. Nào hay cái chết của bà đã chẳng giải phóng được nàng, mà còn làm cho nàng mang hại. Bởi vì Kim Tiểu Cô vốn thù ghét nàng từ lâu, nay đột nhiên nghe tin mẹ chết, liền làm đơn tố cáo, quả quyết rằng Chu Thanh đã bạc đãi và áp bức bà cụ đến phải quyên sinh.

Quan huyện sở tại căn cứ vào lời vu cáo của Tiểu Cô, liền bắt Chu Thanh hạ ngục. Chu Thanh kêu oan. Bà con lối xóm thương tình kéo đến của quan làm chứng hộ. Quan huyện nghĩ rằng dù Chu Thanh không có ý giết mẹ chồng, nhưng giữa hai người chắc có chuyện bất hoà nên bà cụ mới tự tử. Vì thế quan truyền đem Chu Thanh ra tra tấn. Chu Thanh than:

- Sở dĩ tôi còn sống tới ngày nay là vì còn mẹ chồng già yếu. Nay mẹ tôi đã thác thì sự sống chết đối với tôi có

còn nghĩa lý gì nữa mà để cho bọn quan lại hành hạ nhục nhằn.

Bởi vậy khi hình cụ vừa đem ra thì nàng nghiễm nhiên nhận tội đã bức bà cụ. Quan huyện bèn xử nàng vào tội tử hình. Mọi người đều cảm phẫn cho việc xét xử bất minh của quan huyện. Khi vụ án đệ lên quan thái thú Đông Hải, thì trong khắp miền du luận nổi dậy xôn xao. Ai nấy đều thương cho Chu Thanh bị oan uổng. Lúc ấy trong phủ thái thú có viên quan họ Vu trong coi việc hành án, nhất quyết phản đối sự kết án Chu Thanh. Ông cho rằng trong vụ án còn có rất nhiều điểm đáng nghi ngờ. Nếu chịu xét đến phẩm hạnh và hành vi của Chu Thanh trong bảy năm trời, sau khi chồng chết, thì không thể quyết đoán rằng nàng đã nhẫn tâm áp bức mẹ chồng đến chết được. Ông bèn xin quan thái thú xét lại vụ án từ đầu. Nhưng quan thái thú không nghe, cứ theo hồ sơ quan huyện mà định tội, y án tử hình. Vu tào công bèn từ quan và Chu Thanh bị hành quyết.

Cái chết của Chu Thanh đã làm cho toàn dân Đông Hải rơi lệ. Và rất lạ là sau khi Chu Thanh ngậm oan mà chết thì suốt ba năm liền cả huyện của nàng không hề có một giọt mưa! Đất khô nứt nẻ, ruộng vườn bỏ hoang, cây cối vàng cháy, canh kê thảm hiện khắp nơi chốn.

Về sau một vị quan khác đến nhậm chức Thái thú Đông Hải, thấy thảm cảnh như thế, nghĩ rằng chắc có sự oan uổng chi đây, bèn lập đàn tế trời để cầu xin tha thứ. Quan công tào họ Vu nghe tin liền đến thuật lại vụ án của Chu Thanh. Quan liền cho tuyên bố khắp nơi để rửa oan cho người dẫu hiền, và lấy tư cách một phủ quan, trích tiền công ra xây mộ và lập đền thờ Chu Thanh. Để làm gương cho mọi người, quan lại đem Tiểu Cô gian ác độc địa ra trị tội theo phép. Liền đó trời mưa như đổ và không bao lâu

người trong miền được hưởng lại cảnh thanh vượng của ngày xưa.

Và cái án của Chu Thanh được ghi vào sử sách, để làm gương cho các ông quan toà chỉ ưa xét án trên giấy tờ.

TRỊ TỘI NGƯỜI

L

uật pháp đặt ra để trừng trị kẻ có tội. Người quân tử vạn bất đắc dĩ mới dùng đến, về khi dùng đến, tuy giữ lễ công bằng khép kẻ có tội vào lý, nhưng vẫn có chút tình thương xót mà chẳng nở thẳng tay. Kẻ chịu tội gặp được ông quan toà công minh và thân ái, thì chẳng những không oán trách mà còn kích phục và tri ân. Như trường hợp Quý Cao và người dân nước Vệ.

Quý Cao làm quan sĩ sư coi xét việc hình ngục ở nước Vệ, một người thường dân phạm tội, bị Quý Cao làm án chặt chân. Sau đó nước Vệ có loạn, Quý Cao chạy trốn, ra đến cửa thành thì cửa thành đã đóng kín. Người giữ thành lại là người đã bị tội chặt chân ngày trước.

Trong thấy Quý Cao, người giữ cửa bảo:

- Nơi kia có chỗ tường đổ.

Quý Cao nói:

- Quân tử không trèo tường.

Người giữ cửa lại bảo:

- Đàng kia có lỗ hổng.

Quý Cao lại đáp:

- Người quân tử không chui lỗ hổng.

Người giữ cửa liền giục:

- Phía sau kia có ngôi nhà hư.

Quý Cao vội chạy vào nhà núp. Nhờ vậy mà khỏi bị giết bắt.

Khi ra đi, Quý Cao hỏi người giữ cửa:

- Trước ta theo phép nước mà chặt chân người. Nay ta gặp nạn, chính là cơ hội để báo thù. Song lại ba lần người chỉ lỗi cho ta trốn. Thương ta như thế là nghĩa làm sao?

Người giữ cửa đáp:

- Tội tôi đáng chặt chân, tránh sao cho khỏi. Lúc ông luận tội, xoay xử pháp luật, ý muốn nới tay, tôi biết lắm. Lúc án đã định, đem ra hành hình, nét mặt ông buồn rầu, tôi lại càng biết rõ lắm. Thái độ ông như thế, há phải vị riêng gì tôi. Đó là tâm địa người quân tử tự nhiên như vậy... Thế cho nên tôi mới cứu ông.

Đức Khổng Tử nghe chuyện, nói cùng các đệ tử rằng:

- Cũng thì dùng pháp luật, mà dùng với lòng nhân từ thì gây nên ân, còn dùng mà ra dáng tàn bạo thì gây nên oán. Như Quý Cao thật là người làm quan biết dùng pháp luật vậy.

Trừng trị kẻ có tội là một giáo dục. Kẻ có tội biết ăn năn sẽ hoá ra ngoài lương thiện. Cho nên người quân tử dùng đến pháp luật là mong thâm thập được một kết quả tốt.

Nhiều khi vì độ lượng, bao dung được lỗi của người, thì cái kết quả lại càng tốt đẹp hơn là trừng trị. Như trường hợp vua Sở Trang Vương.

Một hôm Trang Vương thiết tiệc đãi các quan. Tiệc vui từ chiều cho đến tối, có cung phi mỹ nữ hầu hạ ca xướng. Đang lúc vui say thì đèn nến bị gió thổi thành linh tặc cả. Một viên quan thừa cơ kéo áo được người cung nữ. Người cung nữ chụp giạt đứt dải mũ, rồi tâu cùng vua:

- Có kẻ kéo áo gheo thiếp. Thiếp giạt được giải mũ. Xin cho thả đèn ngay để xét. Kẻ nào bị đứt dải mũ thì chính là kẻ đã vô lễ làm càn.

Nhà vua nghĩ:

- Cho người ta uống rượu, để say đến quên cả lễ phép, lại vì câu chuyện đàn bà làm sỉ nhục người ta, thì lòng nào nỡ thế. Bèn lập tức ra lệnh:

- Ai uống rượu với Quả Nhân hôm nay mà không say đến giật đứt dải mũ là chưa thật vui.

Các quan theo lệnh, đều giật đứt dải mũ. Khi đèn nến thắp lên thì không còn phân biệt được ai là người phạm tội. Nhờ vậy mà suốt buổi tiệc được vui vầy.

Hai năm sau, nước Sở đánh với nước Tấn. Đánh luôn trăm trận, mà trận nào cũng có viên quan võ trẻ tuổi liều sống chết chiến đấu ở bên cạnh nhà vua. Nhờ vậy mà quân Sở thắng. Trang Vương lấy làm lạ, cho đòi viên quan ấy đến hỏi:

- Quả Nhân đãi nhà người cũng như các quan khác. Có sao nhà người hết lòng giúp Quả Nhân khác người như thế?

Viên quan tâu:

- Thần rắp tâm muốn đem thân mệnh để hiến nhà vua đã lâu. Mãi đến ngày nay mới gặp dịp báo đền ơn nghĩa, thật là may cho thần lắm. Thần tên là Tưởng Hùng, chính là người đã bị giật đứt dải mũ mà nhà vua không nỡ làm tội đó.

Nhà vua hứa về triều sẽ thưởng công. Tưởng Hùng tâu:

- Thần là người có tội. Nay đã đền được tội rồi, như thế là đủ, đâu còn dám mong ân.

Nói đoạn bái biệt Trang Vương, quất ngựa chạy biệt tích.

Sở Trang Vương cũng như Quý Cao vì có lòng nhân đối với người có tội, nên được người có tội tìm cách báo đền. Lòng tốt của nhà vua nước Sở và quan sĩ sự nước Vệ kia

là lòng tốt tự nhiên, chớ không phải vì có tình riêng với người có tội.

Kẻ cầm cân công lý mà để tình riêng chi phối, thì sự xét xử sẽ bất công. Quan tòa đối với kẻ có tội mà đem lòng ghét thì tội nhẹ cũng hoá nặng.

Như xưa kia có một tên lính giữ kho ăn cắp một đồng tiền kho. Viên quan quản kho bắt được đánh mắng thậm tệ. Tên lính xấu hổ qua mới nói:

- Tôi chỉ lấy một đồng tiền mà ông hành hạ tôi đến thế. Ông cậy quyền thế đánh mắng tôi được, chớ ông giỏi thì thử giết tôi xem

Viên quan khố liền kết án:

Mỗi ngày mỗi tiền,

Ngàn ngày ngàn tiền.

Dây kéo gỗ đứt,

Nước nhỏ đá xuyên

Rồi đem tên lính chém chết! Chém chết vì tội ăn trộm của kho, mỗi ngày một ít, kho sẽ rỗng, nước sẽ nghèo!

Đó là một cách quảng diễn, căn cứ vào một sự lý rồi đem sự lý ấy mà suy rộng ra. Lập luận như thế nghe qua thì rất phải, nhưng xét lại thì không lấy làm vững vàng! Bởi vì trên thực tế có thể nào mà ăn trộm hằng ngày, ăn trộm thường xuyên và liên tục được. Bởi ăn trộm thì phải có cơ hội thuận tiện, mà cơ hội thuận tiện thì không lẽ có hằng ngày? Thế mà vì ghét người ta mà cũng làm án được!

Lại nhiều khi, cũng thì một việc mà lúc thương cho tốt, lúc hết thương chê xấu. Như chuyện vua nước Vệ và kẻ

bề tôi là Di Tử Hà.

Một hôm Vệ Vương cùng Di Tử Hà đi dạo vườn đào. Lúc bấy giờ đã hết mùa hoa quả. Nhưng Tử Hà lại tìm được một quả đào muộn chín thắm còn sót trên cành cao. Tử Hà hái ăn hết một nửa thấy ngọt quá, bèn trao cho nhà vua. Nhà vua khen:

- Di Tử Hà thật yêu thương ta. Món ngon đã ăn trong miệng, mà còn nhịn cho ta ăn. Đó là người bạn chí tình.

Nước Vệ lại có lệnh cấm bắt cứ người nào, không ai được tự tiện dùng xe vua, nếu ai phạm tội thì chặt chân. Một hôm Tử Hà nghe tin mẹ ốm nặng liền lấy xe vua về nhà thăm mà không xin phép. Vệ Vương khen:

- Tử Hà thương mẹ đến nỗi quên sợ tội bị chặt chân, thật là người con chí hiếu.

Về sau Vệ Vương hết thân cùng Tử Hà, muốn làm tội, bèn nhắc lại hai chuyện trên:

- Tử Hà là đứa khi quân. Miếng đào đã ăn trong miệng rồi lại nhả ra bắt ta ăn! Không kể đến phép nước, cả gan dùng xe của ta để về thăm mẹ hãnh!

Rồi cách hết chức tước đuổi đi.

Người đời nghe chuyện, cười vua Vệ bị tình cảm làm mất lý trí. Nhưng trên đời đâu phải một vua Vệ mà cười.

Chúng ta không nên cười vua Vệ. Chúng ta chỉ mong sao những ông vua Vệ không có trong các nhà cầm cân công lý, trái lại những ông Quý Cao có rất nhiều, rất nhiều.

THIÊN LUÂN VÀ DỤC VỌNG

Ở đời không tình nào sâu cho bằng tình cha con, không nghĩa nào nặng cho bằng nghĩa anh em.

Cho nên gặp trường hợp nan giải đến đâu, người quân tử cũng cố lo tròn tình nghĩa.

Kẻ tiểu nhân, trái lại, thường bị dục vọng lôi cuốn mà vứt bỏ cả thiên luân.

Trường hợp của cha con Vệ Tuyên Công và anh em Cấp Tử đời Xuân Thu, là một trường hợp điển hình.

Vệ Tuyên Công lúc còn làm Thế Tử tư thông cùng người vợ lẽ của cha là Di Khương, sanh được một trai đặt tên là Cấp Tử.

Khi lên ngôi, Tuyên Công phong Cấp Tử làm Thế Tử, tình rất thương yêu.

Cấp Tử trưởng thành, Tuyên Công cho người sang hỏi con gái Tề Hầu là Tuyên Khương, cho Thế Tử. Nhưng rồi nghe nói Tuyên Khương nhan sắc tuyệt trần, nhà vua sanh lòng ham muốn, bèn lập kế chiếm đoạt.

Tuyên Công, một mặt sai Thế Tử sang nước Tống, một mặt sai cất một lâu đài tráng lệ tại bờ sông Tân Kỳ gọi là Tân Đài. Tân Đài cất xong, nhà vua cho người sang đón Tuyên Khương, nói dối rằng rước về cho Thế Tử, rồi đưa thẳng vào Tân Đài, ngày ngày đến ái ân như là vợ chính thức.

Cấp Tử đi sứ về, Tuyên Công khiến đến Tân Đài ra mắt Tuyên Khương và gọi bằng "kế mẫu". Vốn là người chí hiếu, Cấp Tử không hề có lời oán trách cha.

Thời gian êm đềm trôi. Tuyên Khương sanh được hai trai là công tử Thọ, công tử Sóc

Từ ngày lấy được Tuyên Khương, nhà vua không ngó ngàn gì đến người cũ. Và từ khi Di Khương bị thất sủng, bao nhiêu tình thương con, Tuyên Công cũng đều dồn cho Công Tử Thọ, Công Tử Sóc. Tuyên Công quyết định sau này sẽ truyền ngôi cho công tử Thọ, mặc dù đã phong Cấp Tử làm Thế Tử rồi. Tuy biết rõ lòng cha, Cấp Tử vẫn giữ trọn niềm hiếu hữu.

Còn hai anh em công tử Thọ, công tử Sóc, tuy là anh em ruột, song tâm tình khác hẳn nhau,

Công tử Thọ thì tánh tình hiền hậu khiên tốn, thương yêu Cấp Tử như anh ruột. Còn Sóc thì độc ác gian hiểm, chẳng những ghét Cấp Tử là anh khác mẹ, mà cũng không ưa gì người anh đồng bào. Một hôm Sóc nói cùng mẹ:

- Thân phụ tuy rất yêu đương mẹ và hai con, song Cấp Tử là anh thế nào cũng được nối ngôi báu. Mẹ Cấp Tử vì mẹ con ta mà bị thân phụ bạc đãi. Sau này lên ngôi quốc mẫu Di Khương sao khỏi trả thù?

Nàng Tuyên Khương vốn biết mình là vợ Cấp Tử, nên khi mới về Vệ, ra sức mua chuộc lòng Tuyên Công để sau này Tuyên Công truyền ngôi cho Cấp Tử, vợ chồng chung hưởng phú quý. Nhưng bây giờ đã có hai con cùng Tuyên Công thì lòng nàng đổi khác. Thỉnh thoảng nàng tìm lời gièm pha Cấp Tử để Tuyên Công ghét bỏ mà truyền ngôi cho con mình. Vì vậy, khi nghe lời bàn của Sóc thì Tuyên Khương quyết tìm mưu hại cho được Cấp Tử.

Một hôm, nhằm ngày sanh nhật của Cấp Tử, công tử Thọ bày tiệc rượu chúc mừng. Nể lòng anh, công tử Sóc đến dự, nhưng thấy anh chuyện trò thân mật cùng Cấp Tử,

lòng căm phẫn, bèn tìm cơ thoái thác lui về. Về cung, Sóc làm bộ khóc lóc, nói với mẹ:

- Vì lòng tốt mà con dự tiệc với Cắp Tử. Thế mà Cắp Tử giả đồ say rượu, giở trò đùa, gọi con bằng con và nói: "Mẹ mày là vợ ta, mày phải gọi ta bằng cha mới phải ". Con rất lấy làm xấu hổ. Xin mẹ xét nghĩ cho con nhờ.

Tuyên Khương nghe nói tức quá, bèn đờ Tuyên Công vào cung, sùi sụt khóc. Tuyên Công dỗ hỏi đôi ba phen mới chịu đem lời của công tử Sóc mà thuật lại, lại còn nói thêm rằng:

- Chẳng những Cắp Tử làm nhục mẹ con thiếp mà thôi, Thế Tử lại còn phạm đến Chúa Công nữa.

Tuyên Công hỏi:

- Thằng súc sanh ấy đã nói những gì phạm đến ta?

Tuyên Khương lau nước mắt nói:

- Thế tử nói: Mẹ ta là Khương Di, vợ của ông nội ta, mà phụ thân ta còn lấy làm vợ thay, huống hồ Tuyên Khương là vợ của ta! Âu là ta tạm cho thân phụ ta mượn đỡ. Nay mai ta sẽ lấy lại, và lấy luôn cả ngôi nước Vệ một lần.

Vệ Tuyên Công cả giận, kêu công tử Thọ vào hỏi. Công Tử thưa:

- Cắp Tử là người chí hiếu, không bao giờ có những lời lỗ mãng như thế đâu.

Tuyên Công không biết phải phân xử thế nào, bèn đòi Khương Di vào trách mắng nhục nhã. Khương Di đau đớn quá không chịu nổi, bèn thắt cổ tự tử. Cắp Tử quá thương mẹ, nhưng không dám nói ra, chỉ ôm bụng khói thăm một chặp.

Trừ được Khương Di, mẹ con Tuyên Khương vẫn chưa hả dạ, ngày đêm còn ép buộc Vệ Tuyên Công tìm cách giết

cho được Cặp Tử mới nghe. Vệ Tuyên Công lưỡng lự, nói:

- Cặp Tử không có tội, nếu giết đi, thiên hạ chê cười.

Tuyên Khương khóc:

- Khương Di thác oan. Thế nào Cặp Tử cũng vì mẹ mà trả thù. Nếu Chúa Công không giết Cặp Tử đi thì mẹ con thiếp khó mà sống yên được.

Nước mắt của Tuyên Khương làm bấy lòng Tuyên Công. Nhà vua liền hứa sẽ tìm cách giết Cặp Tử cho ổn thoả để tránh tiếng bất tử. Gặp lúc Tề Hi Công cho người sang mượn quân nước Vệ. Vệ Tuyên Công bèn lập mưu cùng mẹ con công tử Sóc:

- Ta sẽ sai Cặp Tử cầm cờ tiết trắng đi sứ nước Tề, rồi cho võ sĩ phục giữa đường mà giết.

Mẹ con công tử Sóc rất mừng, liền triệu tập bọn con đồ, dặn đến núp nơi Săng Giã là chỗ đường thủy giáp liền với đường bộ, hễ thấy có người cầm cờ trắng đi qua thì phải nhảy ra giết tức khắc. Công việc sắp đặt xong, mẹ con vui sướng lộ ra ngoài nét mặt.

Công tử Thọ dò biết được âm mưu, lén qua nói với Cặp Tử. Cặp Tử ngồi thẩn thờ không đáp. Công tử Thọ nói:

- Đường từ đây sang Tề, thế nào cũng phải qua Săng Giã. Mà qua đó thì lành ít dữ nhiều. Chi bằng hãy trốn sang nước khác rồi sẽ lo toan.

Cặp Tử đáp:

- Đạo làm con, nếu không nghe lời cha mẹ sai khiến, thì đâu còn hiếu thảo. Và lại phụ thân đã muốn ta chết thì ta có còn sống nữa cũng chẳng ích chi.

Công tử Thọ khuyên thế nào Cặp Tử cũng không nghe.

Lệnh Tuyên Công ban xuống, Cặp Tử sửa soạn hành trang, từ biệt công tử Thọ, xuống thuyền.

Công tử Thọ bàn cùng kẻ tâm phúc:

- Anh ta quả là một người chí hiếu. Nếu để anh ta chết, sau này mặt mũi nào mà ta nổi ngôi. Âu là phải lấy cái chết của ta để thức tỉnh lòng thương xót của cha mẹ ta mới được.

Liền dọn một chiếc thuyền, đem đủ đồ vật, gọi một ít kẻ tùy tùng bảo chèo theo thuyền Cấp Tử.

Hai thuyền gặp nhau, công tử Thọ gọi lớn:

- Anh đi đường xa, em muốn dâng anh một chén rượu tiễn hành, xin anh vui mà chấp nhận.

Cấp Tử dừng thuyền, bước sang thuyền công tử Thọ. Công Tử Thọ rót một chén rượu đầy dâng cho anh, nhưng chưa kịp nói thì nước mắt tuôn tràn, sa vào chén rượu. Cấp Tử vội vã bưng chén rượu uống cạn một hơi. Công Tử Thọ sụt sùi nói:

- Em khóc làm cho nước mắt rơi vào rượu, thật vô lễ!

Cấp Tử cầm tay em, ứa nước mắt, nói:

- Anh chỉ muốn uống những giọt nước mắt ấy để giữ mãi vào lòng tấm thân tình của em.

Công tử Thọ nghe nói oà khóc. Cấp Tử cũng khóc theo. Những kẻ tùy tùng tuy không biết rõ nỗi thương tâm, nhưng đứng trước mối tình thắm thía của hai anh em, cũng không cầm được nước mắt.

Trên sông vắng vẻ.

Công Tử Thọ rót thêm một chén rượu nữa dâng cho anh. Cấp Tử nâng chén uống cạn. Cạn chén này công tử rót chén khác, nài ép anh. Không nỡ từ, Cấp Tử uống đến say mèm, nằm vật xuống thuyền ngủ thiếp. Công tử Thọ ôm anh khóc một lúc, rồi bảo thủ hạ:

- Lệnh vua phải đi gấp, mà anh ta lại say, e bị trễ nải. Vậy ta đi thế mới được.

Nói đoạn viết một bức thư, dặn quân hầu lúc nào Cáp Tử dậy sẽ đưa, rồi lấy cờ trắng bước sang thuyền Cáp Tử, ra lệnh cho thuyền chạy đi ngay.

Thuyền đến Săng Giã, bọn côn đồ trông thấy cờ trắng, liền kéo nhau chạy ào ra bắt. Công tử Thọ đứng dậy chỉ vào mặt chúng mắng lớn:

- Ta là Cáp Tử, Thế Tử nước Vệ, phụng mệnh sang sứ nước Tề. Sao chúng bay dám cản trở?

Bọn côn đồ nói:

- Chúng ta tuân lệnh Vệ hầu ra đây thực lấy đầu người.

Nói đoạn xông đến chém Công tử Thọ, lấy thủ cấp bỏ vào hộp, và đoạt cờ tiết mang về.

Còn Cáp Tử, khi tỉnh rượu, mở mắt hông thấy em, liền hỏi. Quân hầu liền trao bức thư của Công tử Thọ. Mở thư ra xem, thấy một hàng chữ " Em đi thay anh, anh hãy tìm nơi lánh nạn", Cáp Tử oà lên khóc:

- Thôi nguy cho em ta rồi!

Đoạn hồi kẻ tùy tùng:

- Hãy chèo thuyền đi mau kéo chúng giết lầm mất!

Không hiểu gì cả, nhưng được lệnh, đoàn chèo thuyền gắng hết sức chèo thuyền đi. Đi được một khúc sông thì gặp thuyền bọn côn đồ phăng phăng rẽ nước lướt tới, gươm giáo sáng lòà. Cáp Tử sanh nghi, vội hỏi:

- Các người phụng mệnh chúa công đã làm xong nhiệm vụ chưa?

Tưởng người của công tử Sóc sai đến tiếp ứng, bọn côn đồ bưng chiếc hộp đựng đầu công tử Thọ đưa sang, và

nói:

- Chúng ta đã thành công. Bảo vật đây.

Cấp Tử trông thấy đầu em, hét lên một tiếng, ngã xuống thuyền, bất tỉnh. Kẻ tùy tùng cứu tỉnh lại. Cấp Tử khóc nã nùng. Bọn côn đồ nhìn nhau ngơ ngác. Hồi lâu Cấp Tử gạt nước mắt nói lớn:

- Ta là Cấp Tử, vì có tội, nên cha ta sai chúng bay giết. Chớ công tử Thọ là em ta, có tội gì mà bị giết oan?

Bọn côn đồ giật mình, nói với nhau:

- Chúng ta giết lầm rồi!

Một đứa nói:

- Thế này thì phải giết Cấp Tử nữa mới chuộc nỗi tội lầm lộn của chúng ta.

Nói xong chúng áp lại chặt đầu Cấp Tử bỏ chung vào hộp, rồi về thành Vệ dâng cho công tử Sóc, và thuật rõ việc giết lầm.

Chẳng những không bắt tội bọn côn đồ, Sóc vỗ tay cười lớn:

- Thật trời đã giúp ta! Trời đã giúp ta!

Đoạn hậu thưởng bọn côn đồ rồi vào cung báo hỷ tίν.

Tuyên Khương buồn vui lẫn lộn. Nhưng vì biết Vệ Hầu rất yêu công tử Thọ, nên mẹ con giấu việc công tử bị giết lầm.

Sau Tuyên Công qua đời. Công tử Sóc nổi ngôi. Và nước Vệ có biến.

Xem chuyện Vệ Tuyên Công, đổ ai khởi gớm cho lòng dâm dục và bất nhân của nhà vua, và ngán cho lòng ác độc của mẹ con công tử Sóc. Rõ vì dục vọng thúc dục mà bỏ cả thiên luân. Và thật cũng ít ai ngờ rằng một nhà vua

dâm loạn như Vệ Tuyên Công mà lại sinh được hai người con như Cấ Tử và công tử Thọ! Thật là cây đấng sanh trái ngọt vậy.

LÒNG NGỜ VỰC



Ổ nhân dạy rằng:

- Gặp người đáng nói mà không nói là bỏ mất một người. Gặp người không đáng nói mà nói là làm phí mất lời nói.

Kẻ hậu sinh xin thêm:

- Gặp người không đáng nói mà nói, chẳng những làm phí mất lời nói, mà có khi còn rước mối họa vào thân.

Để chứng minh, xin kể chuyện " Tường đổ " chép trong sách Hàn Phi Tử. Chuyện rằng:

Nước Tống có người nhà giàu. Một hôm trời mưa, bờ tường nhà anh ta đổ. Đứa con nói:

- Thưa cha, không đắp ngay tường lại, kẻ trộm sẽ lén vào.

Người láng giềng thấy tường đổ cũng nói:

- Này bác, không đắp ngay tường lại, kẻ trộm sẽ lén vào.

Tường chưa kịp đắp, thì tối hôm ấy, người nhà giàu quả nhiên bị mất trộm. Anh ta khen đứa con thông minh, có tài tiên đoán, nhưng lại ngờ người láng giềng là kẻ gian phi.

Hàn Phi Tử bàn rằng:

- Cùng một câu nói, con nói thì khen là tinh khôn, láng giềng nói thì ngờ là trộm cắp! Tại sao thế? Chỉ tại con thì tình thâm, nên không có bụng ngờ, láng giềng là tình sơ, nên sinh ra ngờ vực. Bởi vậy, phận sơ mà nói câu thân, thì thế nào người nghe cũng đem lòng nghi hoặc.

Thật là lời nói của người đã thấu triệt nhân tâm.

Mà khi trong lòng đã sanh ra mỗi ngờ vực rồi thì vật ngoài đều theo lòng mà biến đổi. Bởi vì hễ tâm cảm nghĩ thế nào, thì trí liền tưởng tượng ngay một cảnh sắc thích hợp theo thế ấy. Như trường hợp anh chàng mất búa trong sách Liệt Tử.

Anh chàng ấy tên gì và ở thời nào, sách không chép rõ, mà chỉ chép rằng:

Anh chàng mất một lưỡi búa, ngờ cho đứa con nhà láng giềng trộm. Trông dáng hăn đi, anh chàng nhận thấy rõ ràng là dáng đứa ăn trộm búa. Nhìn vẻ mặt hăn, anh chàng nhận thấy rõ ràng là vẻ mặt đứa ăn trộm búa. Cho đến ngôn ngữ, cử chỉ, hành động của hăn, không một tí gì, đối với anh chàng, là không tỏ ra một đứa ăn trộm búa cả.

Chẳng bao lâu, anh chàng bới trong hố, tình cờ tìm lại được lưỡi búa, thì hôm sau, trông đứa con nhà láng giềng, không thấy một tí gì giống đứa ăn trộm búa nữa.

Dường như là một câu chuyện ngụ ngôn, nhưng thật là đúng tâm lý của người muôn thuở. Và sự ngờ vực của anh chàng mất búa cũng như người nhà giàu có tường đồ kia, còn nằm yên trong lòng, nên kẻ bị ngờ vực không bị thiệt hại. Chớ lòng ngờ vực một khi không chịu nằm yên trong lòng, thì thế nào cũng đưa đến cho người bị ngờ vực một kết quả tai hại, không nhiều thì ít, chớ chẳng không.

Câu chuyện của Tào Tháo sau đây là một bằng chứng cụ thể:

Tào Tháo sau khi mưu giết Đổng Trác không thành, bèn quất ngựa chạy trốn. Chạy đến Tiêu Quận thì Tháo gặp viên tri huyện Trung Quận là Trần Cung. Cung tưởng Tháo là người trung nghĩa, liền bỏ chức xin theo. Hai người

cùng nhau đến quận Trần Lưu là quê hương của Tào Tháo để mưu đồ đại sự.

Đi đặng ba ngày đến đất Thành Cao, trời vừa ngả tối, Tào Tháo chỉ một xóm rừng rậm, bảo Trần Cung:

- Trong nơi kia có người tên Ngũ Bá Xa là anh em bạn với cha tôi. Chúng ta hãy ghé vào đó, trước nghỉ chân, sau hỏi thăm tin mà luôn thể.

Trần Cung theo lời. Bá Xa mừng rỡ. Tào Tháo đem chuyện mình mưu giết董卓 và việc gặp gỡ Trần Cung kể cho Bá Xa nghe. Bá Xa cảm kích, tạ ơn Trần Cung:

- Cháu tôi gặp được ngài thật là may mắn.

Đoạn mời Trần Cung và Tào Tháo nằm nghỉ. Bá Xa vào nhà trong giây lâu rồi trở ra nói cùng Trần Cung:

- Trong nhà không sẵn rượu ngon. Tôi xin ra ngoài mua ít be về uống. Ngài chịu phiền ở nhà cũng cháu tôi.

Nói rồi, cỡi lừa ra đi.

Ở nhà, Trần Cung cùng Tào Tháo chột nghe tiếng mài dao ở phía sau. Tháo sanh nghi bảo Trần Cung:

- Ngũ Bá Xa tuy quen đã lâu ngày, nhưng không phải chỗ chí thân. Công việc của chúng ta, y đã biết rồi thì việc xin đi mua rượu thật không đáng tin cho lắm. Chúng ta phải đề phòng.

Hai người bèn lén ra nhà sau rình nghe. Bỗng có tiếng hỏi:

- Ra tay chưa?

Liền có tiếng đáp:

- Hãy trói cho chặt rồi sẽ giết.

Tháo thất kinh bảo:

- Thôi, đích thị rồi! Nếu mình không ra tay trước thì tất phải mang hoạ.

Hai người bèn tuốt gươm thẳng vào nhà trong, gặp ai chém nấy, không luận nam nữ, cả thầy tám mạng. Đến chùng xuống bếp thấy một con heo bị trói, Trần Cung kinh hãi, nói:

- Mạnh Đức đa nghi quá! Đã giết lầm quá nhiều!

Tháo đáp:

- Đã lỡ rồi, có hối cũng vô ích. Chi bằng sớm lo thoát thân.

Hai người vội vã lên ngựa. Đi chưa được vài dặm thì gặp Bá Xa trở về, trước lừa đeo hai be rượu, tay cầm bó rau. Trong thấy khách, Bá Xa vội hỏi:

- Cháu và ngài đi đâu thế? Tôi đã bảo lũ trẻ làm thịt con heo đánh chén, cứ chi lại bỏ đi?

Tháo đáp:

- Cháu là người có tội, chẳng dám ở lâu.

Nói xong cùng Trần Cung thúc ngựa đi thẳng. Đi được một chặng. Tháo lại quay ngựa lại, chạy theo gọi Bá Xa. Nghe gọi Bá Xa dừng ngựa ngoảnh lại trông. Tháo chạy vụt tới, rút kiếm chém rơi đầu! Trần Cung thất sắc, hỏi:

- Khi ở nhà vì lầm mà chém, chứ bây giờ chém nữa là cứ làm sao?

Tháo đáp:

- Bá Xa về nhà thấy gia quyến chết nhiều, nóng lòng tất đuổi theo bắt chúng ta để làm tội.

Trần Cung phàn nàn:

- Đã biết người vô tội mà còn cố sát, thì thật là phi nghĩa!

Tháo biện bạch:

- Thà mình phụ người chớ đừng để người phụ mình.

Trần Cung làm thinh.

Hai người lặng lẽ đi trong ánh trăng mờ. Được vài dặm gặp quán, vào nghỉ. Tháo ngủ trước. Trần Cung ngồi than một mình:

- Tưởng hãn là người tốt, ta mới bỏ chức mà theo, ai dè lòng dạ độc ác hơn lang sói. Nếu chẳng sớm trừ đi thì ắt sẽ sanh hậu họa.

Bèn rút gươm toan hạ thủ. Nhưng lại hồi tâm, tự nhủ:

- Đã lầm theo hãn, giờ lại giết hãn thì còn gì phi nghĩa hơn! Âu là bỏ đi xứ khác vậy.

Trần Cung liền lên ngựa sang Đông quận. Tào Tháo thức dậy không thấy Trần Cung, nghĩ thầm:

- Nghe ta nói mấy lời, Trần Cung nghi ta là bất nhân nên bỏ ta. Ta phải xa gấp nơi này mới được.

Rồi không đợi trời sáng hồi hỏ lên ngựa đi ngay.

Tánh đa nghi của Tào Tháo, về sau, còn làm hại rất nhiều người. Và họ Tào đã trở nên một nhân vật điển hình về tánh đa nghi và kết quả tai hại của sự ngờ vực.

Mà Tào Tháo hai nghi ngờ là vì trong lòng chất chứa những mưu gian. Rồi suy bụng ta ra bụng người, tưởng ai cũng như mình hết.

Tục ngữ có câu: " Một nghi mười ngờ, một ngờ mười tội ". Để tránh khỏi tội ngờ oan thì chúng ta cố giữ lòng cho thật chính.

Và như chúng ta đã thấy: bị ngờ thường là do lời nói không thích nghi.

Cho nên bọn chúng ta, nếu ai nấy đều lo chính tâm, đều lo căn ngôn, thì quanh ta tự nhiên không còn không khí ngờ vực nhiều khi làm cho chúng ta khó thở.

TÁNH KIÊU NGẠO

K

iêu Ngạo không phải là một tánh tốt. Nhưng kẻ sĩ trong thiên hạ xưa nay không mấy người tránh khỏi. Như Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Chu Thần Cao Bá Quát..., là những vật của nước ta trong khoảng gần đây có nhiều câu chuyện biểu hiện khí cốt cao ngạo của hai nhà.

Như chuyện xảy ra giữa Tản Đà và Vi Văn Định.

Vi Văn Định làm Tổng Đốc Hà Đông, mộ tiếng Tản Đà, đưa thiệp đến mời sang dinh hội ẩm. Tản Đà bảo người đi mời:

- Nhờ bẩm lại giùm cùng quan lớn rằng: nếu quan lớn đòi tên dân Nguyễn Khắc Hiếu đến có việc quan, thì Hiếu không dám trễ, bằng quan lớn muốn đối ẩm cùng Hiếu, thì mời quan lớn quá bước đến tậ xá, Hiếu xin hầu.

Câu chuyện giữa Tản Đà và Vi Văn Định thật giống hệt chuyện nhà cao sĩ Vương Miện và viên tri huyện họ Thời trong Nho Lâm ngoại sử của Ngô kính Tử đời Thanh. Và Tản Đà cùng như Vương Miện, được tránh khỏi nanh vuốt của nhà cầm quyền, mặc dù nhà cầm quyền rất căm giận. Đó cũng nhờ có danh mà không có tội.

Nhưng thái độ của Tản Đà không khó chịu bằng thái độ Chu Thần.

Chu Thần được một nhà quyền quý nọ mời uống rượu. Rượu được vài tuần, chủ nhân xin được nghe thơ. Chu Thần ứng khẩu đọc:

Hữu khách thỉnh ẩm tửu

Bất tri khách thị thù.

Kim tịch thị hà tịch?

Thiên cao minh nguyệt tri.

Nghĩa là:

Có khách mời uống rượu,

Chẳng biết khách là ai.

Đêm nay đêm nào nhỉ?

Trời cao trăng sáng soi.

Nghe chuyện ấy, có người bất bình hỏi:

- Người ta có bụng tốt mời mình đến chung vui, sao mình lại trở mặt khinh miệt người ta thế?

Xin thưa:

- Tất cả mọi việc trên dương thế đều có nguyên nhân. Phải xét sâu mới thấy rõ. Người đời, kẻ thì lấy quyền thế mà khinh người, kẻ thì lấy học thức mà khinh người. Kẻ quyền thế thường khinh tất cả mọi người mà địa vị kém mình. Còn kẻ học chỉ khinh những người đáng khinh, phần nhiều là những người có địa vị cao mà học thức kém hoặc tư cách kém. Vì vậy kẻ quyền quý thường ghét kẻ học thức. Ghét nhưng lại ưng làm thân. Mà làm thân không phải vì ái mộ, mà chính là muốn dùng kẻ học thức - tức là kẻ sĩ - để làm đồ trang sức cho cuộc đời giàu sang của mình, hoặc để làm phương tiện, làm công cụ nâng đời sống của mình lên cao sang. Nghĩa là họ muốn làm thân cùng kẻ sĩ vì họ chớ không phải vì kẻ sĩ.

Đối với kẻ sĩ, nhất là đối với kẻ hàn sĩ, người quyền thế thường lấy phú quý mà làm mối, không như được, họ bèn dùng uy vũ mà hiếp.

Kẻ sĩ biết rõ tâm lý của kẻ quyền quý nên luôn luôn đề phòng, và để chống lại thói khinh bạc của đối phương, kẻ

sĩ không có khí giới nào khác hơn là khí ngạo.

Đó là sự cực chẳng đã mà thôi.

Nhiều khi kẻ sĩ cố ý tỏ ra khinh người, để người bị khinh thăm ý mà sửa lỗi. Như trường hợp Điền Tử Phương và Tử Kịch đời Chiến Quốc:

Tử Kịch là một bậc quyền quý. Tử Phương là một hàn sĩ có đại danh. Tử Kịch gặp Tử Phương ở giữa đường, liền xuống xe vái chào. Tử Phương làm lơ không đáp. Tử Kịch nổi giận hỏi:

- Kẻ phú quý hay khinh người đã đành, kẻ bần tiện có khinh người được không?

Tử Phương đáp:

- Kẻ bần tiện mới có thể khinh người. Kẻ phú quý sao dám khinh người. Vua mà khinh người mà mất nước, quan mà khinh người thì mất chức. Còn kẻ học thức xử cảnh bần tiện, đi đến đâu mà lời nói vua quan không nghe, việc làm vua quan không theo, thì xỏ chân vào giày đi lập tức. Đến chỗ nào chẳng được bần tiện, còn lo sợ gì mà không dám khinh người!

Tử Kinh nghiêng mình tạ lỗi. Tử Phương phất tay áo mà đi.

Mà khinh người chẳng những chỉ khinh người quyền quý mà trên đầu còn có kẻ quyền quý hơn. Kẻ sĩ còn tỏ ý khinh cả những bậc chí tôn, nghĩa là cả vua chúa, nếu vua chúa ấy không đáng để kẻ sĩ phụng sự. Đây là bằng chứng:

Vua Tuyên Vương nước Tề đến chơi nhà Nhan Súc, Vua bảo:

- Súc hãy lại đây.

Nhan Súc cũng bảo:

- Vua hãy lại đây.

Các quan tùy tùng thấy vậy bèn nói:

- Vua là bậc chí tôn. Súc là kẻ thần hạ. Vua bảo Súc lại đây. Súc cũng bảo " Vua lại đây ". Như thế có nghe được không?

Nhan Súc đáp:

- Vua gọi Súc mà Súc lại, thì Súc là người hâm mộ thần thế. Súc gọi vua mà vua lại, thì vua là người quý trọng hiền sĩ. Nếu để Súc này mang tiếng hâm mộ quyền thế, thì sao bằng để vua được tiếng quý trọng hiền tài.

Vua nghe nói, nổi giận, gắt:

- Vua quý hay kẻ sĩ quý?

Nhan Súc đáp:

- Kẻ sĩ quý, vua không quý.

Vua hỏi:

- Có sách nào nói thế không?

Nhan Súc đáp:

- Có. Ngày trước nước Tần sang đánh nước Tề có hạ lệnh: " Ai đến gần mộ Liễu Hạ Huệ kiếm củi, thì bị xử tử". Lại có lệnh nữa: " Ai lấy được thủ cấp vua Tề thì được phong hầu và thưởng ngàn vàng". Xem thế đủ biết cái đầu ông vua sống thực không bằng cái mả kẻ sĩ đã chết.

Vua Tuyên Vương nói:

- Than ôi! Người quân tử ai mà dám khinh! Quả nhân cam chịu lỗi. Nay Quả Nhân xin làm đệ tử để tiên sinh dạy bảo cho. Tiên sinh mà về với Quả Nhân, thì được ăn sung mặc sướng, lên xe xuống ngựa, vợ con được quần áo xênh xang tha hồ đẹp.

Nhan Súc Từ chối:

- Ngọc vốn ở núi, lấy ra mài dũa, chế làm đồ vật, tuy đem bày biện có phần quý báu, nhưng cũng là hỏng, vì vóc ngọc không còn. Kẻ sĩ nơi hoang dã bỏ ra làm quan, tuy vinh hiển thật, song hình, thần không còn được toàn. Súc xin ở nhà, lúc đói mới ăn, thì rau mấm cũng ngon như cá thịt; lúc đi cứ bước một khoan thai, thì cũng nhẹ nhàng như lên xe xuống ngựa; suốt đời không tội lỗi cùng ai, thì cũng sung sướng như quan cao chức trọng. Hình, thần lúc nào cũng được thanh khiết chính đính, thế là đủ khoan khoái cho Súc rồi.

Kho ebook online

<http://isach.info>